

SƠ N NAM

người bạn triệu phú

NGƯỜI BẠN TRIỆU PHÚ ★ MỘT KIỀU
LÀM ÁN ★ CON GÀ QUÈ ★ CÂY TRỪNG
CÁ ★ NÀNG THƠ LẠC LỐI ★ THẤY
CẢNH NHỚ NGƯỜI ★ NHỚ NĂM
THÌN ★ NHỮNG VIÊN THUỐC BỒ ★
CHUYỆN CON MÈO ★ NGÀY XUÂN
NGHE CHIM HÓT

SƠN - NAM

***người bạn
triệu phú***

TRUYỆN NGẮN

Nhà sách KHAI-TRÍ

62, Đại-lộ Lê-Lợi — SAIGON

NGƯỜI BẠN TRIỆU PHÚ

Tối hôm ấy — tối thứ ba (chi tiết này rất quan trọng) — đầu vào khoảng 7 giờ, tôi đi lang thang trên đường Huỳnh Quang Tiên với ý định thăm viếng một người bạn thân thiết. Rủi thay khi tôi đến thì bạn vừa ra khỏi nhà chừng năm ba phút.

Tôi đứng dưới gốc cây, hút thuốc vờ về mặt sầu tư của con người cô độc. Thời giờ còn dư nhiều quá, giết nó bằng cách nào bây giờ?

Hút thuốc được vài hơi, tôi sức nhớ tới nhiệm vụ của mình là phải... Đứng lâu một chỗ, coi kỳ quá, tôi rảo bước về phía mé sông Cầu Ông Lãnh. Quang cảnh hai bên hơi rộn rịp khác thường. Trẻ con đứng lố nhố, chỉ chỗ... Ngay cả những người lớn tuổi, những ông chủ nhà lầu, chủ biệt thự cũng ra ngoài sân, rời khỏi cổng, đi tới lui ngoài đường, nện từng bước khá mạnh, biểu lộ nổi xao xuyến, bất mãn. Họ giận ai vậy? Thái độ dân chúng ra ngoài đường khiến tôi suy nghĩ tưởng tượng đến một biến cố...

sốt dẻo vào giờ chót mà báo chí và các thông tin viên thạo tin nhứt cũng chưa biết đến.

Họ đều là người lạ. Người ở hai bên dòm tôi, dòm ngó qua lại. Tôi dòm họ, mỉm cười, nụ cười lạnh nhạt, theo kiểu xã giao mơ hồ.

Một bà trạc bốn mươi tuổi từ công biệt thự tiến tới như muốn chặn đầu. Biệt thự ấy thuộc quyền sở hữu chủ của một ông chủ xuất nhập cảng danh tiếng ở đường Trần Hưng Đạo. Đích thị bà ta là vợ ông chủ.

— Xin lỗi thầy... Bà ta nói ngập ngừng.

— Chào bà.

— Dạ không có gì.

Tôi hơi thắc mắc. Nếu không có gì, tại sao bà ta đột ngột làm quen với tôi. Bà ta tiếp lời :

— Dường như thầy hơi quen với cái ông... thợ sắp chữ nhà in ở đằng kia hả ?

Tôi xác nhận với tất cả dè dặt :

— Dạ, hơi quen. Thợ nhà in tôi quen nhiều người lắm. Chẳng hay bà muốn...

— Thì cái ông thợ chạy xe máy « xếp lết » ưa đi uống cà-phê với ông đó.

— Dạ... ông ta gặp tai nạn ?

Bà ta vung tay, đập mạnh xuống, suýt chút nữa đụng nhằm vai tôi :

— Ông trúng số độc đắc !

Người thợ nhà in mà bà ta ám chỉ, tôi biết rồi : chính là anh Mộc, anh nầy nghèo lắm. Thường lệ cứ đôi ba tuần lễ, tôi ghé thăm anh một lần. Nhà anh Mộc cất trên bãi bùn, kiểu nhà sàn nhưng có lầu bằng ván thông. Việc xây lầu của anh ta rất dễ hiểu : nhà quá chật chội, không có đất để phát triển theo bề dài thì chủ nhơn tìm cách cho nhà phát triển theo bề cao với mớ vật liệu kiến trúc thuộc vào loại nhẹ. Tuy nhiên, đám con cái lủ khủ của anh Mộc thích ở tầng dưới để thỉnh thoảng chạy giỡn rồi té xuống bãi, uống nước bùn no bụng.

Tôi đứng im. Bà chủ xuất nhập cảng thúc hối :

— Ông trúng số độc đắc rồi !

Tôi nghĩ thầm : Rõ ràng Thần tài đến viếng mọi người bất phân giai cấp, tuổi tác. Nhưng trúng số độc đắc là việc thế gian hy hữu. Nhiều người loan tin mình trúng số với mục đích đôi khi bất chánh. Tôi từng đọc báo thấy đăng người này trúng số, người kia trúng số nhưng tất cả đều xa lạ, ngoài phạm vi quen thân.

Lần này, nếu quả thật ông bạn Mộc quý hóa trúng số thì tôi được hưởng cái hên lây.

Tôi hỏi kỹ lại :

— Thưa bà ! Ông trúng thiệt hay trúng chơi ?

— Trúng thiệt chứ ! Chúng cá cặp, cặp đôi ! Tôi nói dóc làm gì ? Mới trúng hồi chiều. Ông nên lại « thăm » thăm ông một chút.

Tôi bắt đầu sượng sùng. Thăm người bạn thân vừa trúng số cá cặp (một triệu nhân cho hai tức là hai triệu) quả là điều hơi tế nhị. « Thăm » trong trường hợp này có nghĩa là xin tiền, một kiểu xin vừa hợp lý, vừa khéo léo. « Thốt có tanh tao ruồi đổ đến », « Bầu cư náo thị vô nhơn vấn, phú tại lâm sơn hữu khách tầm »... vân vân... hàng chục câu thơ, câu cách ngôn hiện lên trong ký ức của tôi.

— Minh thăm như vậy coi kỹ không ?

Tôi hỏi thăm như vậy rồi bỗng nhiên tìm được câu trả lời :

— Chẳng có chi gọi là kỹ hết. Bạn thân của ta... cụ thể là chưa lãnh tiền ! Nghe đâu theo thủ tục, muốn lãnh triệu bạc ấy, « đương sự » cần đợi vài ba ngày gì đó. Đi thăm viếng trong trường hợp này, hợp lý quá. Hơn nữa, mình giả bộ như chưa hay biết tin mừng quan

trọng ấy. Lời thiên hạ đồn đãi lắm khi trät kia mà.

Bàn chân tôi từ từ di động. Thích thú quá. Tôi vái trời cho thiên hạ đồn trúng như sự thật. Dịp hy hữu để tôi dò xét, sưu tầm, khảo cứu về tâm lý của người vừa trở thành triệu phú.

Con đường hẻm hiện ra bên phải, tối om. Nói là đường hẻm chứ thật ra nó chỉ là một chiếc cầu ván ọp ẹp, nếu đi không quen ắt làm rớt guốc xuống bùn Yên tĩnh quá. Khung cảnh giống hệt như ngày nào anh Mộc chưa trúng số. Vài người ra vào, thưa thớt. Tôi nghĩ thầm :

— Các cha hồi nãy phóng tin vịt. Thần Tài chưa thêm viếng cái cầu ván này.

Đến trước cửa nhà bạn Mộc, tôi thấy mấy đứa con của bạn vẫn trần truồng như thuở nào ! Con nít lên năm lên bảy ra đùa giỡn hồn nhiên, nhiều đứa hể mặc quần áo chừng vài phút là đòi cởi ra lập tức cho cơ thể khỏi bức bối.

Tôi hỏi nhanh :

— Có ba ở nhà không ?

Mấy đứa « con nhà triệu phú » mỉm cười

— Ông mới đi chợ.

Vì là chỗ quen thân, tôi mạnh dạn mở cửa, trèo lên cái cầu thang bằng cây, ngồi bệp « trên lầu » chờ đợi.

Độ nửa phút sau, ở tầng dưới tiếng vợ bạn Mộc hỏi :

— Ai đó ? Anh Kỳ Phong hả ?

Tôi đáp :

— Tôi đây, Ảnh đâu rồi chị ?

— Nhà tôi đi « đốc tơ ».

— Dạ bệnh gì vậy ?

Tôi muốn nói luôn : Chắc trở thành triệu phú rồi mang bệnh vì thần kinh xúc động. Nhưng xung quanh tôi, chẳng có điều gì báo hiệu, chủ nhân là người triệu phú hợp pháp trong hiện tại. Mùi cá kho khô từ dưới bếp xông lên thơm thơm. Tôi ghé nhìn trộm qua kẽ hở của sàn gác. Vợ bạn Mộc đang nấu cơm với chiếc soong nhôm, thức ăn quá đơn giản. Ngoài nồi cá kho, trên bếp còn một mớ rau muống chưa luộc, vậy thôi !

— Ảnh đau bao tử. Bệnh mọi lần đó. Anh ngồi chờ, lát nữa ảnh về mà !

Bây giờ, tôi tin chắc trăm phần trăm rằng anh bạn Mộc không trúng số một triệu hoặc

hai triệu như thiên hạ đồn đại. Nếu có, anh chỉ hưởng « lô » an ủi hai ngàn đồng hoặc trúng 100.000 đồng là cao nhất.

Ngồi chờ lâu quá, tôi trái chiều, nằm xuống. Bao nhiêu giả thuyết lần lượt nêu ra. Không có lửa làm sao có khói? Anh bạn Mộc vốn hiền lành, chẳng bao giờ dính dáng trong công việc làm ăn hoặc trong hệ thống tình cảm chòm xóm liên gia với bà chủ xuất nhập cảng. Nhất định nguồn tin nọ xuất phát từ một điểm hữu lý nào đó. Chẳng lẽ anh bạn Mộc lương thiện, hiền lành như cục đất lại loan tin ầu với dụng ý làm « áp phe »? Vô lý quá. Chẳng lẽ bà chủ xuất nhập cảng và số người đứng loi nhoi ngoài đường khi nãy lại phóng tin vịt để ám hại người lương thiện.

Mấy đứa bé chợt reo lên

— Ba về! Ba về!

Bạn Mộc vào nhà, dựng chiếc xe máy vào vách. Tôi nghe anh hỏi vợ:

— Nãy giờ, có ai kiếm tôi không?

— Có anh Kỳ Phong chờ trên gác đó?

Bạn Mộc reo to:

— Anh Kỳ Phong hả? Lại đây lâu mau rồi?
Có chuyện gì lạ không?

« Chuyện gì lạ » ! Ba tiếng nói mầu nhiệm ấy đáng lý ra phải thốt từ cửa miệng của tôi, chẳng nầy anh bạn triệu phú hỏi ngược, làm như tôi là kẻ vừa trúng số cả cặp hai triệu. Thiệt ra, nếu là kẻ trúng số, chưa chắc tôi « có lòng tốt » đến tìm anh Mộc nghèo nàn, xơ xác này để báo tin trước nhưt.

Bước chân anh nện rầm rầm trên cầu thang. Anh cố tình bước nhẹ để bảo vệ tài sản nhưng cả sàn gác mỏng manh yếu ớt đều rung chuyển.

Nhanh như chớp, tôi liếc xem gương mặt anh Mộc. Chẳng có gì lạ hết, vẫn nụ cười hiền hòa ngày nào. Nụ cười ấy đượm chút gương gạo dưới vầng trán nhăn nheo.

Tôi hỏi :

— Đi đâu vậy ? Đi « đốc tờ » hả ?

Anh Mộc thở dài :

— « Đốc tờ » ăn hết năm chục đồng, biên thêm cái toa nầy đây... tốn kém thêm vài trăm.

Vừa nói, anh rút trong quần ra cái toa thuốc và một tờ nhựt báo ! Tờ báo dò số hồi chiều chờ gì ? Tôi lại cắt hứng vì báo ra trước khi xổ số : Kết quả xổ số in vào miếng giấy rồi. Nhưng miếng giấy rồi ấy đâu rồi ?

Thế là tôi và bạn Mộc nằm xuống sàn gác. Bạn mở tờ báo, xem tin trong nước :

— À ! Ngộ quá trong đêm tân hôn, nàng dâu đã chàng rề té xuống giường.

Tôi hỏi lấy lệ :

— Ở đâu vậy ?

— Ở Tân An. Còn nữa, bên Phi Châu người ta mới đào được bộ xương người xưa hơn 100.000 năm.

Tôi ngáp dài, thất vọng. Toàn những chuyện lạc đề. Trong giây phút, tôi muốn hỏi thẳng « Hồi chiều xổ số có ai trúng không ? Số mấy ở sau chót trúng 100 đồng ? » Nhưng tôi nghĩ rằng « điều tra » như vậy thiếu khéo léo. Người mà thiên hạ đồn đại trúng số đã thản nhiên chẳng chịu cung khai, báo tin cho bạn bè « chia » vui, lẽ đâu tôi lại hỏi trước, chất vấn một cách thiếu xã giao. Nhưng có chắc anh bạn Mộc « bần cố nông » nằm một nhòai bên cạnh tôi đã trúng số không đã ? Tôi mỉm cười, tự ban cho cái hân hạnh được nằm bên cạnh một nhà triệu phú « cá cặp đôi ». Bỗng nhiên anh Mộc ngồi dậy, cởi áo, sờ trong túi hồi lâu, rồi mở bóp, nói một câu... rất xa khơi :

— Nãy giờ quên mua thuốc hút chớ. Hết thuốc mà đâu có hay.

Anh rút tám giấy năm đồng và trút bóp xuống.

Đồng bạc xi kên lẫn tròn. Nhập tấm giấy và đồng xi kên lại, anh gọi vợ :

— Minh mua gói thuốc đỏ về hút.

« Gói thuốc sáu đồng » thuộc vào loại khiêm tốn nhứt, rẻ tiền nhứt. Chẳng lẽ nhà triệu phú ăn xài tiện tặn đến mức ấy ?

Tôi hỏi một câu chung quanh vấn đề :

— Cũ này làm ăn ra sao ?

Anh bạn Mộc nói tỉnh táo :

— Việc làm ăn thụt lùi, so với mấy tháng trước. Còn anh ?

Bị điều tra ngược, tôi đáp :

— Đại khái, qua ngày tháng... vậy thôi.

Anh bạn cau mày, im lặng. Hồi lâu, vợ anh đi ra đầu ngõ, mua gói thuốc đem về trao nó lên :

— Thuốc nè anh...

Vừa xé bao thuốc, anh vừa lầm bầm :

— Người như anh, cần phải gặp dịp khá... mới sống vui vẻ, đầy đủ như thiên hạ.

Tôi chụp lấy cơ hội :

— Dịp gì bây giờ ? Tôi mua giấy số, mỗi kỳ một tấm.

Anh bạn mộc đánh xạch-xạch, vào cái bánh xe của cái hộp quẹt nhôm. Lửa nháng ra, đỏ sao nhưng vẫn không cháy. Anh vẩy mạnh, kéo tim lên. Năm bảy lần sau, ngọn lửa bốc... đen kịt màu khói dầu lửa.

Trao cái hộp quẹt máy cho tôi, anh nói lầm bầm :

— À! Mua vé số hoài, mỗi kỳ một tám mà anh trúng được lần nào không?

Tôi trả lời thành thật :

— Trúng lai rai.

Đôi mắt anh bỗng sáng lên :

— Trúng bao nhiêu?

— Một trăm đồng, đôi ba tháng trúng một kỳ. Chưa bao giờ tôi trúng 1 triệu... như thiên hạ!

Bỗng nhiên, anh bạn Mộc nằm xuống im lặng rất lâu rồi thở phào, mệt mỏi :

— Bữa nay ngày mấy rồi hả?

Tôi nín câu hỏi ấy để « đánh mạnh » :

— Bữa nay... chiều thứ ba. Ngày « triệu phú đến nơi, chỉ mười đồng thôi, mua lấy cửa nhà, giàu sang mấy đời ».

Lần môi anh bạn như nhếch lên cười rồi

đâu trở về đó, im lìm như môi của pho tượng bằng đá !

Anh nói :

— Tôi hỏi ngày « an nam » kia !

Rồi liếc mắt lên tấm lịch, anh tiếp lời :

— Ngày 17. Thôi, đề mời anh ngày 19 tới vui với vợ chồng tôi.

— Làm gì mà vui ?

Anh bạn Mộc cau mày :

— Cũng ông bà.

Mấy đứa bé đùa giỡn ầm ĩ, rượt bắt nhau rồi bò lên cầu thang, lần lượt :

— Cho tiền mua kẹo ba ! Cho đi ba.

Anh bạn gật đầu :

— Tụi bây bốn đứa. Ba cho mỗi đứa... năm cắc. Hai đồng bạc đây.

Anh ngồi dậy, móc bóp, trao tiền cho đàn con rồi nói khẽ với tôi :

— Tụi nó cứ lai rai như vậy hoài.

Đã đến lúc tôi ngồi dậy, chấm dứt cuộc điều tra về nhà triệu phú hụt !

Ngoài kia, gió thổi hiu hiu, xe cộ dập dùi qua lại dọc theo hai bên bờ sông cầu Ông Lãnh.

Chiếc đồng hồ reo kêu đều đều : tích tắc, tích tắc... Kiểu đồng hồ quá xưa, mấy đốm lân tinh ẩn hiện xanh lè bên ánh đèn chong leo lét. Tôi hỏi :

— Tám giờ rồi. Đúng không ?

Anh bạn Mộc đáp :

— Đúng lắm. Tôi nhớ coi... mua nó đầu hồi bốn năm qua. Kiểu đồng hồ hơi xưa nhưng máy móc và chuông reo quá tốt, còn xài tới năm sáu năm nữa là ít, chưa đem đi sửa hoặc chùi dầu lần nào hết. Cứ một tuần lễ, nó chạy chậm bốn phút rưỡi.

Tôi từ giã, xuống cầu thang. Vợ anh Mộc dọn sẵn mâm cơm cá kho, rau muống :

— Mời anh ăn luôn.

Tôi đáp :

— Dạ ăn rồi.

— Sao anh ăn sớm vậy ? Chị Mộc hỏi.

Anh Mộc lại cau mày :

— Ngày 19, anh nhớ nghe...

Anh tiến chân tôi ra tận đầu ngõ hẻm.

Tôi đi vài bước rồi ngoảnh lại. Anh Mộc ở trần, đứng vẫy tay.

Vài người còn đứng hai bên đường, giương mắt theo dõi phía anh bạn Mộc. Chờ khi anh vào khuất trong ngõ hẻm, họ đến gần tôi.

Qua ngang biệt thự của vợ chồng ông chủ xuất nhập cảng, tôi hơi ngạc nhiên vì họ đứng lẫn quần trước cổng. Tôi cúi đầu chào. Bà chủ hỏi dồn :

— Sao, ông trúng cá cặp hả ? Tôi chờ tin tức của ông này giờ.

Tôi nói không chút do dự :

— Thưa ông bà, chắc là chẳng trúng gì ráo. Tôi vừa thăm ông, vợ chồng ông tỉnh khô, cách ăn uống, con cái của ông như mọi ngày. Xin lỗi, chắc bà con xóm này đồn đãi trật rồi.

Lần đầu tiên, ông chủ-xuất nhập cảng ngõ lời với tôi :

— Chắc hẳn ông trúng số độc đắc. Trúng thiệt mà.

Tôi cương quyết phản đối :

— Dạ, nếu có, chắc họ trúng chừng mười ngàn là tốt bực.

Ông chủ lắc đầu :

— Trúng cá cặp hai triệu. Ông có hỏi không?

— Dạ tôi không dám hỏi thẳng việc trúng số. Chỗ anh em, hỏi vậy hơi kỳ quá. Mình dám mở miệng hỏi là khi nào họ khơi mào trước. Đằng này, từ vợ chồng đến con cái, ai nấy đều tỉnh khô.

Chập sau, tôi nói tiếp:

— Đã tỉnh táo mà còn có vẻ âu lo về sanh kế hơn mấy lúc khác. Nếu trở thành triệu phú, chắc chắn vợ chồng ông vui tươi, ăn uống hơi có cá thịt hơn mọi bữa. Đặt trường hợp tôi trúng cỡ một ngàn hoặc được an ủi hai ngàn tôi hò hét, mua rượu về nhậu om sòm chớ làm sao giấu kín nỗi vui mừng cho được?

Ông chủ xuất nhập cảng mỉm cười:

— Ông nói sao chớ tôi tin chắc trăm phần trăm rằng ông trúng số độc đắc, căn cứ vào thái độ tỉnh táo, âu lo, ăn uống kham khổ ấy. Nè, ông hiểu không? Điều này tôi xin lỗi... vì ông còn quá trẻ.

Tôi nhường mắt, tò mò muốn cho ông chủ xuất nhập cảng nói hết ý kiến:

— Thưa ông, tôi sẵn sàng tôn trọng ý kiến

của người lớn tuổi và đã thành công quá nhiều trên đường đời như ông.

Ông chủ xuất nhập cảng lại cười :

— Cám ơn, ông quá khen. Nhưng mà... theo kinh nghiệm, tôi thấy như vậy. Hễ trúng số một ngàn, mình hò hét, khoe khoang với anh em chòm xóm, niềm vui của mình được trọn vẹn, cởi mở. Còn nếu trúng một đôi triệu, mình trở nên con người khác... vừa lo lắng, vừa sợ sệt cho tương lai. Rồi đây hàng trăm người bà con xa, bà con gần tới thăm viếng, mình nhức đầu chưa biết đền ơn trả nghĩa mỗi người chừng mấy trăm hoặc mấy « ghim » cho trọn vẹn. Lại còn hàng trăm kế hoạch làm ăn, kế hoạch nào cũng hay nhưng đồng thời cũng dở, không khéo chừng một năm sau tiền bạc tiêu tan ráo trọi, thiên hạ cười cho rằng « cốt khí hườn trở lại cốt khí ».

Tôi gật đầu, găm lời nói của ông chủ xuất nhập cảng hơi có lý. Tôi chưa tin vội. Ông có gia sản đáng giá bạc triệu thật đấy, nhưng ông chưa ắt đã từng trải qua tâm trạng của người trúng số một triệu.

Đoán được nỗi thắc mắc của tôi, ông nói tiếp :

— Tôi biết ông chưa tin lời của tôi. Tôi cam đoan trăm phần trăm rằng ông bạn ấy đã trúng số độc đắc rồi đó. Người hàng xóm thấy rõ lúc ông đang nghe « ra đô » dò số. Ông la lên một tiếng rồi im phăng phắc không thém tri hô tiếng thứ nhì. Sau đó, ông hơi nhăn nhó mặt mày. Thôi, chào ông. Mai chiều, ông điều tra kỹ lại rồi cho biết tôi nói đúng hay sai... nếu khi nào ông có dịp qua đây.

Tôi về nhà đọc sách, uống cà phê, quên mất cái tin trúng số độc đắc nọ. Tôi cho rằng người hàng xóm thấy thấp thoáng con gà bay rồi tri hô... con phụng hoàng. Vài hôm sau, nhân đọc tờ nhật báo nọ, tôi trở mắt bắt gặp bức ảnh ông bạn Mộc đang cầu chứng « một cột » với lời chú thích « nhà táu triệu phú » nơi mục tin vật trong nước.

Ông chủ xuất nhập cảng nọ quả là ông thánh sống ! Tôi muốn trở lại biệt thự để ngỏ lời khâm phục sát đất ông ta. Nhưng trở lại làm gì nữa. Ông ta chắc hẳn đã đọc tờ báo ấy hoặc nghe những độc giả ở lối xóm đồn đãi rùm beng rồi.

MỘT KIỂU LÀM ĂN

Hồi Tết nam ngoài, tôi được hân hạnh ra nghỉ mát ở Vũng Tàu trong 24 tiếng đồng hồ. Phút vui quá ngắn ngủi, bởi vậy tôi tìm mọi cách để tận hưởng thời gian đôi gió.

Đến 2 giờ trưa, tôi còn ngồi ở Bãi Sau, gần cái chỗ gọi là Eo Quấn. Buồn lắm. Buổi trưa ít gió, hơi cái bốc lên ngùn ngụt. Mấy chiếc ghe lưới đã về bến từ bao giờ. Trong quán giải khát, tôi ngồi tro trên. Ông chủ quán tắt máy radio cho đỡ tốn điện rồi nằm lù lù. Mặt biển xanh cham, lấp loé ánh nắng. Tôi ngả lưng xuống chiếc ghế xếp tìm cách giết thời giờ. Khi hết tiền bạc, hết tình yêu (tình trai gái) thì con người chỉ còn một cách để giải trí: đó là đùa giỡn với bộ óc, với kỷ ức của mình.

Tôi mỉm cười một mình, tâm tư hướng về miền Thất Sơn xa xôi. Ở đây, có vô số « ô ». Nào ô Lâm, ô Hùng, ô Chai

Ô tức là con suối nhỏ, theo tiếng Mên. Ở đây, đúng ra đồng bào nên mạnh dạn xác

nhận, nói rõ rằng : Ô Quán thay vì Eo Quán. Minh về Sài-gòn, viết một bài nho nhỏ đăng trên nhật báo, giải thích tiếng « Ô » cho độc giả nghe chơi.

Phía sau lưng tôi, có tiếng ngáp dài. Đó là ông chủ quán. Tôi gọi chuyện :

— Ở đây buồn quá. Chắc là ít khách.

Ông ta trả lời :

— Lai rai vài người, nhất là buổi trưa.

— Ủa ! Này giờ chỉ một mình tôi. Còn ai đâu nữa ?

— Kìa ! Thí dụ như hai người đó. Họ vô đây, lát nữa.

Tôi chụp cặp kiếng cận thị, mang lên để nhìn ra xa. Đúng như lời ông chủ quán, đằng kia, dưới ánh nắng chang chang, một người bụng bự và một cô gái « đợt sóng mới » đang ngồi kề nhau, rồi cô gái ngả đầu vào ngực người bụng bự. Mắt tôi sáng lên. Anh chàng bụng bự đó dường như quen thuộc, đã gặp mặt tôi, bắt tay tôi và mời tôi uống cà phê, hút thuốc nhiều lần ở Sài-gòn. Anh ta là Xin Phóc. Vì tò mò « khảo cổ », tôi hỏi anh ta Xin Phóc chữ viết ra sao, là nghĩa gì ? Anh ta viết lên giấy hai chữ Thần Phước.

Kìa kìa ! Cô gái xinh đẹp, tuổi độ trăng tròn đang vuốt ve Xin Phóc. Tức giận quá ! Gương mặt cô ta trông cũng khá thông minh. Nhưng mà... Xin Phóc chỉ là gã chuyên nghề bán a giao, mài dao cắt giấy cho nhà in. Hằng ngày, hắn đạp chiếc xe máy cũ, chạy khắp các nhà in để tìm mối. Hắn đem lưỡi dao lưt và a giao cũ về phía Chợ Lớn để rồi vài ngày sau, trao lại cho nhà in mở a giao sạch sẽ hơn, cái lưỡi dao bén hơn. Để quý vị đọc giả hiểu rõ, tôi xin mạn phép giải thích : a giao dùng để làm ống lăn mực in, lưỡi dao cắt giấy khá to giống như dao của máy chém, phải mài bằng máy mới đều đặn. Tóm lại, mỗi ngày Xin Phóc kiếm được 100 đồng tiền huê hồng mà thôi.

Một chiếc xe hơi kiểu mới nhất đậu từ lúc nào bên lề đường cái. Phải chăng xe của Xin Phóc ? Hay là anh chàng bụng bự đang làm công việc mùi mẫn ấy là anh hoặc em ruột của Xin Phóc ? Tôi không dám vấy tay chào. Giữa tôi và Xin Phóc đâu cần xã giao vớ vẩn. Là bạn thân, từng uống cà phê bình dân với nhau, tôi có đủ tư cách để cười reo và khuấy rối giờ phút nô đùa của anh ta mà.

Hai người từ từ đứng dậy, phủi cát trên quần áo, tiến vào quán. Xin Phóc reo :

— Thầy hai ! Nãy giờ ngồi đó hả ? Sao không kêu tôi ?

Tôi đáp nhanh :

— À!... Ông chủ ! Ra hồi nào ? Chừng nào về ?

Xin Phóc gật đầu :

— Đi xe nhà. Chiếc xe của tôi mới mua. Còn cô này là bạn mới quen. Ngoài kia, nắng quá. Tôi muốn vô quán nhưng sợ gặp người quen... Dè đâu... Thôi ! Mời thầy Hai uống rượu. Đừng kêu tôi là ông chủ.

Cô gái khoác tay, gọi anh chiêu đãi viên :

— Cho tôi một chai « bia lầy » !

Rồi xit ghế ra xa, day mặt về phía mặt trời mọc, tức là phía Long Hải, giữ thái độ kẻ xa lạ, đứng ngoài cuộc.

Xin Phóc cười tươi, nói rí vào tai tôi :

— Thầy Hai nhớ cô này không ? Lúc trước đứng bán hàng ở « cu loa Ê Đen ». Bây giờ thì về làm thư ký cho hãng xuất nhập cảng của bạn tôi. Học tới bằng cấp Tú Tài đó.

Tôi đáp :

— Anh giỏi quá. Lập hãng hồi nào ? Mấy tháng rồi, anh làm ăn ở xứ nào mà mau giàu

quá vậy ? Đi Hồng Kông ? Đi bên Lào ? Đi Nam Vang ?

Xin Phóc lắc đầu :

— Ở Chợ Lớn hoài mà.

— Làm nghề gì vậy ? Trúng số độc đắc ?

Anh ta im lặng hồi lâu :

— Tôi đâu có mua giấy số.

— Hay là anh buôn lậu ?

— Làm ăn đang hoàng mà ! Tôi đổ thầy Hai nói trúng cái nghề của tôi. Hay lắm.

Tôi ngả lưng, thở dài. Từ lâu rồi, tôi cam phận làm mướn, ăn tiền ngày, ăn tiền tháng. Thỉnh thoảng tôi nghe vài người bạn chạy « áp phe » thuật lại vài mảnh khoé kinh tài của giới Hoa thương. Thôi thì phen này tôi đành chịu dốt để nghe lời giảng giải của Xin phóc.

Cô gái đột sổng mới ngậm cái ống giấy, nút một hơi nước ngọt rồi trợn mắt liếc qua tôi. Tôi chép miệng. Cô ta trông đẹp quá. Đẹp nầy lửa. Nhờ có xe hơi, nhờ đóng vai chủ nhân mà Xin Phóc rinh cục lửa đỏ ấy quá dễ dàng, chẳng phổng tay. Trong giây phút, tôi buồn rười rượi. Còn lâu lắm — hoặc chẳng bao giờ tôi mới gặp một người tình nhân như cô ta.

Tôi nhớ đến câu hát « Tiếc thay cây quế giữa rừng » hoặc « Vợ khôn lấy thằng chồng dại ». Phải chi cô ta là nữ chiêu đãi viên thì cũng dễ hiểu. Đằng này, cô ta đậu Tú tài, nghĩ thiết là uổng.

Cô ta phùng mang, thối mạnh vào cái ống giấy. Mớ nước cam trong ly lại sôi ùng ục. Trông dơ dáy quá. Tôi đã hiểu : Cô ta muốn phản đối hiện tại, xem thường vũ trụ. Tôi hơi buồn. Cô ta tự dối lòng. Nếu phản đối hiện tại thì tại sao cô ta nhận lãnh tất cả tiện nghi của hiện tại.

Xin Phóc gọi đem đến hai con cua luộc, ăn ngẫu nhiên hai cái càng, mời tôi luôn mồm :

— Ăn chơi mà thầy Hai. Thầy Hai chưa tin tôi à ?

— Tôi chịu thua rồi.

— Bây giờ tôi nói thiết cho thầy Hai biết.

Làm sao Xin Phóc dám nói thiết công cuộc làm ăn trong thời gian qua ? Nói với một người... viết báo, anh ta phải giữ bí mật chớ. Anh ta nheo mắt, rót rượu vào ly cho tôi :

— Tôi làm ăn đảng hoàng mà. Hơi giống công việc làm ăn của người đi ngoại quốc, người buôn lậu, nhưng không có luật lệ nào ngăn cản

tôi. Tôi nói ra cho thầy Hai nghe. Tôi không sợ ai cười. Người nào muốn bắt chước như tôi thì cũng khó gặp « cái dịp may ».

Thế rồi Xin Phóc kể thao, thao bất tuyệt công việc làm ăn của anh ta trong thời gian qua, đại khái như sau :

Một hôm, anh ta qua Khánh Hội, khu vực thương cảng, nơi có hàng chục cái kho hàng to lớn cất dài theo mé sông Sài Gòn, từ kho 1, kho 2, đến kho 10... vân vân.

Xin Phóc vừa đi, vừa nhìn vào một kho hàng — mà anh ta tạm giấu tên — Cửa kho hàng mở rộng. Anh ta tò mò dừng lại để biết kho hàng là cái gì ? Bên trong kho hàng ra sao ? Chiếc xe hơi từ ngoài đường cái chạy đến sát cửa kho hàng. Một ông Tây bước xuống, vào kho, theo sự chỉ dẫn của người Chà gác đàn.

Lát sau, ông Tây trở ra đường cái, cầm trên tay một món kỳ lạ, gói giấy.

Ông Tây hút thuốc phi phèo, ra vẻ suy tư. Hồi nào đến giờ, Xin Phóc làm ăn ở phía Chợ Lớn, Bình Tây, lăn lóc trong ngành tiểu thương, tiểu công nghệ nên anh ta tò mò muốn tìm hiểu công việc của giới thương cảng.

Đôi mắt đục ngầu của ông Tây nhìn thẳng Xin Phóc. Ông ta nói tiếng Việt khá rành rẽ.

— Ông chủ...

Xin Phóc cười hề hề :

— Ông chủ. Ông chủ bán cái gì ?

Ông Tây nói đồn :

— Bán cái này ! Khổ quá ! Thứ này chắc là quăng bỏ.

Nói xong, ông Tây mở miếng giấy gói bên ngoài. Đó là một cái hộp sữa bò, có dán nhãn. Nhãn sữa đã tróc hết phân nửa, hoen ố màu sét (rỉ).

Bàn tay Xin Phóc từ từ đưa tới về phía ông Tây như thăm nói :

— Xin lỗi, ông cho tôi coi thử !

Ông Tây nọ tỏ ra lịch thiệp, trao hộp sữa cho Xin Phóc :

— Biết cái gì không ?

Xin Phóc cười :

— Biết chứ sao không biết ! Ông hỏi thiệt hay hỏi chơi ?

— Biết cái gì ? Nói thử cho tôi nghe.

— Dạ, hộp sữa bò mà. Có dán cái nhãn. Thứ sữa này bán lẻ 10 đồng năm cắc.

Ông Tây lắc đầu :

— Nhưng mà... bán không được. Anh tính coi, một kho như vậy đó, mấy trăm ngàn hộp, cũ mèm, hơi hám quá, tôi tính quăng bỏ.

Thiệt là... ngàn năm một thuở. Xin Phóc thấy chấp chờn trước mắt một khung cảnh náo loạn. Hàng ngàn người chen chúc, giành mua cho kỳ được. Những tiệm cà phê ở Chợ lớn, ở khắp miền Nam, miền Trung, từ tỉnh lỵ đến quận lỵ. Mùi cà phê bốc lên, tiếng guốc kéo lết nghe lộp cộp. Những chiếc ghế đầu đen bóng. Và tiếng phở ky nói có ca có kệ : Tống mạnh. Cà phê tống dách. Bạc tẩy xiu phé. Dách cô xây cá nại...

Anh ta đưa hộp sữa lên mũi, hửi thử rồi nói với ông Tây :

— Sữa này chắc là mau lâu ngày rồi ! Uống được không ? Đem cho con nít bú...

Ông Tây nọ lãnh nhiệm vụ quản lý kho hàng từ lâu nên tỏ ra dè dặt. Đó là những thùng sữa bò, chồng chất hai năm qua trong kho mà không ai thèm lãnh. Người nhập cảng sữa đã bị phá sản, lúc sữa vừa cập bến nên không chạy tiền kịp. Nhưng lý do chánh vẫn là sữa nọ bị hư, biến chất khi cập bến : Lúc chở chuyên, sữa bị ẩm ướt vì hầm tàu thiếu tiện nghi ; sữa chịu đựng sức nóng của hầm máy quá lâu

ngày nên đặc lại ! Ông Tây giữ kho chẳng thêm trình bày « lý do kỹ thuật » nói trên cho Xin Phóc biết, vì anh ta là người chưa quen thân. Tam thời, ông muốn tổng khứ số sữa hư hao ấy để kho hàng thêm chỗ trống trải. Theo luật vệ sinh, ông ta phải mượn bọn lao công, vác sữa xuống ghe, chở ra tận phía Nhà Bè, thật xa thương cảng để quăng bỏ xuống sông. Nếu bỏ quá gần, ông ta bị phạt. Ngày lại ngày qua, từ hai tháng rồi, mớ sữa biến chất ấy bốc mùi tanh hôi khó chịu. Ông đã mở vài thùng, xem kỹ : hộp đã sứt, sữa chảy ra sền sệt, vừa chua, vừa dơ bẩn, chẳng ai đủ can đảm sờ vào hoặc đưa lên mũi hửi thử !

Xin Phóc nói khẽ :

— Ông bán cho tôi vài hộp... đem về xài thử !

Ông Tây trở mặt :

— Giỡn sao chứ ! Anh đem về uống sao ?
Coi chừng đi cầu sáng đêm. Con nít uống chết...

Xin Phóc đáp :

— Tôi đem bán.

— Điều đó, tôi chẳng dám bảo đảm. Anh ở tù chừng 10 năm về tội bán sữa bò hư. Nghe chưa.

Gương mặt Xin Phóc vẫn lạnh lùng :

— Tôi muốn mua. Chẳng hay ông chủ muốn để lại cho tôi với giá nào ? Bao nhiêu một hộp ? Sau một thoáng suy nghĩ, ông Tây quản lý kho hàng tỏ vẻ bằng lòng. Nếu người Hoa Kiều này chịu mua, ông ta được thêm một số tiền bỏ túi, thay vì xuất tiền ra để mướn nhân công dọn dẹp số hàng hóa mất vệ sinh còn tồn trữ trong kho.

— Một đồng một hộp ! Tôi bán tất cả số sữa trong kho, mỗi thùng 48 hộp, tất cả hơn 10.000 thùng.

Xin Phóc gật đầu :

— Tất cả 480.000 hộp ! Mỗi hộp 1 đồng, gần nửa triệu đồng. Nhiều quá. Ông chủ bớt vài cắc một hộp. Tôi hứa...

Vốn là một tay cáo già, ông Tây giữ kho thừa hiểu; tên Huê Kiều này đã làm bài toán xong xuôi. Và đây là một cái « áp phe » lớn. Nhưng ông Tây chỉ đoán chừng :

— Anh mua về... nuôi heo hả ? Coi chừng heo mang bệnh.

Xin Phóc lắc đầu :

— Đâu có nuôi heo. Dem về xài mà.

— Mua về tháo cái lon ra để bán sắt vụn

hả ? Lon hư rồi. Bộ anh khủng hả ? Tôi không bảo đảm rằng lon còn nguyên.

Xin Phóc mỉm cười :

— Ông chủ... chưa hiểu tôi. Bây giờ thì xin ông chủ cho biết giá cả rõ ràng, cách thức chở chuyển.

Rốt cuộc, ông Tây giữ kho lên giá, và đưa ra vài điều kiện khó khăn. Linh tính như báo trước cho ông biết rằng với 10.000 thùng sữa kia, tên Huê Kêu sẽ làm giàu to. Theo sự thỏa thuận chung, đúng 4 giờ chiều hôm ấy, Xin Phóc phải trả tất cả số tiền, mỗi hộp sữa là một đồng một cắc, thay vì một đồng chẵn. Xin Phóc phải đem xe cam nhông tới cửa kho hàng và xuất tiền túi ra để mượn phu khuân vác...



Kể chuyện tới đó, Xin Phóc liếc nhìn cái đồng hồ tay :

— Chiều nay về Sài-gòn.

Tôi luyến tiếc câu chuyện sữa bò của anh ta :

— Mua sữa về làm gì ? Nhờ đâu mà anh sắm chiếc xe hơi và... cười vợ ?

— Tôi đổ thầy Hai biết. Thí dụ như gặp « áp phe » sữa bò trong kho của Tây, thầy Hai dám mua không ?

Tôi lắc đầu. Làm sao mà chế biến loại sữa hộp ấy trở thành xe hơi và gái đẹp cho được. Bấy lâu, tôi nghe nhiều thủ đoạn đầu cơ, buôn lậu nhưng trước bài toán sữa hư này, tôi đành chịu thua Xin Phóc.

Anh ta rút điều thuốc Lucky, hút phì phà :

— Tôi vô Chợ-lớn kiếm anh em bạn. Lúc đó, làm gì tôi có nửa triệu đồng bạc vốn. Anh em bạn trong Chợ Lớn mê tôi quá, sau khi nghe tôi làm bài toán.

Tôi hỏi gắt :

— Mua sữa về làm gì ?

Xin Phóc thích chí, nói to, cố ý khoe tài cho người đẹp nghe :

— Tôi đổ thầy Hai !

— Thì tôi chịu thua rồi.

— Nè, sữa hư đó đem vô Chợ-lớn, bán cho mấy người làm bánh sữa, bánh ngọt trong tiệm nước, bánh sữa khô, vô hộp. Mê chưa ! Từ trước, mấy ông chủ tiệm mua sữa thứ rẻ, chừng 8 đồng một hộp, đem về trộn với đường, với bột mì. Bây giờ, tôi bán cho họ sữa hư, với giá 4 đồng một hộp. Nghĩa là một hộp tôi lời chừng 2 đồng tám cắc, trừ mọi sở phí, nhơn cho nửa triệu hộp... Cũng vậy thôi ! Sữa

hư đem về hấp cho chín, ăn cũng ngon, cũng béo.

— Hay quá !

Xin Phóc đứng dậy, tiếp lời :

— Vui lắm. Đem sữa về tới Chợ-lớn là tôi bán lẹ như điều ! Mấy ông chủ tiệm bánh ngọt tới bao vây tôi, đòi mua cho thiệt nhiều.

Mấy ông lời 4 đồng một hộp mà. Vài ngày sau, bạn bè ở Chợ-lớn rủ tôi lập « công xi ». Tôi lắc đầu vì đâu còn áp phe thứ nhì giống hệt như vậy được. Rồi hai ba tháng sau, mấy người bạn ở Sóc Trăng, ở Đà Lạt, ở ngoài Huế vô Chợ-lớn kiếm tôi, nài nỉ mua thứ sữa hư đó. Họ dám mua tới giá 5 đồng một hộp họ năn nỉ tôi để họ đặt tiền cọc. Tôi từ chối.

Xin Phóc và cô gái lên xe. Tôi ngồi một mình trong quán. Bãi biển chiều hôm bắt đầu rộn rịp. Tôi nghĩ đến những « áp phe » luôn luôn xảy ra trong xã hội. Tôi thất bại trên trường đời vì tôi thiếu « nhãn quang thương mại ».

Năm sau, tôi lại gặp Xin Phóc tại tòa soạn báo Con Vịt. Anh ta chúc mừng, khuyên tôi cố gắng... về mặt văn nghệ rồi mời tôi lại

quán uống la ve. Tôi nhận lời. Xin Phóc cho biết công việc làm ăn của anh ta dạo này... khá lắm.

Tôi hỏi :

— Còn cô hồi năm ngoái ?

Xin Phóc đáp :

— Đi rồi. Mình kiếm cô khác chứ. Bữa nào thầy Hai rảnh, đi Cấp với tôi một chuyến. Tôi dẫn theo cho thầy Hai một cô.

Vừa nâng ly rượu, Xin Phóc vừa liếc mắt về tòa soạn báo Con Vịt. Ông quản lý nhà báo đang mang kiếng, ghi chép. Vài người lao công vác hì hục những chồng báo bán ế, chất trên cái cân.

Xin Phóc nói :

— Báo bán nhiều quá ha ?

Tôi giật mình nói chưa chát :

— Bán ế... bởi vậy mới còn dư nhiều. Bởi vậy, ông chủ mới bán « ve chai » nhiều như vậy. Ủa Xin Phóc mua giấy báo ế ?

— Làm ăn mà. Gặp đâu làm đó.

— Giống như mua sữa hộp !... Cái chuyện sữa hộp mà Xin Phóc nói cho tôi nghe hồi ở ngoài cấp ?

Xin Phóc gật đầu, tôi hỏi :

— Mua về bán cho thiên hạ gói đồ !

— Ừ. Nhưng bán như vậy dở lắm. Tôi mới lập một cái lò nấu giấy súc. Thứ giấy đó, bán chạy lắm. Bình dân xài nhiều, bán dễ xài đủ chuyện.

Tôi đưa tay làm dấu hiệu đề hỏi riêng Xin Phóc. Loại giấy súc được chế tạo bằng giấy báo cũ và bông gòn (gòn ta, gòn đồn gối). Các cô các bà thuộc đợt sóng cũ dùng loại giấy ấy làm giấy... vệ sinh, mỗi tháng một lần, thay cho loại « khăn vệ sinh đắt tiền ». Và mấy người chết, nằm trong hòm, thường được tẩm được êm bằng giấy súc... để khỏi trở mình dưới ba tấc đất.

Tôi thở dài, nói gương, nốc cạn ly rượu.

— Vài tháng nữa, Xin Phóc thành tỷ phú rồi !

CON GÀ QUÈ

Đã trưa rồi, đại lộ Lê Lợi không còn tấp nập ngoài trừ công trường Diên Hồng. Trước những biến cố dồn dập, lộn xộn, Tấn đã lựa chọn cho mình một thái độ : về nhà nằm nghỉ, vặn máy radio, ăn cơm, đọc tiểu thuyết cho qua ngày qua tháng. Ai làm gì thì làm, mình cứ giữ phận mình. Nhưng lương tâm của hắn dường như ray rứt... Phận mình là cái quái gì ? Thân phận người dân nhược tiểu, thân phận của thế kỷ thứ hai mươi, của nhân loại chăng ? Hay là số phận « bi đát » mà bình thường vài người đã rêu rao ? Bên Pháp, có không khí bi đát, còn bên Việt Nam mình ? Lại còn hàng chục danh từ triết học ; nào phi lý, nào bản thể luận, nào cái tôi, cái ta ! Tấn đứng hút thuốc trên hè phố, vầng trán nhăn nheo... suy tư để tìm một tư thế ổn thỏa nhất, khỏe khoắn nhất, có lợi nhất... cho cá nhân mình, lúc mất trật tự ngoài xã hội.

Mấy khung cửa sắt bắt đầu kéo ra, đóng kín cửa tiệm. Người kéo cửa lại là một cô

gái mặc áo dài, phấn son lộng lẫy. Mãn giờ làm việc cô ta đảm nhận « công tác » cực nhọc ấy, trước khi về nhà. Đôi tay cô ta gầy yếu quá, lần hồi cánh cửa cũng tháo ra. Ngoài đường, mấy anh bán hàng « la » đang hối hả thu dọn nào vớ, nào kiếng mát, nào bột giặt quần áo. Người qua lại ngoài đường dường như đang lo âu về vấn đề khác.

Hồi lâu, Tấn hơi nhột nhột : Còn gì hồ thẹn cho bằng đứng lì đó, suy tư về thế giới siêu hình đề bào chữa cho thân phận ích kỷ của tên vô danh sống trong thế kỷ bị đát như... ta đây ?

Tấn nhớ đến lời nói văng vẳng của nhà hiền triết nào đó :

— Suy nghĩ... tức là hành động !

Nguy hiểm quá. Giờ phút này, nếu thốt câu nói « cao xa » ấy ra, chắc thiên hạ sẽ... bịt mũi mà đi qua. Tấn chép miệng, cố gắng hút cho tròn cái tàn thuốc cay đắng đang cháy dở trên môi. Nhựa thuốc dịu dàng như có tác dụng an thần, « thống chỉ an miên » như khói thuốc phiện. Tấn ngáp dài, bước lùi thối, tự an ủi :

— Bước tức là hành động, là hành động tích cực để trốn lánh.

Giữa trưa, nắng gắt. Động cơ xích lô máy, xe gắn máy nổ giòn, tuôn khói mù mịt. Tấn cho rằng đó là hình thức siêu thoát :

— Có lẽ họ lựa chọn thái độ chạy nhanh về nhà để lo hũ gạo như mình. Nhưng tại sao mình bơ vơ ? Giữa họ với mình không có mối thông cảm gì ráo !

Đôi chân của Tấn cứ đi chuyển như chân con cua (nói theo triết học). Nhưng Tấn vẫn là con cua có dự vọng của con người. Đến ngã tư đường, Tấn dừng lại, vuốt sau cổ rồi đưa mấy ngón tay ra xem. Đen những bụi. Đau xót quá. Mới hơn ba mươi tuổi đầu mà Tấn ngỡ mình là một chánh khách lão thành hồi thời Đông kinh Nghĩa Thục, giờ đây đã về hưu, mang mẽ đày « yêu đất yêu nước », sống ngày hai buổi một cách khỏe khoắn, thông dong nhờ mồ hôi và máu của đoàn trẻ hậu tiến !

— Lên xe thầy ! Lên về gấp !

Tấn giật mình, trở lại thực tế. Anh phu xích lô đạp vừa bóp chuông vừa mời. Chiếc xe số 0001, quen thuộc quá, từ năm sáu tháng qua. Tấn đi trên chiếc xe này hàng trăm lượt. Ngồi trên cho người ta chở thì đúng hơn. Anh phu xe vẫn tươi cười, gương mặt đen xạm, mái tóc cứng như rễ tre. Chưa chi, anh ta đã nháy lên yên :

— Về thầy !

Tấn mỉm cười

— Bữa nay, tiền bạc hơi yếu.

— Cừ lên. Tôi với thầy mà. Tiền bạc gì, chừng nào cũng được.

Vừa lúc ấy, một cô hơi lớn tuổi, mặc váy đầm, đeo nhẫn hột xoàn thứ thiệt bước tới. Cô ta thấy xe không có khách nên nhướng mắt

— Đi về phía Ca-li-na !

Anh phu lắc đầu

— Cảm ơn. Ông này sửa soạn đi mà. Xe neo.

Cô nọ bĩu môi, bước vài bước rồi lại dậm lại với đôi mắt hờn giận. Tôi nói

— Sao anh không chở cô đi ?

— Tôi chờ thầy. Nhứt định tôi chở thầy về nhà. Mời thầy. Ở đây làm gì nữa. Tôi muốn nói chuyện riêng.

« Chuyện riêng » là chuyện gì ? Tấn mãi ôn trí nhớ. Anh ta đẩy xe tới. Tấn lên ngồi. Chiếc xe quay trở lại, theo con đường thường lệ về nhà Tấn mà anh ta hiểu quá rành : Đường Phạm ngũ Lão.

Bánh xe cứ lăn. Tấn cau mày. Anh này muốn mượn tiền chăng ? Từ mấy tháng trước, anh ta làm quen với Tấn, hỏi han về nghề nghiệp của Tấn. Tấn nhớ rõ anh ta đã vô tình hay cố ý nói :

— Thầy làm một tháng chừng bao nhiêu ? Gia đình như thế nào ?

Tấn vui miệng, trả lời :

— Chừng chín mươi ngàn. Tôi nuôi một mình « ên » tôi.

Bấy giờ anh ta khen ngợi Tấn là kẻ tốt số. Sẵn dịp, anh ta nhìn Tấn là kẻ đồng hương :

— Thầy ở miệt Bạc Liêu hả ?

Tấn hỏi ngược lại :

— Sao anh biết ?

Anh ta nói chậm rãi :

— Ở xứ mình, thiên hạ ưa nói một mình « ên » nghĩa là một mình mình.

Rồi anh ta kể qua phong cảnh thơ mộng vùng duyên hải Bạc Liêu, bãi Vĩnh Châu. Nào ruộng muối, nào vườn nhãn. Nhứt là ruộng muối. Ông chủ ruộng muối Bạc Liêu là người Việt Nam đầu tiên dám xất tiền túi để sắm máy bay, bay dạo chơi. Ông ta mượn một phi công người

Pháp, cho ăn lương tháng, hồi bốn mươi năm về trước.

Tấn đã phụ hoạ thêm

— Nghĩ cũng hãnh diện. Làm dân bị mất nước mà ông chủ ruộng muối ấy lại sống sang trọng hơn Tây, muốn người Tây làm đầy tớ ngược cho dân bản xứ..

Đến ngã tư, xe quẹo. Anh phu đạp chậm rãi, sái bên lề. Anh ta hỏi

-- Trưa nay thầy nghỉ ở đâu thầy ?

Tấn giựt mình

— Về nhà. Sao anh lạ vậy ? Mấy ngày này chộn rộn... ra ngoài đường dạo chơi vớ vẩn, rủi bề gì tai bay họa gởi...

Anh ta nói

— Phải chi thầy rảnh...

Tấn hơi hồ nghi. Chiếc xe cứ lướt tới. Đến gần đầu ngõ hẻm X... anh ta tự ý ngừng lại. Thật là mất lịch sự. Đúng ra, trước khi muốn ngừng xe vô cớ ở dọc đường, anh ta phải báo hiệu trước, xin phép người thân chủ đang ngồi trên xe. Nếu là ban đêm, có lẽ Tấn vụt chạy, nghĩ đến trường hợp anh phu xe này liên lạc với bọn bắt lương. Bọn họ sẽ ào tới, giả

bộ đánh anh phu xe rồi thừa cơ giật hầu bao của Tấn.

Nhưng bây giờ là ban ngày. Anh nọ muốn điều gì ?

Tấn day lại, nghiêm mặt. Anh ta cứ ung dung ngồi trên yên, hai chân ngưng đập, tay thì thò vào túi áo trên của mình, rút ra một gói thuốc Lucky :

— Mời thầy !

Tấn đáp

— Ủa ! Cám ơn. Tôi hút rồi.

Anh ta nói miên man

— Hút rồi... chết cũng sướng. Lát nữa, tôi nói cho thầy nghe.

Tấn hơi phập phồng. Tại sao giữa ngày « bất an » mà anh ta bàn chuyện chết ? Đánh rặng ở miền đất tự do mỗi người đều tha hồ mua sắm, hưởng thụ nếu mình có tiền, nhưng trường hợp hút thuốc thơm, mỗi gói 28 đồng, mỗi điếu 1 đồng 4 cắc thật là đáng hồ nghi. Hút để chết ? Ai giết mà anh ta chết ?

Tấn nói nhanh .

— Chuyện gì mà chết sướng. Xưa nay, chết là khổ bởi vậy con người ai cũng ham sống,

thà sống khổ còn hơn chết sướng. Anh nói nghe là quá.

Anh ta im lặng, hồi lâu mới nói mơ hồ :

— Bây giờ chưa nói được. Nói ra sớm, tôi sợ thầy phiền. Lát nữa gần tới nhà của thầy, tôi nói sau.

Tấn đâm ra sợ sệt. Hay là anh này toan rủ Tấn làm chuyện phi pháp. Tấn đặt ra trong tưởng tượng hai trường hợp vào tù : một là mua dâm, bị bắt quả tang, hai là làm quốc sự, bạo động. Anh phu xe vừa đạp, vừa ca vọng cổ, giọng ca khàn khàn, lời ca quá xưa đâu từ hồi mồ ma thực dân, lúc cô ba Bến Tre còn hát đủ 20 câu trong đĩa hiệu Béka :

— Tôi khóc đã lắm phen rồi... Sao mà hồ lệ nó chưa có được vơi, tim tôi nát tan mà tâm sự đắng cay càng thêm cay đắng...

Nghi ngờ gì nữa. Tấn đoán chắc anh phu xe muốn dắt mối, đưa người bạn đồng hương vào một ổ mại dâm. Mấy ngày này, có lẽ nhân viên kiểm tặc ít hoạt động. Một số ít phu xe đã chịu mối với các mụ Tú bà, hễ đưa khách đến, anh phu xe hưởng số tiền huê hồng nào đó.

Tấn lại thất vọng. Chiếc xe chạy chậm chậm

qua đầu hẻm. Anh phu xe chẳng nói chẳng rằng. Xe đến khoảng đường vắng nhà. Bầu không khí trở nên khó chịu. Thái độ nửa úp nửa mở của anh phu xe khiến chàng phân vân. Chỉ còn giả thuyết chót. Anh phu xe này là kẻ phá hoại, toan rủ chàng giúp một tay trong âm mưu nào đó.

Từ phía sau, anh ta nói :

— Thầy à ?

Tấn giựt mình :

— Cái gì nữa đó !

— Dạ, hôm qua thầy có đọc báo không ?

Đọc báo để làm gì ? Một là tìm hiểu tình hình chánh trị trong nước, ngoài nước. Hai là xem trang trong với những mục cổ tích, tâm tình bạn gái và tiểu thuyết. Tấn nhìn quăng đường trước mặt. Đã gần tới nhà chàng rồi. Thà im lặng, tỏ thái độ kiêu căng còn hơn là đi sâu vào tâm tình anh phu xe.

Anh ta hỏi tới :

— Thời buổi này, thầy hiểu tại sao có người giàu, kẻ nghèo không ? Người ở không, vô « áp phe » đều đều, sắm cho mỗi đứa con một chiếc xe hơi đời EB, EC. Kẻ làm cháy da phồng trán...

Đúng là luận điệu xuyên tạc, phát động căm

thù. Tấn muốn chấm dứt câu chuyện để khỏi giải thích cho anh phu xe hiểu rõ về những sai lầm của thuyết giai cấp tranh đấu :

— Anh đừng nóng nảy. Mỗi người đều có thời vận riêng. Những người khá giả như anh thấy đều đã trải qua khoảng thời gian khổ cực. Họ gặp dịp may mắn, biết dành dụm...

Anh phu xe càng đáp nhanh :

— Nhưng tại sao người khác không may mắn ?

— Chuyện đó tùy số tử vi. Nên cố gắng làm ăn là hơn. Rồi dịp may sẽ đến, nhờ phước đức ông bà để lại...

Anh phu xe đáp :

— Như tôi đây, cha mẹ tôi hiền lành, tôi làm ăn cần kiệm, tại sao người khác làm giàu mau hơn tôi ? Tại sao tôi không có chiếc xe « tắc xi » bốn ngựa mà cứ cam tâm đạp xe như thế này ?

Mở lý luận hỗn láo ấy nghe thật là điếc con ráy. Trong phút giây, Tấn dần bớt sự nóng giận. Chàng tự nhủ : « Sự im lặng là vàng, lời nói là bạc », rồi đâm ra thương hại cho anh phu xe. Anh nọ còn sống trong chân trời chật hẹp, cỗi lổ như bài ca vọng cổ, chưa hiểu những luật lệ của thời đại nguyên tử. Nếu anh ta giàu thì chắc sẽ là tay hà tiện ngu xuẩn, đem giấy bạc cắt

giấu trong ống tre, chôn dưới đất, với niềm tin sắt đá : một trăm đồng vẫn luôn luôn giữ giá một trăm đồng từ giờ phút này đến ngày tận thế. Thật ra, trên thị trường, đồng bạc có thể lên giá hoặc xuống giá.

— Thầy làm tôi tức quá ! Thầy khinh tôi à ? Nói xong, anh phu xe đạp chậm. Tấn nhớ câu « dĩ hòa vi quý » nên trả lời, hạ thấp giọng :

— Ai dám khích anh ! Thời buổi này, mỗi người có một cách làm ăn riêng... Anh nên kiên nhẫn. Trước sau gì, anh cũng gặp lúc dễ thở. Đừng nói bậy nói bạ... Thiên hạ hồ nghi anh là kẻ bất hảo...

Bỗng nhiên, anh phu xe ngừng hẳn lại. Tấn nhảy nhồm, day mặt ra phía sau. Anh phu xe cúi đầu, cười gằn, rút gói thuốc thơm Lucky, châm hút phì phà. Dịp may để Tấn từ giã anh ta. Từ đó về nhà chỉ còn chừng hai trăm thước. Tấn muốn cuộc bộ cho thanh thoi tâm trí. Rõ ràng anh phu xe đã lợi dụng tình đồng hương, lợi dụng sự thân mật từ trước tới nay.

Anh phu xe cố ý tránh cái nhìn chòng chọc của Tấn. Tấn hiểu rằng mình đang thắng thế. Chàng rút bóp, đưa ra tấm giấy 5 đồng :

— Tôi đi bộ. Anh trở lại kiếm mối khác.

Anh phu xe lắc đầu :

— Thà tôi chết. Tôi đâu muốn đưa thầy tôi đây để kiếm năm đồng. Thà tôi chết. Buồn quá. Chắc đời tôi không còn cơ hội thứ nhì. Thầy chưa tin à ? Nãy giờ, tôi muốn cho thầy thấy rõ trước mắt.

Nói xong, anh ta nhảy xuống yên, tiếp tục :

— Đọc báo ngày hôm qua, tôi ăn ngủ không yên. Chỗ quen biết lâu ngày, giữa tôi với thầy, tôi muốn tỏ thật. Xin thầy đừng bắt lỗi, cho tôi quá đường đột.

— Anh cứ nói. Nãy giờ, tôi nhức đầu lắm rồi.

— Thầy ngồi trên đó hoài.

— Trên cái gì ?

— Trên tấm nệm. Tôi để nó ở dưới tấm nệm.

Với bản chất tham sanh úy tử, Tấn đứng dậy, nhảy xuống đất. Đứng rồi ! Anh phu xe đã cất giấu một chất nổ dưới nệm, một trái lựu đạn, thí dụ như vậy. Rủi nhà cầm quyền thấy được, ắt Tấn can tội đồng lõa.

Chàng bước xa ra, toan rút lên rồi chạy nhưng nghĩ làm vậy thì hơi khó coi.

Anh phu xe nói nhanh :

— Thầy xít lại gần đây, tôi nói riêng với thầy mà thôi. Chỗ thân tình, nếu thầy là người lạ thì tôi giấu luôn. Họ cười tôi là kẻ làm chuyện điên khùng.

— Chuyện gì ?

— Thầy đỡ mí nệm mà xem.

— Tôi đâu dám.

Anh phu xe bước tới gần tấm nệm, cau mày :

— Nãy giờ tôi nói dông dài, không dám chỉ rõ bằng cứ về cuộc đời của tôi, sợ thầy phiền. Cái gì bí mật, luôn luôn tôi không cho thiên hạ thấy. Tôi lỡ giấu nó dưới nệm. Mà hễ muốn lấy ra thì phải ngừng xe lại. Tôi chẳng dám làm mất thời giờ... của thầy. Chớ thời giờ của tôi thì bắt đầu từ đây... tôi sống cũng như chết.

Đôi mắt Tấn nhìn chòng chọc vào tấm nệm. Bàn tay gân guốc của anh phu xe sờ vào, đỡ hé lên. Anh ta cau mày.

Tấn thở dài, nhẹ nhõm. Dưới nệm xe, chẳng thấy thứ vũ khí nào hết. Nhưng anh phu xe mở tờ báo đã xếp đôi, đem ra một cái bao thơ, trao cho chàng :

— Thầy lên nệm ngồi đi rồi mở ra xem thử.

Sau khi lên yên, anh ta đạp chậm rãi. Tấn ngại ngại. Phải chăng anh ta vừa trao cho chàng một lá truyền đơn in không cần kiểm duyệt ? Tuy nhiên, đã cầm trong tay rồi, chẳng lẽ quăng bỏ. Nếu nhân viên công lực theo dõi, chàng khó bề chạy chối, kêu van.

Giọng anh phu xe như thúc hối :

— Cứ mở bao thơ ra. Thầy đừng ngại. Trong đó, chẳng có tiền bạc gì ráo. Có món khác, ngộ lắm. Hồi nào tới giờ tôi cam đoan thầy chưa thấy.

Trời ơi ! Ba tấm giấy số — cặp ba và một miếng giấy nhỏ thuộc loại « kết quả xổ số kỳ C », mà các nhật báo thường in tặng không cho đọc giả thân mến ! Tấn chưa hiểu đó là giấy số trật hay trúng. Liếc sơ qua, chàng nhận ngay : nó không dính dáng gì đến số trúng một triệu.

Anh phu xe nói thao thao bất tuyệt :

— Thấy chưa ! Thầy thấy gì chưa ? Trật một con số ở đầu, tôi trúng 300.000 đồng rồi. Người ta số 1, còn tôi số « dia rô ». Nói thiệt cho thầy thương, hồi tối rồi, tôi thức suốt đêm, không dám báo tin cho vợ tôi biết, sợ vợ tôi buồn rồi tức tối, gia đình đã nghèo lại

gặp thêm chuyện buồn thảm. Tôi uống rượu liên miên. Tôi mua cái bao thơ, để dành 3 tấm giấy số đó làm kỷ niệm cuộc đời. Nhích một chút là đời tôi đâu phải như vậy. Từ số « dia rô » nhích qua số 1. Trời ơi! Có một chút xiu mà sao coi bộ khó quá.

Tấn cười xòa, nghĩ đến chứng bệnh nhát gan của mình. Chàng im lặng, cúi mặt. Đến đầu hẻm, chàng trả tiền rồi giao phong thơ bí mật ấy cho anh phu xe :

— Thời vận mà! Kỳ sau anh sẽ trúng. Đừng lo. Tôi mua giấy số từ năm bảy năm mà chưa lần nào may mắn như anh. Từ số dia-rô qua số 1 mà nó không chịu qua.

Anh phu xe gật đầu :

— Vậy hả thầy Hai. Tôi để dành nó ở đây. Thủng thỉnh, gặp thầy thì tôi đem ra khoe. Chẳng lẽ thầy cười tôi, người một xứ...

Tấn vào ngõ hẻm. Hai bên phố, mấy người hàng xóm đề xô ra, chào đón :

— Thầy Hai về kia! Có gì lạ không thầy Hai? Nghe nói ở ngoài lộn xộn lắm. Hồi sáng tới giờ, tôi giữ chẳng chẳng mấy đứa nhỏ, sợ tụi nó đi bậy. Nhảm... có sao không? Ghé không thầy hai?

Thiên hạ người nói vậy, người nói khác, nghe phát ớn. Dân tình coi bộ...

Tấn rút thuốc hút, nói như nói riêng cho mình nghe :

— Hồi nầy tới giờ tôi ở ngoài đường. Ghé lắm, tôi thấy cái chết từng chập.

Rồi chàng sức nhớ tới 3 tấm giấy số :

— Hễ cái gì tới thì nhất định sẽ tới. Còn cái gì không tới thì nhất định không tới.

Người hai bên đường hểm nhìn Tấn. Họ khâm phục, ngỡ Tấn là một « chánh tri gia » lão luyện. Chàng nói mơ hồ, như gần như xa. Thà là ra đường, sống bên lề còn hơn nằm co rúc ở nhà. Lần đầu tiên, trong nếp suy tư, chàng tìm ra nguồn hứng cồn cào — như con gà què dám chạy đến gốc tre, bươi đồng rác, gắp con sâu bọ nhỏ :

— Tranh đấu là một sự mầu nhiệm ! Từ số « địa rô » đến số một, tuy ngắn ngủi nhưng gang tấc bé bỏng ấy quyết định tất cả vận mạng con người. Ngày nào đó nếu tất cả mọi người đều được như vậy thì... chúng ta không phải là chúng ta nữa.

CÂY TRÚNG CÁ

Tôi dạo thơ thần trên đường Phát diệm với ý định đồ ra đại lộ Trần Hưng Đạo, tìm xe đi Chợ Quán thăm người bạn thi sĩ vừa thọ tang cha. Vì công chuyện thăm viếng không gấp rút cho lắm nên tôi bước thật chậm, hút thuốc phi phà, liếc mắt nhìn xem các cô gái qua lại, nhìn chòng chọc, nhìn cho mãn nhãn — vì cái nhìn ấy không tốn kém gì ráo, nó làm cho tôi yêu đời thêm. Và chắc hẳn các cô sẵn sàng tha thứ cho muôn ngàn cặp mắt tò mò, mắt dáy, hiền lộ bao nhiêu chuyện ác ý, vô lễ. Đó là giấc mơ giữa ban ngày của bọn mày râu, của những kẻ sẵn sàng chịu cực, lì lợm, đã học luân lý khá nhiều nhưng chẳng áp dụng được bao nhiêu, mặc dầu đầy đủ thiện chí bảo vệ luân lý cổ truyền !

Một cô gái mặc áo dài xanh đậm từ bên kia đường băng qua. Tôi dừng lại để ngắm nghĩa dung nhan cô, từ chính diện. Đẹp thật. Có vẻ sang trọng, tay dài, chân dài. Tuy xe cộ chạy như mắc cửi nhưng cô băng qua dễ dàng, không hấp tấp, như kẻ dạo vườn hoa.

— Anh Ba ơi !

Cái giọng hơi quen ấy khiến tôi quay lại. Một bàn tay vẫy lên cao, làm dấu hiệu như ngầm bảo : « Có ta đây ! ». Đó là anh chàng soạn giả tuồng cải lương, nhỏ tuổi hơn tôi, người đồng hương. Tôi lúng túng, chẳng biết xưng hô thế nào cho gọn. Chẳng lẽ gọi anh ta bằng biệt hiệu : soạn giả Hoa Mơ. Anh ta chẳng ưa khoe khoang nơi công cộng. Với năng lực dồi dào, với hàng chục tuồng ăn khách, anh ta được các ông chủ đoàn hát lưu ý từ lâu. Về đường tình duyên, anh ta đã có đến hai vợ, và dường như đã chán ngán thể sự thăng trầm. Tôi rẽ vào quán, nói trống :

— Ủa ! Ngồi đây hồi nào ?

— Lâu rồi ! Bữa nay anh Ba coi bộ mẩn người mẩn cảnh quá. Hồi nãy, anh Ba dòm cô đó. Thôi ! Dòm mà làm gì. Tôi sẽ cho địa chỉ cô ta.

— Phá hoại. Lúc này, nhà cửa ở đâu !

— Bây giờ dời qua nhà khác, bỏ cái nhà bên kia cầu chữ Y, bỏ cái nhà trong chợ Bình Tây...

Trước kia, hồi... ông Diệm và bà Nhu còn sống, sống với uy thế gần như vô địch, tôi và soạn giả Hoa Mơ ở chung một nhà. Anh ta làm thơ ký tại một tư sở, lúc rảnh rang thì

ngâm thơ và nghiên cứu cổ nhạc. Tiền lương hàng tháng — tuy ít ỏi — nhưng tạm đủ mua gạo, mua rau nuôi sống vài người bạn thân, trong đó có tôi. Tôi còn nhớ dạo ấy gian nhà chật, hẹp nhà mướn, cất trên vũng bùn. Ban đêm, tôi nằm trên chiếc ghế bõ nhà binh, ngoài sân, mặc chiếc áo dày (kiểu áo câu thủ bóng tròn) thay mền. Và cái ghế bõ ấy lại lấn ra ngoài ngõ hẹp, đụng vào chân kiềng của nhà đối diện.

Anh ta hỏi :

— Bây giờ anh Ba ở đâu? Xóm nào?

— Thì xóm cũ, từ hai năm qua, tôi không muốn di chuyển.

— Bà vợ tôi khó tánh. Tôi đời nhà hoai, theo ý của bà cho yên vui. Hôm nào rảnh, anh Ba tới chơi. Chỗ này hơi ồn ào và khó kiếm số nhà.

Nói xong, anh ta gọi cô chiêu đãi viên :

— Thêm hai chai bia.

Lại phải uống rượu vào lúc mặt trời vừa mọc hai sào! Tôi sợ những cử nhậu sớm. Lúc đói bụng, rượu dễ công phạt, khiến mình nhìn sự đời thêm méo mó. Nhưng tôi không muốn từ chối. Biết đâu ba bốn tháng sau, tôi

mới gặp anh soạn giả cố tri này ! Dường như anh ta đang « ưu thời mãn thế ». Tội tình gì mà không ngồi nán, uống cạn ly cho vui. Quán này chuyên bán cơm trưa cho giới lao động. Vào lúc 9 giờ sáng, ít ai ra vào. Và có lẽ ông chủ quán cần sự hiện diện của vài ba người nào đó để bầu không khí thêm phần ấm áp. Cô nữ chiêu đãi viên khui chai rượu rồi lạnh lùng trở lại... « hậu trường », đọc tiền thuyết. Ngoài này, chúng tôi chọn vị trí, dựa lưng vào vách để chuẩn bị cuộc đối thoại lâu dài. Tôi mở lời :

— Có ai về xóm cũ không ?

Anh ta đáp :

— Anh Ba muốn nói xóm nào ?

— Xóm cầu Mũ, hồi mình ở chung đó. Bao nhiêu vật đổi sao dời rồi.

— Anh Ba đi tuốt chớ tôi thì về lai rai, để thăm ông già vợ, kéo lối đạo quán thần. Vẫn còn y nguyên mấy gia đình cũ...

Tôi sức nhớ đến gốc cây trụng cá. Cây này to lắm, che phủ chừng mười thước vuông. Mỗi trưa, trẻ con và luôn cả bọn người lớn thất nghiệp xúm xít lại đó để nhìn lên. Mấy chị bán chè, bán cháo ngồi bên đường hẻm, nường vào bóng mát :

— Cây trứng cá còn không ?

Anh ta đáp :

— Còn đó chờ ai bưng đem đi đâu.

— Chắc nó lớn dữ rồi. Năm sáu năm nay.
Cây trứng cá mọc mau lắm.

— Thì thiên hạ chặt nhánh nó, mấy hồi...

Đề câu chuyện khỏi lạc đề rồi đi sâu vào thế giới siêu hình, tôi nói cụ thể hơn :

— Cây trứng cá đó là tượng trưng cho xóm nhỏ. Chú mày nhớ chưa ! Nó như cây đa đình làng ta... Nhà ông già vợ chú mày còn đó chứ ? Ông còn mạnh khỏe ?

Chàng soạn giả cau mày, nâng ly uống một hơi rồi im lặng. Trong ánh mắt anh ta, thoáng gọn bao nhiêu dĩ vãng riêng tư mà chỉ có riêng tôi mới đọc ra vài chữ. Đó là thiên tình sử thuộc loại « tình nghèo xóm nhỏ ». Chúng tôi ở sát vách một gia đình đông con gái. Năm ba cô mơn mớn, chưa chồng. Người cha ruột đang hồi làm ăn xuống dốc nên cứ ngồi nhà mà uống trà, thỉnh thoảng răn dạy các con về dung công ngôn hạnh. Ông theo luân lý cổ truyền và là người ngoan đạo. Vóc dáng của ông gợi hình ảnh người nông dân thời xa xưa với bao nhiêu khắc khổ. Cứ hừng sáng,

Ông mặc áo dài đen, xách dù, đi nhà thờ. Và đến tối, các con quì xuống đọc kinh, không được chệnh mảng bất cứ vì một lý do nào. Nhưng gái lớn lên thì cần phải chưng diện. Mỗi đứa tự ý tìm sanh kế để tiêu xài. Ông hiểu mơ hồ công việc làm của các con, những công việc thường bị dư luận khiển trách — nghề chiêu đãi viên ở khu Dân Sinh, chợ Trần Quốc Toản... đại khái. Lẽ dĩ nhiên, hể thức đêm quá nhiều thì các cô ngủ suốt buổi trưa. Thôi! Đèn nhà ai nấy sáng. Điều mà tôi biết rõ là cô Tám, con gái ông, sống theo nếp đứng đắn, ít đi khỏi nhà, lo cơm nước cho cha rất chu đáo. Vài tháng sau, anh bạn của tôi trở thành người chồng của cô Tám, trong vòng lễ giáo. Lúc ấy, anh bạn chưa nổi danh là soạn giả.

Anh bạn gật gù :

— Ông già vợ của tôi còn ở đó hoài. Cũng đi nhà thờ.

Tôi hỏi :

— Mấy cô em vợ ? Con Lương, con Mìn ?

— Con Mìn có chồng rồi theo chồng ra ngoài Côn Đảo. Chồng nó làm gát đan... giữ tù.

— Còn con Lương ?

— Bây giờ ngon lắm. Nó giàu có, và là

đưa có hiếu nhưt. Cả gia đình người một nơi. Còn nó săn sóc cha. Xưa kia, anh nhớ không?

Làm sao tôi không nhớ? Con Lương không đẹp nhưng trắng trẻo, nở nang. Nó ưa đi hoang. Thỉnh thoảng, nó bị cha đánh mắng, để làm gương cho các em và để đánh tan dư luận trong xóm. Giấy rách phải giữ lấy lề. Việc đánh con được người cha cử hành như một nghi lễ trang nghiêm. Cha chuốt ngọn roi. Roi này để trên nóc tủ, không xê dịch, như lưỡi gươm treo trên vách nhà tương. Ông giảng luân lý rồi gọi con ra. Đưa con nằm sấp. Người bên cạnh tha hồ tụ họp trước sân nhia vào. Cửa cái và cửa sổ mở rộng. Ông đánh, đếm kỹ từng roi. Và đưa con không được rên la, kêu van hoặc cựa quậy. Sau đó đưa con quá tuổi dậy thì ấy được lệnh ngồi dậy và... tuyên thệ chẳng bao giờ dám tái phạm.

— Con Lương bây giờ ra sao? Làm nghề gì mà giàu?

— Nó học Ấng Lê, làm nữ chiêu đãi viên trong quán sang trọng và có chồng hẳn hoi, Chồng nó là một Mỹ Kiều, đẹp trai. Chàng này « chịu chơi » lắm. Nó cùng con Lương, bắt buộc con Lương dẫn nó về nhà, ra mắt cha mẹ vợ. Nó trợ cấp cho vợ và cha vợ

một số tiền khá to, hàng tháng. Còn gì vui mừng cho bằng. Mái nhà gần sập phía trước được tu bổ, vách tường có treo tranh ảnh đường xa xứ lạ. Ông già vợ vui lắm. Bởi vì con gái mình được tiếng tốt, có chồng đang hoàng. Ban ngày, thằng chồng nó về ăn cơm và không quên mua vài thứ xa xỉ phẩm như thuốc Salem, xà bông thơm, máy thâu thanh thứ nhỏ, thuốc sinh-tổ ngựa bá bệnh...

Thằng chồng cũng vui lòng vì cưới con nhà lành, chứ không phải loại « chị em » mất nết đổi thay tình nghĩa như cơm bữa.

Tôi hơi buồn ngủ, có lẽ vì rượu công phạt cái bao tử trống rỗng và có lẽ vì câu chuyện hơi nhàm. Đợi lát sau, anh bạn soạn giả mới tổng kết

— Thế là đứa con bất hiếu nhất ngày xưa trở thành rường cột gia đình, dưỡng nuôi cha già. Và người cha này có phản ứng rất tốt, khuyên con gái nên tuân theo dung công ngôn hạnh để đền đáp lại tấm lòng của người chồng xứng đáng. Và hằng ngày, cứ hừng sáng, ông mặc áo dài, xách dù đi đọc kinh. Đứng về mặt tu thân mà xét, tôi chưa thấy ai đang hoàng như ông. Hồi nào cũng như hồi nào...

Câu chuyện tưởng có thể chấm dứt. Dè

đâu anh bạn soạn giả gọi thêm chai bia. Tôi nói nhanh :

— Được rồi. Nếu có về xóm cũ, tôi gửi lời thăm bác. Chắc ông quên tôi rồi.

— Ông bây giờ chẳng muốn chú ý tới ai hết, ở anh Ba, anh còn gửi lời thăm ai nữa không ?

— Nhớ ai bây giờ ? Có lẽ thiên hạ đã dời nhà đi chỗ khác.

— Họ còn ở đó y nguyên, anh Ba ơi. Năm ngoái, xôn xao một độ, thiên hạ đồn rằng tòa Đô Chánh giải tỏa, phóng con đường ăn thông qua chợ Năng Xy. Nhưng rồi đâu vào đó, chẳng ai bị đuổi đất dỡ nhà gì ráo.

Tôi sức nhớ đến gia đình cô Bảy Thêm. Đạo trước tôi thường qua hút thuốc, uống trà với cha ruột cô. Cô đã có chồng, sanh hai con. Chồng cô theo vợ bé, đi suốt, hằng tháng trợ cấp một số tiền tượng trưng là hai ngàn đồng. Ông chồng ấy làm nghề mua bán đường xa, tận Cao Nguyên Trung Phần. Ở trong xóm suốt hai ba năm mà tôi chỉ gặp mặt ông ta có hai lần. Lần nào, tôi cũng không dám nhìn kỹ. Dường như ông ta ghen bóng ghen gió với bọn trai tơ và trai già trong xóm. Ngày chồng

về thăm con, cô Bảy Thêm chẳng dám nhìn chúng tôi. Nhưng khi chồng ra đi, biệt, thỉnh thoảng cô ôm con, ngồi ca Vọng Cổ trên võng. Lời ca vô nghĩa, trích trong mấy quyển bài ca hai đồng bạc, nhưng giọng ca áo nảo làm sao. Tưởng rằng tâm sự người ôm đàn tỳ bà ở bến Tầm Dương không khác mấy. « Khách trọng lợi khinh đường ly biệt, mãi buồn chề, sớm tiếc ngàn khơi. Thuyền tro đậu bến mặc ai, quanh thuyền trăng dải, nước trôi lạnh lùng ». Về lúc ấy, cô Bảy sẵn sàng mời chúng tôi qua nói chuyện khào. Cô than thân và trách móc tất cả bọn đàn ông: « Chẳng ai chung thủy cả. Người đàn ông thiếu tình cảm và ác độc như con rắn ». Một bạn trẻ của tôi mỉm cười, nói bóng gió: « Thực tế sẽ chứng minh » rồi bạn đi tuốt. Người bạn này lợi hại lắm, tên là Chúc, khá đẹp trai ít ăn nói. Cô Bảy Thêm thích nói chuyện với tôi và bắt buộc đưa con gái gọi tôi bằng bác.

Người hàng xóm hồ nghi rằng cô Bảy dành cho tôi khá nhiều cảm tình nồng hậu và rất ghét anh chàng Chúc kiêu hãnh ấy...

— Thuở đó, Anh Ba mẹ cô Bảy Thêm.

— Đâu có làm ăn gì? Tình láng giềng giữa thanh thiên bạch nhật.

Anh chàng soạn giả cười bí hiểm :

— Chỉ có tôi mới hiểu thấu nỗi lòng anh Ba. Bây giờ, nói thiệt nghe thử coi ! Hằng đêm, cô Bảy ngủ ngoài chái nhà, xuất nhập tự do, không cần mở cửa khoét vách. Anh Ba có ý nghĩ gì... đến tối không ?

Tôi đáp :

— Có chứ. Nhưng không dám.

— Tại sao ? Anh Ba sợ cô Bảy bị chồng bắt tại trận rồi « cúp » tiền trợ cấp ?

— Đâu phải. Tôi sợ cô Bảy bắt buộc tôi đóng vai trò bình phong...

Chàng soạn giả cười vang :

— Anh Ba thông minh và hiểu đời quá. Anh Ba nhận xét cô Bảy là người như thế nào ?

— Người đa tình, đầy đủ sức khỏe, ăn no rồi ở không, nhân cư vi bất thiện. Thôi đi. Hơi đâu mà nói xấu kẻ khác. Nhưng tôi phải nói ra để làm... để tài văn nghệ. Cô Bảy cố tình bắt buộc tôi đóng vai bình phong.

— Đây là bằng cứ ? Anh Ba nói thử...

— Đêm đó, tôi thao thức, bước ra khỏi nhà. Trời tối mờ mờ, mưa lác đác. Tôi thấy gió thổi mạnh. Bên kia, cách vài thước, cái

thành mừng cô Bảy bay phấp phới. Cô thò tay ra ngoài. Tôi lại gần. Nhưng lập tức cô rút bàn tay vô, tấn ém mí mừng. Tôi ngỡ là mưa dột chái nhà nên đến gần. Trong mừng cô Bảy, lủ khủ những gối ôm. Và bỗng nhiên đứa bé khóc lên. Và trước khi nó khóc, tôi nghe cô chửi rủa nó. Cô Bảy cố tình gây tiếng khóc để cảnh cáo tôi, không cho tôi lại gần hơn.

Chàng soạn giả gật đầu :

— Anh Ba chưa hiểu rõ. Cô Bảy thỉnh thoảng rước một chàng trai trẻ vào mừng cho vui. Không chừng lúc đó anh Ba thấy chàng ta trong mừng mà ngỡ là cái gối. Chàng ta nhỏ thó, trắng trẻo. Chính là thằng Chước. Thằng Chước tìm cách chứng minh sự đa tình của bọn con trai.

Tôi lắc đầu :

— Vậy sao ? Hèn gì cỡ đó, thằng Chước thường đi chơi đêm. Khi về thì nó hút gió, động cửa, vặn đèn, làm rùm beng cả xóm theo kiểu « dợt sóng mới ».

— Nó ở trong mừng cô Bảy Thêm chun ra chờ đi đâu xa. Nó muốn phi tang. Nhưng gà đẻ, gà cục tác. Tôi dám bảo đảm rằng chuyện thằng Chước tư tình với Cô Bảy còn ở trong vòng bí mật, chẳng ai hay biết.

— Nhưng tại sao chú mày biết ?

— Thắng Chúc nói lại. Đạo đó, thỉnh thoảng cô Bảy cho nó vài trăm, gọi là cho mượn xài đỡ... Anh Ba thử nghĩ coi : ông chồng thương gia chẳng bao giờ hay biết, luôn cả anh là người gần như trong cuộc. Ai cũng nói cô Bảy nết na, thủ tiết chờ đợi ngày hồi cải của ông chồng...

— Bây giờ cô Bảy còn đó không ?

— Chồng cô về rồi. Anh chàng thương gia ấy đã về chuồng cũ, sau khi theo vợ bé. Lá rung về cội mà. « Hồn con một thuở đã đi hoang » giờ đây về qui lụy bên cạnh người vợ lớn. Chàng ta mua nhà, nuôi nấng vợ con, cho con học trường Tây, gia đình êm ấm lắm.

— Cũng đáng mừng. Rốt cuộc rồi, mọi người đều vui và sống trong lúc tao loạn. Cũng là vui. Chẳng ai chết chóc, trong xóm Năng Xy.

Nói xong, tôi nốc cạn ly rượu. Câu chuyện đã đến lúc nhạt phèo. Anh bạn soạn giả vẫn dựa lưng vào vách. Tôi đoán chừng anh ta đang chờ một người bạn để vay hoặc đòi nợ. Anh ta nói lạt giọng :

— Không phải vậy đâu, anh Ba. Đòi là buồn. Trong một tháng, tôi chợt hiểu anh ta đang thắc

mắc về gia đình. « Một vợ năm vườn lèo, hai vợ năm chuồng heo ». Sáng nay anh ta túng tiền, bị tất cả hai người vợ ruồng rẫy nên nhìn đời bằng cặp mắt xiên xéo. Anh ta muốn giải bày nỗi lòng cho vũ trụ hay biết để bao nhiêu đau khổ được vơi ! Tôi hỏi :

— Tại sao đời là buồn ?

— Anh Ba lớn tuổi hơn tôi, anh dư biết.

-- Làm sao tôi biết được. Chú mày có tới hai vợ, hẳn là đầy đủ bản lãnh.

— Hai câu chuyện mà tôi vừa kể cho anh Ba nghe toàn là tài liệu sống, tai nghe mắt thấy. Nó chứng minh rằng mỗi người đàn bà đều có dĩ vãng. Anh chàng Mỹ Kiều và anh chàng thương gia là hai kẻ vô tình mà biết sống với hạnh phúc hiện tại. Nếu suy nghĩ vợ vẫn đến dĩ vãng, nếu điều tra lý lịch vợ con mình thì làm sao họ cười cợt được.

— Ta nên bắt chước họ.

Chàng soạn giả lắc đầu :

— Làm sao bắt chước được. Anh chàng Mỹ Kiều và anh chàng thương gia chồng cô Bảy Thêm hàn gấm được dĩ vãng và hiện tại, nhờ họ có tiền. Chúng mình khô túi, chỉ còn cách nói dóc nghe chơi :

— Thôi, hẹn dịp khác.

— Anh Ba chưa tin hả? Cứ đi Năng Xy về xóm cũ.

Tôi vội bước ra khỏi quán, đi bộ, lần phía Năng Xy. Đường xa mà hoá ra gần. Vừa đi tôi vừa suy nghĩ miên man. Nếu không gặp chàng soạn giả này, chưa ắt tôi trở về xóm cũ.

Đến đầu hẻm.

Tôi đi chậm rãi, qua cây cầu ván. Nước đen ngòm, chảy lờ đờ, hơi cạn hơn hồi xưa vì rác rến đổ xuống quá nhiều. Qua cầu, tôi nhìn hai bên đường. Chẳng có gì lạ. Chẳng ai nhận ra tôi.

Cây trứng cá hiện ra, cao lớn. Lá vàng rụng đầy gốc. Cái chái nhà, nơi cô Bảy ngủ lúc chồng theo vợ bé hầy còn đó. Bộ ván trống trơn.

Tôi qua nhà con Lương.

Nhà trang trí khá đẹp, sắc sỡ, cửa khép hờ. Con Lương vắn máy thâu thanh, nhai kẹo. Người cha đang nằm đọc báo. Con Lương nhận ra tôi. Nó chào hỏi. Tôi vào nhà. Nó đã có chồng sang trọng, như anh chàng soạn giả thuật lại. Tôi hỏi đến cô Bảy. Con Lương cho biết dạo này chồng cô mua nhà, cưng cô lắm. Nhà cũ của cô Bảy chẳng còn ai.

Tôi hút thuốc, liếc ra cửa sổ :

— Còn cây trứng cá. Buồn quá.

— Chú thấy cây đó khác không. Nó không lớn, cứ như vậy hoài.

Tôi dòm kỹ. Rõ ràng cây trứng cá không rậm rạp tuy gốc to hơn. Và bên gốc, tua tủa những nhánh to bị chặt, builại những vết thương khô cứng như những con mắt mù lò. Tôi hỏi :

— Hôm rày, thằng anh rề soạn giả có về đây không ?

Con Lương đáp :

— Ảnh có về rồi đi. Cui bộ ảnh khổ lắm. Mời vô nhà thì ảnh không chịu. Ảnh đứng dựa gốc cây trứng cá cả buổi...

Tôi ngáp dài, kiểu từ. Lại một buổi sáng trôi qua, chẳng có gì mới lạ. Từ chàng soạn giả đến cây trứng cá và đến tôi. Như những con mắt mù lò, cùi xuống đất.

NÀNG THƠ LẠC LỐI

Cái tàn thuốc cứ cháy nghi ngút, bốc lên thứ khói nồng đầy thán khí khiến thi sĩ Hải Hồ muốn ngất xỉu. Chàng cố gắng chịu đựng. Mỗi ngày, chàng có nhiệm vụ viết đầy ba trang giấy học trò — viết một mặt — để trám cho đầy một lỗm nhỏ ở trong hai tờ nhật báo « gió thổi ». Từ nãy giờ, chàng viết hai trang rưỡi; cỗi. Còn nửa trang nữa, tức là chừng mười hàng. Dễ quá. Thiên tình sử mỗi ngày tiếp nối đã đến lúc cực kỳ gay cấn. Việt Vương Câu Tiễn kéo đại quân sang đánh phá đất Ngô. Thì cứ cho quân sĩ của Câu Tiễn hướng thẳng về phía Cô Tô Đài, khen ngợi, cãi vã nhau, kẻ nói, người trả lời, đề cập đến nhan sắc của nàng Tây Thi diễm lệ.

Mùi khói từ cái gạt tàn thuốc xông ra như trút vại hơi « độc khí » cuối cùng.

Thi Sĩ Hải Hồ viết : « Bỗng dưng, từ phía Cô Tô Đài, tiếng địch thâm trầm, réo rắt trời lên. Vài lá ngô đồng rụng lả tả xuống giếng vàng... Còn tiếp ».

Vài bạn đồng nghiệp cần nhân :

— Ngọt quá bạn ơi. Đổ một chút nước vô cái gạt tàn thuốc, cho nó tắt.

Thi sĩ Hải Hồ đứng dậy, vỗ tay vào túi quần tìm gói thuốc, rút ra một điếu, mời vào cái tàn sắp lụn :

— Đừng nóng nẩy. Nó tắt rồi. Bữa nay sao Cô Thúy Lệ khó tánh quá. Hồi tối, cô bị vợ rầy hả ?

Anh chàng ký giả mang bút hiệu là Cô Thúy Lệ cười hô hố, bộ râu còi nhếch qua nhếch lại :

— Phá gao hoài. Bí mật nhà nghề mà. Đề thùng thẳng... viết vài hàng nữa là bọn mình đi uống cà phê. Viết ầu không được. Cái mục « Gỡ rối Tư vò » của tôi dạo này quá ăn khách, nữ độc giả bốn phương gửi thơ tới nườm nượp.

— Nói dóc. Thú thật với anh, tôi chẳng bao giờ đọc một hàng. Văn chương của anh giống như bài ca Vọng cổ hồi năm 1930.

— Lại đây. Mặc sức mà mơ mộng. Nếu tôi làm thơ nhanh như anh thì tôi sẽ gỡ rối bằng những bài thơ. Độc giả thích hơn.

Nói xong, chàng trai « Cô Thúy Lệ » khoe một xấp hàng chục cái thơ có dán tem. Bỗng dưng,

thi sĩ Hải Hồ cảm thấy ganh tị vu vơ. Từ hồi làm thơ... cho đến lúc ra mắt tập thơ đầu tay « Đôi mắt không tròn », chàng hứng chịu bao nhiêu thất bại. Tập thơ bán quá ế, không đủ tiền trả cho nhà in, bạn bè chế giễu ra mặt đầu đuôi chỉ có hai bài phê bình ngắn ngủi liệt tập thơ « Đôi mắt không tròn » vào loại « hiện sinh » khó ngủ. Chàng gặp vồn vện một bà góa phụ, yêu thơ, ở tận miệt lục tỉnh, tuổi hơn 40 đến tìm đề xin chữ ký và triện son. Lý do : mua đem về cho cậu con trai, cậu này thích làm collection thơ xưa và nay.

— Anh tốt số quá. Suốt ngày làm quen với bao nhiêu cô gái, cậu trai...

Chàng trai « cô Thúy Lệ » đáp :

— Nhiều bức thơ lạ lùng lắm, đọc sơ qua, mình muốn chảy nước mắt.

Thi sĩ Hải Hồ nói :

— Vậy hả ? Quả tim của phái yếu thật là...

— Thôi thôi... Lâu ngày, tôi quen rồi. Tôi đâu dư nước mắt. Bởi vậy, lâu lâu tôi ngáp dài. Nước mắt tôi đã ráo khô. Tôi chỉ ao ước kỳ này, báo bán thêm ba số.

— Đừng khinh thường nỗi đau khổ của kẻ khác chớ.

Chàng « cô Thúy Lệ » lắc đầu :

— Thi sĩ này ngờ ngác quá. Thí dụ như trường hợp của cô này. Có lẽ cô ta sắp tự tử. Một bức thơ kêu cứu với tất cả văn nhân ký giả tòa báo « Gió thổi » chúng ta. Tôi thay mặt toàn thể anh em, viết bài này đúng mức lắm. Báo bán thêm 3 số ! Hoặc 5 số !

— Thiệt hay chơi !

— Đề tôi ghi chép tóm tắt tâm sự cô ấy. Dài quá. Nếu thi sĩ đã sâu đã cảm muốn giải đáp dùm một cách thực tế thì tôi sẵn sàng trao cho sự mạng... cứu nhân độ thế. Tội nghiệp, Nàng mang cái tên rất đẹp ; Paulette Cúc. Nhà ở đường Cây Me, số 1.000. Nhưng nàng chưa muốn ai đến tận nhà, e gây thêm rắc rối.



Thi sĩ Hải Hồ nằm dài trên gác trọ, nằm sắp theo kiểu mấy anh học trò dài lưng tớn vãi. Trong bao thơ, có tất cả 8 mặt giấy học trò, tuồng chữ hơi dỗi và hơi xấu.

Đây, bức thơ thứ nhứt, sao y nguyên văn :

« Thủ đô, ngày...

Kính gửi quý anh ký giả.

Kính gửi cô Thúy Lệ, mục « Gỡ Rối Tư Vò. »
Em là một độc giả trung thành của quý báo

« Gió Thổi » cho nên em viết thư này gửi đến các anh và nhờ cô Thúy Lệ đăng hộ vào mục « Gỡ Rối Tơ Vò » vì em có một chuyện buồn lắm, buồn không thể kể được. Vậy em nhờ mấy anh có tấm lòng tốt và thương người em không bao giờ đòi hỏi ở các anh tiền nhuận bút và chỉ cầu xin chuyện của em được đăng mau và nếu được phổ biến thì em xin cảm ơn lắm và xin các anh nhớ ghi tên người em đáng thương hại là Paulette C. và tránh gặp mặt em tại nhà.

« Mong quý anh giúp đỡ em trên bước đường khổ sở, địa chỉ như sau : đường Cây Me, số 1.000 »

Thi sĩ Hải Hồ lật qua, đọc tiếp bản văn tâm sự đính kèm (nguyên văn) :

« Đêm nay, sao mình khó ngủ thế ? Và chán đời quá, đã thao thức bao đêm khi nhà nhà yên vui trong giấc điệp. Thì trong lúc đó thân em nước mắt đầm đìa. Em khóc cho ai đây ? Em cũng đang tự nghĩ.

« Đời em chắc có lẽ bị những vì sao trong sáng án ngữ chung quanh nên đành lu mờ theo định luật hấp lực của tạo hóa ban cho... thôi em không dám nói nữa vì nước mắt em đã rơi nhiều, em phải thay từng trang giấy. Em khổ

quá vì ba má em đành sống ly thân. Ba em xưa kia địa vị, tiền bạc nào thua kém ai, còn má em thì thư ký đánh máy. Em phải sống với người di và người dượng rề. Lắm lúc, di em chửi mắng : mây là đứa vô dụng, khùng điên, không cha, không mẹ. Trời ơi ! còn cảnh nào khổ hơn nữa, hỏi các anh nhà báo ?

« Không phải em muốn kể xấu gia đình, nhưng buồn quá, không biết giải lòng cùng ai nên mượn trang báo « Gió Thổi » của quý anh để tâm tình trước là với các anh, và tri kỷ bốn phương.

« Hỡi ơi ! Nếu tình đời chỉ có thế thì như mặt nước hồ thu vương chút lá vàng khô ; chẳng này, sóng muốn êm, gió không ngừng thổi, cứ thổi để đưa chiếc lá đến một ngày lạnh lùng và ghê sợ nhứt như trận bão lụt đang tàn phá và giết chết bao nhiêu oan hồn.

« Trời ơi ! Ngày ghê gớm kinh thiên động địa ấy đã đến trên mái đầu xanh vô tội. Một hôm ấy, người dượng ghẻ của em đến gần và bảo : « Này cháu, thấy cháu lớn khôn nên dượng thấy cần săn sóc đến cháu về mọi mặt. Cháu nên xem cuộc sống tung bưng của mùa xuân, đừng để mùa xuân già héo... Rồi ông nói tới những điều hại thuần phong mỹ tục, dụ dỗ em...

« Các anh ơi ! em có thể nghe theo lời xúi

đục ấy không các anh ? Danh dự của em còn đâu nữa. Người dượng hứa cho em một số tiền nữa.

« Các anh ơi ! chữ trình đáng giá ngàn vàng phải không các anh ? Vậy mà họ xem em như cỏ cây. Em khóc liên tiếp mấy đêm các anh à.

« Các anh đừng cười đùa em ngày thơ, đau khổ này. Có lẽ lúc chào đời, em được trời phú cho anh tạt ra khóc.

« Chừng nào có một vị thiên thần hạnh phúc đưa tay với em ra khỏi hoàn cảnh bất hạnh. Chừng ấy em sẽ cười và... không biết nghĩ gì về đời em nữa.

« Các anh thân mến,

« Em viết thư này đến nhờ giúp đỡ, em chẳng cần xin tiền nhuận bút nhưng điều quan trọng cho hạnh phúc của em là được các anh thuật hoàn cảnh và trả lời trên mặt báo.

« Đưa em đau khổ nhứt đang mong đợi từng ngày, từng giờ, Paulette Cúc. »

... Xem xong, thi sĩ Hải Hồ đi tới đi lui trên sàn gác. Trời nắng chang chang. Chàng nhứt định xuống từng nhà dưới đề ra đường. Trường hợp của người đẹp Paulette ra sao ?

Nàng nói ba hoa nhưng biết đâu vì chưa quen diễn tả tâm sự bằng phương tiện mực đen giấy trắng nên vấp nhiều khuyết điểm về hành văn.

Nàng đáng yêu chẳng ? Mái tóc nàng ra sao ? Đôi mắt nàng chắc hẳn buồn bã.

Đồng hồ chỉ 12 giờ 45, Bổng đứng thi sĩ nầy ra sáng kiến :

— Tại sao mình không đến tìm nàng, tìm lên, theo địa chỉ ghi rõ trong thơ. Giờ trưa, nàng có mặt tại nhà. Nghe đâu, bên Âu Châu... mỗi khi gặp tâm sự rắc rối trai hay gái thường nhờ một sở trình thám tư hoặc một văn phòng giao duyên đề giải quyết dùm. Nhân viên các sở nầy làm việc nhanh chóng, kín đáo. Họ đóng vai trò của ông tơ bà nguyệt. Nên thí nghiệm một phen.

Chiếc xích lô máy ngừng lại đầu đường Cây Me. Hẻm quá nhỏ, trẻ con chạy giỡn lảng xãng, mấy người bán hàng chưng bày thùng mủng chật cả lối đi. Thi sĩ Hải Hồ dùng phương tiện xe dịch ấy để tránh cặp mắt tò mò của người đẹp Paulette Cúc. Văn nhân ký giả thường đi Vespa, hoặc xe đạp, hoặc đi bộ. Nếu người đẹp tinh mắt, nàng chẳng bao giờ chú ý đến người thi sĩ trên chiếc xích lô máy.

Đường Cây Me mới tráng đá, số nhà còn

hỗn loạn. Căn này số 75, căn nhà kế số 108A, số chẵn lẻ lộn xộn. Tuy nhiên, nhà cửa khá đẹp, cửa sổ sơn màu xanh đỏ lòe loẹt. Nhà ở không ra nhà ở, quán giải khát chẳng ra quán giải khát. Những tấm bảng nhỏ, kẻ chữ « Nhà bán, nhà sang ». Đó đây, một vài cô gái, già trước trước tuổi mặc kiêu quần áo ngủ đứng nhìn phía chân trời bị chắn ngang. Khói thuốc bay chập chờn, bao phủ mấy ngón tay thoa màu hường. Trưa thiếu gió.

Thi sĩ Hải Hồ day bên tả, bên hữu. Căn nhà số 998, rồi kế bên 997 rồi 1.004B. Người đẹp đâu rồi ? Ai là người con gái toan tự tử vì ông dượng bố ghẻ háo sắc. Dãy nhà trông nghiêm trang quá, cửa cái đóng hờ, giờ trưa.

Chàng lầm bầm :

— Nàng sống trong một gia đình đứng đắn, gần đây.

Một đứa bé trạc mười ba tuổi đội chiếc nón La mã bằng nhựa chạy xốc tới, trở mặt. Thi sĩ Hải Hồ vịn vai nó, cúi mình hỏi :

— Nhà số 1.000 ở đâu em ?

Thằng bé chỉ ngay căn nhà số 1005C :

— Ông hỏi nhà đó. Tui hông biết. Nghe người nói nhà đó số 1000. Chủ nhà đó... dữ lắm.

— Bà chủ nhà... còn trẻ, chẳng lẽ hung dữ với em ?

Thằng bé đáp :

— Bà thì cười hoài. Thấy sáu ưa đờn ca. Dịp may đề thi sĩ Hải Hồ sưu tầm tài liệu về người đẹp :

— Bà chừng mấy mươi tuổi ? Tóc bạc chưa ?

— Còn nhỏ xiu hè. Bà chủ Cúc ở khu Dân sinh. Thôi...

Nói xong, thằng bé vụt chạy.

Cánh cửa nhà số 1005C tức là nhà số 1.000 theo lời thằng bé — vụt mở. Một gã đàn ông gầy ốm lộ mặt ra, nhe cái răng vàng. Sợi dây chuyền vàng đong đưa. Thi sĩ Hải Hồ rất ghét cái lối chưng diện ấy. Nhứt là gã ta có mái tóc quá dài, phủ gáy.

Gã nói đồng :

— Con cái nhà ai mà mắt dáy quá ! Xóm này thiếu văn nghệ...

— « Dường như gã đã thấy mặt mình tại đây nhưng gã chẳng thèm chú ý. Ấu cũng là một việc đáng mừng ». Và để gã đừng nghi ngờ, thi sĩ Hải Hồ rảo bước về phía tận cùng đường Cây Me. Chừng mười phút sau, khi gặp

ngôi mộ đá ong nằm chắn ngang, chàng mới dám quay mặt.

Chuyển trở ra, thi sĩ Hải Hồ cố gắng nhìn thẳng về phía trước. Căn nhà khả nghi lại mở cửa. Bên trong, một thiếu nữ — dường như còn trẻ — nói giọng chanh chua :

— Chừng này rồi mà sao chưa thấy bán báo. Máy ông đó làm việc... như thế nào đó mà phục vụ chậm chậm chạp quá, như rùa.

✱

— Hôm rày, tình hình... tới đâu rồi !
Dường như thi sĩ nhà ta bắt đầu thay đổi nguồn cảm hứng.

Câu nói châm chọc của chàng trai « cô Thúy Lệ » khiến thi sĩ Hải Hồ buồn phiền. Từ khi theo dõi nơi ăn chỗ ở của người đẹp. Chàng vừa hy vọng, vừa thất vọng. Tại sao người đẹp lại lọt vào tai một kẻ thất phu như thế ? Chàng thi sĩ muốn vào khu Dân Sinh, tìm quán Cúc Cúc đề hỏi thêm nhưng chưa đủ phương tiện : Tiền bạc ít quá. Chiều hôm qua chàng đi một vòng liếc tìm bảng hiệu các quán giải khát. Quán đóng cửa, có lẽ vì còn sớm. Đời tư của Paulette như thế nào ? Ông dựng rề si tình là ai ? Nhiều phen, chàng toan trở lại rình mò nơi căn nhà

ở đường Cây Me nhưng lại ngại ngừng vì gã đàn ông đeo sợi dây chuyền, có nụ cười răng vàng nọ thuộc vào hàng « hạ cấp » nếu gã xong ra đề chất vấn, chàng trả lời thế nào cho xuôi ? Người đẹp đã căn dặn quí anh ở nhà báo đừng tìm nhà kia mà !

Chàng ký giả « cô Thúy Lệ » nói tiếp :

— Tội nghiệp thi sĩ quá. Muốn cứu vớt người đẹp hả ? Gặp nàng chưa ? Nàng hất hủi rồi chẳng ?

Bị chạm tự ái, thi sĩ Hải Hồ nói gắt :

— Anh là kẻ vô nhân đạo.

— Thật vậy hả ?

— Tôi gặp nàng rồi. Và chiều nay, chúng tôi hẹn nhau.

— Sao chừng này anh chưa đi ?

— Vì chưa đủ tiền.

Với bản chất dễ dãi thương lệ, « cô Thúy Lệ » trao cho thi sĩ Hải Hồ tấm giấy một trăm đồng :

— Ngao du một buổi đi. Già rồi sanh tật.

— Tôi muốn kiếm đề tài mà. Nay, tôi nói cho anh nghe. Cái mục « Gỡ rối tơ vò » của anh dở quá, quanh đi quẩn lại chỉ có vài bài thuốc gia

truyền. Văn chương vô thưởng vô phạt, vượt ve mơn trớn.

— Nhờ vậy mà tôi thu hút cảm tình của nhiều độc giả. Anh đọc kỹ lần nào chưa? Toàn là lời an ủi, xây dựng. Nhiều cô muốn tự tử để phủi sạch nợ đời nhưng sau khi đọc bài giải đáp của tôi, họ trở thành lạc quan, bất chấp mọi trở ngại để tiến theo con đường hạnh phúc. Xin lỗi anh. Tính bỏ đồng mỗi tuần tôi nhận chừng 60 bức thư. Tháng này, đã có hai cô gái xinh xắn đến tòa soạn hỏi thăm gia cảnh của tôi mời tôi đi ăn để tạ ơn.

Mặt trời đã xế dài. Thi sĩ Hải Hồ suy luận: chừng này, chắc quán giải khát của người đẹp đã mở cửa.

— Tôi sẽ viết truyện ngắn thật hay, sống động... đi đến kết thúc xây dựng. Văn chương « gõ rối tơ vò » của anh sao giống bài ca vọng cổ quá?

Dứt lời thi sĩ Hải Hồ lên xe taxi :

— Về phía Khu Dân Sinh.

Xe dừng lại.

Ánh đèn nê ông sáng rực. Mấy nữ chiêu đãi viên bắt đầu kéo ghế, kéo bàn ra. Vài cô

còn nằm dài, nghỉ lưng trên chiếc ghế « phờ lơi ». Có cô đang nặn mụn, thoa phấn, kẻ chơn mày...

Mặc đầu nghe hàng chục tiếng mời mọc, thi sĩ Hải Hồ vẫn làm tai ngơ mắt điếc, lách qua những dãy bàn ghế, đến quán Cúc Cúc.

Chàng ngồi xuống.

Đã 6 giờ chiều. Tại quán này chàng là người thân chủ đến trước tiên. Các cô chạy đến bao vây, niềm nở :

— Uống gì anh ?

— Ba mươi ba.

Chai rượu khui ra, rót vào ly từ bao giờ. Bọt rượu tràn... Thi sĩ vẫn chăm chú nhìn vào quầy rượu để tìm cho được cô chủ quán, tức là Paulette C. trong bức thư gửi đến tòa báo « Gió Thổi ».

Chàng thất vọng :

— Bà chủ đâu rồi các em ?

Một chiêu đãi viên đáp :

— Bà gần ra rồi. Nhà ở trên Phú Nhuận.

Chàng buột miệng :

— Đường Cây Me.

— Sao anh biết... Chắc là...

— Bà già hay trẻ ?

— Anh này giả ngộ hoài. Bả còn trẻ khô, gọi bằng chị, bằng cô thì hợp hơn. Xin lỗi, anh ở đâu mà biết bả ?

Người nữ chiêu đãi viên chợt nghe tiếng gọi, phía sau :

— Hường ơi ! Lại đây nói cho nghe.

Linh tính như báo trước điều gì trục trặc ! Thi sĩ lắng tai nhưng nghe không rõ. Lát sau, cô chiêu đãi viên trở lại bàn nói giọng eo éo :

— Nè ! Anh làm nghề gì, em biết rồi.

— Thôi cô ơi ! Mặc kệ đời tư của tôi. Nghèo lắm.

— Nghèo nhưng mà sang trọng. Anh làm ký giả. Đúng không.

— Thôi ! Tôi không nói chuyện với cô nữa...

Nói xong, thi sĩ Hải Hồ nâng ly rượu, uống ừng ực. Một người đàn bà phấn son lòe loẹt, mặc áo bà ba ny lông xanh đã ngồi chễm chệ trong quầy rượu tự bao giờ.

Cô chiêu đãi viên nói khẽ :

— Bà chủ của em đó. Ủa ! Anh uống rượu lẹ quá vậy. Đề em đem thêm hẫu anh hai chai.

Gương mặt phàm tục của bà chủ khiến thi sĩ Hải Hồ cut hứng. Chàng nói gắt to giọng :

— Thôi ! tôi đi bây giờ...

Cô chiêu đãi viên cut hứng, đến gần nài nỉ :

— Tội nghiệp em. Anh mắng em lớn tiếng, e bà chủ nghe được, bà rầy.

Bà chủ quán phàm phu tục tử ấy có thể là nàng Paulette C. sao ? Vô lý quá. Thi sĩ tự an ủi như vậy.

Đột nhiên, thi sĩ chợt kêu rú. Bà ta trưng lên tờ báo « Gió Thổi », lật ra trang 2, nơi đăng mục « gỡ mối tơ vò ». Bà ta gọi cô chiêu đãi viên :

— Làm gì mà mịch lòng mấy thầy vậy ?

Cô chiêu đãi viên đến gần bà chủ. Bà ta đem ra bốn tờ báo « Gió Thổi » còn mới tinh, chưa xếp, loại báo mới bán trước đây vài giờ. Bà chủ và nữ chiêu đãi viên cười khúc khích, đọc hơi to :

— Em Paulette C...

Thi sĩ Hải Hồ toan rút lui để bớt đau xót. Nhưng làm sao bây giờ. Trước khi rút lui, chàng phải trả tiền. Chàng gọi đôi ba lượt. Hỡi ơi ! Tất cả bốn cô chiêu đãi viên đều bao quanh

bà chủ. Nó đọc tiếng to tiếng nhỏ. Thi sĩ Hải Hồ nghe lóm. Rõ ràng giọng văn rất ăn khách của chàng ký giả « Cô Thúy Lệ » :

— « Nỗi đau khổ của em... thế gian hy hữu. Đời còn tươi đẹp... mắt em, cửa sổ tâm hồn. Cố gắng lên. Bên cạnh em luôn luôn có Thúy Lệ... Đời mấy ai không buồn, hướng mắt nhìn tương lai.

« Còn điều gì chưa rõ, em cứ biên thư về Thúy Lệ... »

Quá xấu hổ, thi sĩ Hải Hồ day mặt qua chỗ khác. Rồi chàng gõ vào ly nghe « keng keng ».

Cô nữ chiêu đãi viên chạy tới. Chàng hỏi gắt :

— Làm gì lâu dữ vậy ? Nói thật đi. Nói xấu tôi cái gì với bà chủ ?

— Thưa anh... Em nói rằng anh làm ký giả, bà không tin. Bà nói rằng bà mới thiệt là ký giả. Bức thư của bà được đăng lên báo « Gió Thổi » !

— Thật vậy sao ?

— Bà viết trước, chúng em thêm vào ý kiến. Nhà báo, mà cô Thúy Lệ đăng gần đúng... văn chương. Bà mừng quá, mua thêm 3 số, cắt bài đó để dành.

Cô nữ chiêu đãi viên đánh mạnh vào vai thi sĩ Hải Hồ :

— Anh này tệ quá. Bà chủ phiền anh ghê...

— Tôi uống rượu, tôi trả tiền sòng phẳng mà...

Cô nữ chiêu đãi viên lắc đầu :

— Bà nói anh mạo danh ký giả. Thiệt ra, anh làm nghề khác...

— Nghề gì ?

Lần mới người nữ chiêu đãi viên hé nở. Thi sĩ Hải Hồ suýt ngất xỉu khi nghe nàng nói thỏ thẻ :

— Nè ! Đừng hại mấy em đây, nghe anh. Bà nói anh là nhơn viên kiểm tặc. Bữa hôm, trời nắng chang chang mà anh đi qua lại rình nhà bà hai lần !

THẤY CẢNH NHỚ NGƯỜI

Liên ơi ! Phải Liên đó không ?

Mấy ngày rày, nhìn kỹ cái khuôn mặt ấy, cái dáng đi ấy, cái bàn tay ấy nhưng tôi còn nghi ngờ, chưa dám quả quyết rằng cô gái bán hàng gọi là Liên này chính là Liên ở miệt Bình Thủy ngày trước. Biết đâu người lại giống người, tên lại trùng tên ! Trong số cỡ một trăm phụ nữ, rất dễ mà có ba bốn người mang cái tên thơ mộng là Liên (hoặc trong tờ khai sanh ghi sẵn, hoặc tự mình sửa lại cho hợp với trào lưu mới).

Còn về dung nhan thì đôi chân mày đẹp, làn môi đẹp, mái tóc đẹp của người phụ nữ ngày nay dường như đã thành công thức, thành qui chế chặt chẽ như luật giao thông đi đường, như danh từ trong tự điển. Kỹ thuật trang điểm đã trở thành khoa ảo thuật, hóa trang. Nói vậy không phải là tôi công kích Liên đâu ! Ngoài đường — lắm khi ở trong nhà và trong tâm tư — chúng ta ít nhiều là những đào kép bất đắc dĩ thủ những vai Lữ Bố, Nguyệt Nga,

Điều Thuyền, Tào Tháo hoặc Lan và Điệp, Sạc-Lô, Tạc Dăng... trên cái hí trường bao la mà tạo hóa là tay đạo diễn nghiêm khắc.

Đã bấy hôm rồi, cứ chiều chiều lại nhớ chiều chiều, là đôi chân của tôi cảm thấy ngứa ngáy, bầu trời như chuyền mưa u ám nếu tôi không được ngồi uống giải khát tại cái quán mà Liên là chiêu đãi viên. Thế nào tôi cũng phải đến. Đến để ngồi đó mà nhìn. Ngồi đó mà nhìn rồi chập sau trơ trẽn ra đi, như con cóc trong bài thơ khôi hài bất hủ. Con tim và ký ức của tôi điều khiển việc ấy. Tôi đóng vụng về vai trò của một « thám tử tình cảm » để dò xét những phản ứng của Liên khi Liên đối diện với tôi. Nhưng Liên vô tình quá, suốt buổi chỉ cười cười nói nói, thỉnh thoảng lại cảm ơn, xin lỗi, vân vân... Với tất cả mọi người. Liên đã thận trọng san sẻ tình cảm xã giao, tùy trường hợp, như một nữ y tá lành nghề cầm ống bơm mà đếm từng nhều sinh tố nhân tạo, mặc dầu cái quán này bán nước ép trái cây thứ thiệt.

Mới hồi tối hôm qua, tôi bước ra về, chân nắn như mọi khi. Trong quán, Liên bỗng cười lớn với bạn :

— Cam mùa này sao mà chai cứng, ít nước.

Khách hàng uống không vừa ý mà họ không muốn nói ra.

— Tại sao không nhiều nước? Cam thất mùa? Cam rụng chín héo?

Giọng của Liên chậm rãi:

— Đó là một lẽ. Nhưng cái chính là tại thiếu kiến vàng... như trái cam này đây, dưới đít héo queo, xù xì, kiến hôi để trứng lăm tăm đen...

Trồng cam thì phải nuôi kiến vàng để nó đuổi kiến hôi. Hồi đó ở Bình Thủy, tôi ra vườn bắt kiến vàng rồi giỡn với kiến vàng hoài...

Tôi mừng quýnh. Rõ ràng đây chính là nàng Liên bé bỏng năm xưa. Tôi giả bộ đứng lại mua thuốc hút, nghe Liên nói tiếp:

— Kiến vàng đái nước đái... làm cho trái cam ngọt.

Cô bạn lên tiếng:

— Tộp bộp lại, muốn cho quán mình ế luôn sao chứ? Cái gì mà nước đái. Ghê quá, sai dám uống...

Đêm về nằm trên gác trọ, tôi không ngủ được, nghe hình ảnh của tuổi trẻ thơ mộng sống dậy trong tâm hồn khô cằn. « Hồi đó, tôi

bắt kiến vàng rồi giỡn với kiến vàng hoài». Câu nói hồn nhiên của Liên nhắc lại bao nhiêu chuyện cũ. Ở ! năm đó, năm 1943 thì phải, tôi đi học ở Cần-thơ, lần đầu tiên bước chân đến một miền quanh năm nước ngọt. Người bạn học rủ tôi về Bình Thủy thăm vườn ngày chủ nhật để ngắm dòng nước lành bình... như sông Hương đang soi bóng dáng đen ngòm của màn lá cam hai bên bờ. Thỉnh thoảng nắng lấp lánh chóa lên có lẽ vì sắc lá cam xanh đậm nhưng sáng chói...

Bước ra vườn, tôi thất vọng. Hàng trăm con vật gì bò chạy nhột nhột trên tóc, sau ót, chui vào cổ áo mà cắn đau điếng. Tôi giậm chân, nhảy nhồm : Thì ra này giờ bao nhiêu kiến vàng lia ồ xúm lại tấn công tôi, châm chích tận trong lưng quần, trong giày, trong vớ.

Tôi chạy hoảng vào nhà. Bạn tôi cười mà nói :

— Phải thận trọng từng bước. Ở đây cần săn sóc cây trái người ta mới ra vườn, không ai ra đó chơi hoặc nằm đọc sách, hóng mát. Có kiến vàng nhiều như vậy, cam mới ngọt.

Tôi sức nhớ một bài văn của A. Daudet rồi cãi lại :

— Bên Tây, bên Phi Châu không nghe nói tới chuyện kiến vàng. Họ trồng cam còn nhiều hơn xứ mình. Có lẽ người mình nuôi kiến vàng theo tục lệ di đoan...

Bạn tôi không đồng ý và trưa hôm ấy dắt tôi qua nhà ông Hương giáo kể bên :

— Muốn hiểu tục lệ di đoan đó thì giỏi mà cãi với ông già này này...

Ông hương giáo chưa già cho lắm, đầu để húi tóc, móng tay hớt ngắn, đang sấm soi lật qua lật lại mấy trang sách chữ nho. Ông nhướng mắt, gỡ mực kính ra rồi gật đầu như nể lời bạn tôi :

—Ồ ! cháu muốn coi vườn cam cho biết hả ? Ra đó mà coi, ai rầy la gì mà sợ. Muốn hỏi điều gì thì phải coi trước cho tận mắt : « Bách văn bất như nhất kiến ».

Ông hương giáo lại cúi đầu vào trang sách, nói đúng hơn là ông nâng quyển sách lên, đưa ra thực xa để nhìn rõ, theo tập người viễn thị. Người bạn chỉ hướng sau nhà, bảo tôi cứ tự do đi dạo rồi lát nữa vào ăn cơm trưa.

Đất rộng, xẻ nhiều mương song song cam mọc sát mi nước, trông mướt mắt, khuất mắt chân trời. Nhìn cho rõ thì lá cam màu xanh

đen, đột non nhú lên, trải ra từng miếng lụa trắng vàng lợt, tương phản lại qua khỏi một lớp dài, xảy đâu có mương nhỏ chắn ngang.

Tôi đứng lại, mãi mê nhìn mấy con kiến vàng bò trên sợi dây giăng nối liền gốc cam này đến gốc cam nọ như những sợi dây thép nối... Chiếc cầu bắc ngang là tron thân cây dừa nằm dầm dưới nước, một lớp bùn non mỏng mịn phủ lên như lớp nước sơn màu trắng.

Tôi đặt chân xuống. Bùn non quá trơn. Bị mất thế quân bình, tôi lão đảo, bấm ngón chân xuống nhưng quá trễ, đành té xuống mương. Rất may lòng mương không sâu nên chỉ ướt khỏi đầu gối.

Đâu đây, có tiếng cười khúc khích trong trẻo. Tôi cả thẹn, day lại, nghe sột soạt trong lớp cam bên kia bờ, và gương mặt một cô gái hiện ra, ẩn sau kẽ lá :

— Ông đi lạc hả ? Vô nhà tui thì đi phía đàng, ai biểu ra đây...

Tôi vội qua bên kia bờ. Cô bé toan chạy. Tôi gượng vui để trấn tĩnh :

— Bà con mà. Tôi ở trong nhà bác ra đây lần đầu coi vườn cam cho biết... Cháu đi đâu đây ?

Cô bé nói :

— Ngộ nghĩnh gì đâu mà coi cho biết... Tôi đi hái kiến vàng... Sửa soạn vô nhà thì gặp ông ở đây.

Bây giờ tôi mới hiểu rõ cái giỏ bằng tre mà cô bé xách bên tay, tòn ten dưới một sợi dây chỉ.

— Hái kiến ở đâu vậy? Nó là trái cây sao mà hái?

— Nó đóng ổ trên cây xoài. Phải leo lên mà giựt xuống từ ổ. Nó cắn sẵn mình mẩy, ý là tôi vo ống quần lại. Năm ngoái mùa cam đâu có cực khổ như vậy, năm nay, kiến hơi tới nhiều quá sợ thất mùa.

Tôi hỏi tiếp:

— Sao vậy?

Kiến hơi nó dai làm hư bông hư lá, phải kiếm kiến vàng về nuôi để đánh tụi nó...

Ông thấy tụi nó đánh lộn chưa? Ông coi nè... Ba tôi ở nhà nói vậy tôi không tin...

Vừa nói, cô bé móc trong túi một cái vỏ hộp quẹt, mở ngăn ra thấy lền nhền kiến hơi... Cô bắt ra vài con, rồi thấy trên đây, nơi bọn kiến vàng đang bò lui tới. Chúng bắt cặp tay đôi ngừng lại, ngóc đầu lên rồi nhào tới mà ôm, mà cắn — Rốt cuộc cả hai đều té xuống đất.

Cô bé nói :

— Đó là thủ huề. Bây giờ ông coi... Tôi chăm chỉ chờ xem cô bé diễn tiếp trò gì, chợt nghe phía sau có tiếng nói lớn, giọng câu kinh :

— Làm cái gì mà ở hoài ở ngoài, Liên à ?

Tôi day lại, giật mình. Ông hương giáo mang cặp mục kính lên rồi gỡ cặp mục kính ra, nheo nheo đôi mắt...

Liên nói nhỏ :

— Ông về trước đi. Đừng nói với ông là tôi bắt lén kiến hôi đem vô vườn cho nó cắn lộn coi chơi. Ông đánh chết.

Vào nhà, ông hương giáo hỏi :

— Cháu thấy tổ mỗ vườn cam chưa ? Không có gì là ngộ để mà coi hết, phải không cháu.

Tôi đáp :

— Dạ có cái vụ nuôi Kiến Vàng. Sách ở bên Tây không thấy dạy chuyện đó...

Ông nói :

— Vậy sao ! Sách chữ nho cũng không nhắc tới. Bác đọc mấy ngày rồi. Nè cháu ! Bác dám khuyên cháu điều này : con người tuổi trẻ thì không nên lêu lổng...

Rồi ông nhìn thẳng vào tôi, nghiêm nghị :

— Phải cần học. Cháu rán tìm sách vở nói về cái việc kiến hôi phá hại mùa màng. Loài sao, độc ác quá, rở tới đâu là héo nhụy, lá úa cuốn kèn lại...

Tôi hỏi thêm :

— Kiến vàng đánh kiến hôi, phải không bác ?

— Đúng vậy, nhưng còn công dụng khác. Cây cam nào không có kiến hôi mà cũng không có kiến vàng thì cũng hư như thường. Bác thí nghiệm rồi. Có lẽ nhờ... nước đái của con kiến vàng. Thiếu chất đó không được. Cháu có rảnh tìm thử sách Tây coi nói làm sao.

Tôi gật đầu :

— Đề cháu kiểm thử. Chuyển sau trở về đây, cháu nói cho bác rõ ..

— Bác trông lắm ! Nhớ nghe cháu. Trồng cam, trồng quýt là nghiệp ông bà để lại, tấc đất tấc vàng. Con cháu phải rán tài bồi, nhứt nghệ tinh nhứt thân vinh...

Cuộc tạm biệt ấy mãi kéo dài, ngày qua tháng lụn. Suốt mấy năm trường chinh chiến, tôi không được dịp gặp lại bác giáo.

Tôi đã quên hẳn chuyện kiến hôi kiến vàng.

quên hình dáng cô bé tên Liên. Và khi thấy từng giỏ cam chở trên xe cam nhông từ lục tỉnh về Sài-gòn, tôi không còn được cảm giác gì, ngoài câu hỏi âm thầm : « Làm sao có tiền để ăn cam ? Nó có sinh tố, bồ lăm ! »

Nhưng trái đất thì tròn. Người ở khác lục địa thường gặp gỡ nhau hướng chỉ là người ở chung một miền một xứ. Cách đây chừng một tháng, tình cờ tôi gặp lại bác hương giáo tại chợ Bình Tây, nói đúng hơn là bác gặp tôi. Bác chào hỏi trước :

— Mạnh giỏi hả cháu ! Trời ơi ! Còn sống nhần hả ?

Tôi hỏi về chuyện làm ăn sanh sống, chuyện gia đình. Bác vui lên :

— Mấy năm đó, vườn cam của bác bị đốn rạp ngã liệt như thầy ma. Tội nghiệp mấy gốc cam, gốc quít. Nó không chịu chết, sống thoi thóp mà găng gượng chờ thời. Mấy con kiến vàng, cháu nhớ không ? không ai nuôi dưỡng vậy mà nó tới lui bên gốc cây, kết lá khô làm ổ che nắng.

Thiệt là có nghĩa.

Bây giờ lộc non đâm xanh mướt rồi. Năm tới là bác có tiền, ngặt không ai săn sóc. Bác có một mụn con gái, hồi năm đó...

Tôi gật đầu :

— Ờ ! Cô Liên. Phải tên là Liên không bác ?
Năm nay chắc cô có chồng rồi...

Bác hương giáo thở dài :

— Cháu ơi ! Nó đi theo bà con lên Sài-gòn này mần ăn. Hồi mấy năm đó nghèo lắm, lâu lâu nó gửi tiền về. Bây giờ thì bắt tin nhưng bà con nói chắc chắn với bác rằng nó còn sống... ngặt nó muốn ăn mặt. Xe cộ lưu thông về lục tỉnh như vậy mà nó không về thăm. Cháu gặp nó lần nào không ? Tuổi già rồi, có của mà không có con, nghĩ cũng buồn tủi...

Tôi xin địa chỉ của bác hương giáo và ghi địa chỉ tôi vào quyển sổ tay của bác.

Đêm ấy tôi về gác trọ, cảm cảnh ngày xưa mà ráp lại mấy vần thơ... Tôi nhớ tới Liên... Đây là lần đầu tiên tôi làm thơ :

Thân quít lớn dẫn ngang năm ủ rũ.

Lũ kiến vàng vương vấn gốc chưa khô.

Đếm lá rơi rơi... ngỡ đến bao giờ.

Chồi non dậy phất phơ màu lụa trắng.

Liên ơi ! Sao Liên « ăn mặt » chưa về quê để bắt kiến vàng. Đoạn thơ tiếp theo, tôi chưa hoàn thành được. Nó phải là xây dựng nhưng

làm sao xây dựng bằng lời thơ khách sáo, mơ hồ ! E nó quá nhàm theo công thức lành mạnh chẳng? Tôi chờ hành động cụ thể của Liên : Liên nên gửi thơ về gia đình. Chắc chắn rằng Liên vẫn nhớ địa chỉ cũ. Trong hoàn cảnh này tôi chỉ muốn im lặng, nghĩ rằng hiệu lực của văn thơ, của câu văn chỉ có giới hạn.

Nó không khiến chúng ta suy nghĩ bằng tình nghĩa chung thủy của con kiến vàng chịu cực để xây dựng cho gốc cam ở vườn xưa. Nó là loại côn trùng nhưng mình nên noi gương nó.

Liên ơi ! Về đi ! Đời hơi muộn rồi đó ! Thảm quá ! Đêm vừa qua lúc quá mười giờ đêm dưới trời mưa lất phất tôi đã thấy Liên bắt đầu ngồi trên yên chiếc « ếch ba » vòng tay vào eo ếch của người bạn (đã có vợ, ba con rồi) của tôi. Tôi chợt nhớ hồi nào Liên cho hai con kiến hôi kiến vàng cắn nhau, thí nghiệm trên dây đề rồi nhào xuống chết chùn, thủ huê.

NHỚ NĂM THÌN

Gió lạnh, mưa lè thè. Tôi hay tin nạn bão lụt miền Trung quá trễ. Những con số 7.000 người chết, hàng triệu người không nhà cửa đã vượt ngoài sự tưởng tượng của tôi. Từ hồi lớn khôn đến giờ, tôi chưa từng thấy hàng trăm người chết — thấy tận mắt, lần nào cả. Trong nghĩa địa, có hàng ngàn ngôi mộ nhưng là những ngôi mộ sạch sẽ, xác chết nằm yên ảm trong quan tài và trước khi hạ huyệt, người thiên cồ được an ủi bằng nước mắt của thân nhân bạn hữu, vài cục đất, vài cánh hoa ném xuống... Đi viếng một nghĩa địa có 7.000 ngôi mộ, có lẽ tôi chỉ buồn buồn cho kiếp sống, thế thôi. Tôi nghĩ đến bảy ngàn — và hơn bảy ngàn xác chết của đồng bào miền Trung, ở một vùng mà từ thuở bé đến giờ tôi chưa từng đặt chân tới. Có sao dãy núi Trường Sơn lại giận dữ, trở thành một hung thần? Và biển Thái Bình lại trở chứng đột ngột? Nhưng trách chi núi, trách chi biển! Nếu suy luận miền Nam như thế, tôi sẽ trở thành một người lắm cảm, đóng cửa

rút cầu, xa thực tế. Ngày xưa, đã nhiều người làm văn tế sông với những câu rất sáo lập đi lập lại. Lại còn những nhà hiền triết ngồi yên ấm bên chén trà nhìn qua cửa sổ đề cảm thông với băng giá bên ngoài. Và những thi sĩ đốt lò hương trầm, uống rượu nồng, thả hồn đến tận chốn sa trường than khóc giùm các chiến sĩ đang chinh Đông chinh Tây. Rồi thương tiếc cho những nàng chinh phụ ở nhà đang ôm gối mộng nhìn trăng.

Không có bài văn tế nào nói hết nỗi đau khổ của kẻ chết, người sống trong trường hợp đặc biệt này. Bảy ngàn xác chết, nếu chất thành đống, ắt vun lên như quả núi. Oan ức biết là bao. Suốt 20 năm chiến tranh, họ đã sống, đã đau khổ, đã yêu nước, đã cày ruộng cuốc đất, để rồi chết vì một lý do tức tưởi như vậy, trong khoảnh khắc. Lại còn hàng triệu người không nhà. Một triệu tức là phân nửa dân số Sài Gòn Chợ Lớn. Tôi chưa hình dung nổi một rừng người đông đảo như thế. Mấy năm nay, tôi chỉ thấy vài chục người ngủ ngoài lề phố, chung quanh nhà chú Hỏa Sài Gòn. Vài chục người không nhà, cảnh tượng ấy cũng đủ làm cho tôi chạnh lòng rồi. Một triệu là bao nhiêu ! Nếu họ ngồi đầu lưng với nhau hoặc nằm gần nhau thì sẽ chiếm bao nhiêu

cây số bề dài ? Lố bịch quá ! Giờ phút này những con người có lương tâm không được quyền « giải trí » hoặc tò mò « tìm hiểu » theo lối đó, lối tìm hiểu, giải trí của những kẻ sống ngoại cuộc, thủ lợi, ích kỷ tột độ và thông minh lật vặt.

Tôi cúi đầu, cầm viết. Viết hiệu triệu chẳng ? Tôi chưa đủ thâm quyền đề hiệu triệu : « Hỡi đồng bào, chúng ta nên... ». Bấy lâu nay, tôi mang chứng bệnh « suy cở nghiệm kim ». Tôi sức nhớ đến bài vè về Bão lụt năm Thìn, đăng trong Revue Indochinoise năm 1904, một loại tạp chí ít ai còn giữ được và xưa kia chỉ lưu hành trong một số người được thực dân ưu đãi. Sáu mươi năm về trước. Hơn nửa thế kỷ. Vào thư viện đề lục lạo mở giấy đầy bụi bặm ấy chẳng ? Đề giải trí, đề hoài cở theo lối quý tộc, sang trọng ! Tôi thiếu can đảm đề làm chuyện ấy. Ra ngoài Trung đề chứng kiến thảm họa, tìm đề tài chẳng ? Tốn tiền, vô ích. Tình thế cấp bách lắm rồi. Sự thật đang diễn biến thiên hình vạn trạng. Nhiều người chết, không được người sống đếm số — vì xác họ đã mất, mất trước khi người làm « công việc đếm » chú ý tìm họ. Nhiều người không nhà đang sắp sửa xuống ngủ dưới lòng

đất vì bệnh, vì đói. Nhiều người mạnh khỏe đang trở thành phế nhân. Nhiều gia đình không còn là gia đình và người gia trưởng đang chết hoặc đã chết. Vợ con của họ sắp tung ra tám hướng trời ; họ hàng, người đồng hương buổi trước, từ buổi này phải xa nhau, tan tác để mạnh ai nấy tìm sanh kế.



Tôi ra đường thở dài. Sở trường của tôi là cầm bút. Cái sở trường ấy nên sử dụng như thế nào cho có hiệu quả ? Viết một bài đề cho người còn sống đọc lên. Những người sống ở xa trung tâm bão lụt, đủ tiền mua báo hoặc đủ thời giờ mượn báo của người láng giềng mà đọc qua loa. Trời lạnh lắm. Chưa chắc thiên hạ đọc báo. Tôi tìm một đề tài về bão lụt. Thử lụt thường niên ở Hậu Giang, vùng làm lúa xa, tôi đã thấy rồi. Nó khác hẳn với nạn lụt ở miền Trung. Đài khí tượng cho biết : Bão có thể thổi qua Sài Gòn nhưng vào giờ chót, bão lại di chuyển ra miền Trung, một lần nữa. Sài-gòn không bao giờ gặp bão to.

Tôi bước lăm lăm, lần hồi đến một ngõ hẻm ở đường T. B. T. để gặp lão Tư Nê. Lão ở một quê xứ với tôi. Tôi nhớ rõ : vào

những năm « thái bình thịnh vượng » hể đến đâu
lão cũng bàn tới bàn lui chuyện bão lụt năm
Thìn, tại Gò Công. Lão khoe khoang :

— Tôi sống trong cảnh đó mà.

Có người chắt vấn :

— Năm Giáp Thìn, đời vua Thành Thái, lão
mấy tuổi ?

Lão đáp :

— Mười lăm tuổi.

— Bốn năm chục năm trôi qua, làm sao lão
nhớ được chuyện bồi thuở mười lăm.

— Sao không nhớ ! Chuyện thiên tai, người
ta nhớ đến già, đến chết, truyền tụng cho con
cháu, đâu phải dễ quên hoặc nhớ lai rai như
chuyện trai gái, chuyện thua cờ bạc. Thảm thiết
lắm.

Hồi mấy năm xưa đó, lão phổ biến hai câu
hát về bão lụt năm Thìn :

— *Gặp mặt em đây, mới biết em còn.*

*Hồi năm Thìn bão lụt, anh khóc mòn con
người.*

và :

— *Đèn nào cao bằng đèn Châu Đốc,
Gió nào độc bằng gió Gò Công...*

Lão nói tiếp :

— Hồi trước, người ta hát : «...đền Châu Đốc, Đất nào dốc bằng dốc cho Nam Vang. Một tiếng em than, hai hàng lụy nhỏ. Có một mẹ già, biết bỏ cho ai. » Sau trận lụt Gò Công hồi năm Thìn, câu hát sửa lại rằng : «... Gió nào độc bằng gió Gò Công. Một trận Đông Phong, xiêu vợ lạc chồng. Em ngồi đây mà nhớ lại, nước mắt hồng tuôn rơi. »

Từ hồi tạm biệt với lão Tư Nê, tôi lên Sài Gòn, thỉnh thoảng lúc túng đề tài « Chuyện xưa tích cũ », tôi gọi lại hình ảnh bão lụt Gò Công gọi là để mua vui một vài trống canh cho thiên hạ. Tư Nê lên Sài Gòn, trẻ hơn tôi ; hơn bảy mươi tuổi rồi còn làm ăn gì được nữa. Lão sống nhờ sự « hiền biết » của đứa con trai út chạy xích lô máy. Thời buổi loạn lạc, con hy sinh nuôi cha, con sống gần cha là điều hiếm có. Nhà lão khá đông, thêm năm bảy đứa cháu nội ; đứa con trai út cố sức xoay trở, giành giật từng thanh củi quế, từng nắm gạo châu. Mùa gió bắc năm ngoái, lão Tư Nê trở bệnh ho lao ho tòn gi, tưởng đâu sẽ nằm yên giấc trên nghĩa địa Chí Hòa Ai dè trời còn bắt lão sống, sống đề mà thông cảm với nạn bão lụt Giáp Thìn, sáu mươi năm đảo lại. Lần Giáp Thìn này, chắc chắn là lần Giáp Thìn

cuối cùng của đời lão. Tuy ở xa trận bão, lão hay tin rất sớm nhờ cái ra-dô Transistor, nhờ hình ảnh trên báo hàng ngày, hàng chục thứ báo. Thanh niên bây giờ mê « xi-nê-ma » như hồi thuở nọ, lứa thanh niên mười lăm tuổi của lão mê hát bội. Máy bay bay rền trời, ngày như đêm, nhiều hơn tiếng sáo diều. Và chung quanh lão, xe hơi nhiều hơn trâu bò ở xóm nhỏ, thuộc tỉnh Gò Công thời xa lơ xa lắc.



— Cháu muốn hỏi thêm về bão lụt Gò Công đề đăng báo hả ? Xưa lắm rồi. Đúng sáu mươi cuốn lịch trên nóc nhà.

Tôi hỏi :

— Thưa bác có phải là mấy cuốn lịch Tàu mỗi quyền xem trọn năm, trong đó nào là tử vi, ngày tốt tháng xấu ..

— Âm lịch... nói bây bạ vậy mà đúng. Bây giờ, thư lịch đó còn bán lai rai ở Chợ lớn, ghi rõ thời tiết từng ngày, phương hướng xuất hành... Mỗi năm, mình mua một cuốn, xem xong thì treo nó lên nóc nhà. Đúng sáu mươi năm, tức là sáu mươi cuốn, nếu mình treo đúng thứ tự. Giáp Thìn và Ất Ty, Bính Ngọ... thì cứ sao y bản cũ mà xài, khỏi cần mua thêm cuốn nào khác. Hồi

đó, bác đề dành đầu được bốn chục cuốn rồi chạy giặc liên miên.

— Bây giờ, người ta xài thứ lịch khác...

Tôi nói lầm bầm như vậy. Trên nóc nhà lão Tư Nè, có đến hai tấm lịch gỡ từng ngày nhưng dường như mấy ngày rày con cháu của lão quên gỡ. Tấm lịch này, 30 tháng mười. Tấm kia, ba mươi tháng mười một, có lẽ vì con nít xé quá nhiều. Lại còn tấm lịch xài mãi năm, dán trên vách, sắp tróc vì keo rã hồ tan khi mưa bay gió tạt. Tặng phẩm bất ngờ của nhựt báo nào đó, phục vụ bạn đọc. Thanh Nga, Thanh Thúy gì đó cười mơ hồ bên cạnh núi Phú Sĩ Sơn và đảo Hạ Uy Di. Suốt năm cười mãi.

Lão Tư Nè vụt đứng dậy, chạy ra cửa, quát to :

— Hai, Ba, Hùng... vô đây. Kiểm cái áo khác bạn vô. Sờ mũi đó.

Rồi lão day lại phía tôi :

— Mấy đứa cháu nội. Nó liến khí, chịu không nổi.

Tôi tìm cách gợi lại chuyện bão lụt Năm Thìn :

— Thưa bác...

— À ! Đề tôi nói tiếp. Bây giờ khác rồi.

— Thưa bác, nhưng người ta chết ngộp, mất xác như hồi xưa. Nhờ bác nói lại vài chi tiết... đề viết lên báo. Chẳng lẽ cháu ra tận ngoài miền Trung.

— Thì năm đó, cuối tháng Tư chờ không phải tháng 10. Đầu mùa mưa, ai cũng tưởng là không có sao. Dè đâu, gió trở ngọn thổi mạnh, từ 10 giờ sáng tới 10 giờ đêm. Nước dâng lên. Người ta hơi lo nhưng an ủi : « Bất quá thì nó ngập tới bộ ván. Mình lên bộ ván mà ngồi ». Lát sau, người ta nói : « Bất quá thì nước ngập... tới mái nhà ». Trễ quá rồi. Trời tối đen như mực, vào giờ ngọ, ngửa bàn tay cũng không thấy. Sóng đánh ầm ầm, bễ vách nhà, vách bằng lá. Thôi thì chỉ còn cách lên xuống ghe mà tản cư, kiếm mấy chỗ có giồng đất cao. Ghe chìm thì chết. Nếu ghe không chìm thì mình tới một chòm tre ở xa xa. Nhà nơi đó bắt đầu ngập. Thiên hạ chạy loi loi ra ngoài. Gió thổi mạnh, mưa quá lạnh. Họ kiếm gốc cây to hoặc vách nhà ngói nào đó mà núp. Cây ngã. Vách sập. Chỉ còn một cách trốn tránh sau cùng là nhảy xuống mương, theo kiểu xuống « tắm xê ». Nằm dưới mương, ít gió, không bị cây đè. Nhiều người mang theo cái nôi, cái chảo bằng gang mà đội cho chắc chắn. Nhưng

nước ngập ao, ngập nương... Con nít, đàn bà, ông già thì chết từ hồi nào rồi. Mấy người đau ốm thì khỏi cần nhắc tới. Nãy giờ, tôi nói tới bọn đàn ông trai tráng, vai u thịt bắp...

— Thừa bác, họ lợi hoặc tìm khúc cây, miếng ván mà nương tựa...

Lão Tư Nè lắc đầu :

— Tay chân họ tẽ công rồi. Nãy giờ ngồi đây, xa trận bão hàng ngàn cây số, cháu thấy không ? Bão đã tan, bão đã đi xa mà mình hãy còn lạnh huống gì ở tại chỗ. Thí dụ như bây giờ, cháu nhẩy vô lu nước mà ngấm mình, chừng vài phút đồng hồ thôi. Bụng đói, người ta chịu lạnh dở lắm. Người ta van vái Trời Phật, ông bà đất nước. Nhưng giữa ban ngày, trời tối mù mịt. Người ta đâu phải là vật vô tri vô giác, kẻ tán tạn lương tâm nhưt cũng nhớ tới vợ, tới con, tới cha mẹ. Cha mẹ chết từ nãy giờ rồi. Họ mất tinh thần. Ngoài ra, đồng ruộng ngập nước. Trâu bò là giống vật mạnh mẽ, lợi giỏi nhưng không thấy con nào nổi trên mặt nước. Tụi nó chìm hết rồi. Chỉ còn vài người cuối cùng, trên biển, thứ biển đầy sóng gió, lạnh như nước đá, thứ nước đá màu đen. Họ chưa lợi, chưa quơ tay quơ chân là đã chết chìm rơi xuống đáy nước như cái thây ma. Chẳng một ai nghe tiếng than khóc

của ai. Lạnh tê môi, làm sao khóc ra tiếng ? Vài người còn sống sót, nhờ họ cõi trâu lúc trận bão vừa mới tới. Trâu chạy rồi trâu lội qua phía Mỹ Tho. Còn những người sống sót khác... họ có phước vì hôm đó họ không có mặt tại vùng biển Gò Công. Họ đi thăm bà con từ hôm trước. Lại có nhiều người từ xứ khác tới Gò Công để... lãnh đủ, một thuyền một hội. Giáp Thìn mà ! Tôi tin rằng lịch của ông bà để lại ít khi sai chạy...

Tôi im lặng, chẳng biết hỏi lão Tư Nê điều gì nữa. Gió lại thổi, mưa rơi lác rác, không thêm không bớt. Mưa còn dai dẳng tới bao giờ ? Lão nói to giọng, như muốn bước qua giai đoạn xã giao khác, đuổi khách :

— Hết rồi.

— Thưa bác, sau trận lụt đó, thiên hạ làm sao mà sống ?

— Thì tạm vui mà sống, Năm đó, nhà nước Tây cai trị. Tây nghèo lắm. Từ Mỹ Tho, dường như chỉ có một chiếc tàu đồ chạy qua Gò Công. Ở Mỹ Tho, thiên hạ cũng đói rách. Xuồng ghe đều bị quăng lên bờ. Nước rút lần hồi. Mùa màng sạch bách. Thôi thì móc củ co, câu cá, nấu canh bông súng mà ăn trừ cơm. Cá nhiều lắm. Nhiều thứ cá lạ, lội từng bầy. Nghe đâu mấy bầy cá đó từ Biển Hồ lội xuống. Đất bỏ hoang.

Nhiều làng không còn một người, không còn một căn nhà. Ruộng đất vườn tược đều vắng chủ. Nhà nước Tây ra lệnh : « Ai muốn khăn thì khăn, ghi tên vô bộ mới, làm chủ, miễn là đóng thuế cho nhà nước ». Nhưng ai thèm. Đau xót nhưt là mấy người còn sống. Họ phải sống để thấy cảnh bọn... bắt lương. Họ vót thây ma để lột vòng vàng bán ăn, khoẻ thân hơn làm ruộng. Thời xưa, mấy người khá giả luôn luôn đeo vàng trong mình. Hết vòng vàng thì họ vác búa mà bửa mấy cái tủ kính, tủ cần trời lều bều. Trong tủ đó, cò thể còn quần áo thứ mắc tiền và tiền bạc. Nhưng trách ai bây giờ ? Nhiều người lương thiện bỗng trở nên bắt lương. Và nhiều người bắt lương nhưng trở thành lương thiện, dám ra tay cứu vớt... mấy xác chết đem chôn cất, suốt ngày đêm. Chôn người rồi lại chôn trâu bò. Trâu bò chết, sinh hơi thúi nực nồng, quạ ăn không hết vì quạ chết trong cơn bão. Thôi ! Chuyện xưa nói bao nhiêu đó cho cháu nghe, nhiều rồi. Thời nay, khác hơn. Xứ mình có giặc.



Tôi ra về cứ ngậm ngùi nghĩ mãi về lời nói của lão Tư Nê. Bão lụt ngày xưa và ngày nay có khác gì nhau không ? Có khác chăng thì cái khác về chi tiết, chứ cảnh chết chóc thì cũng giống

như nhau. Trời cứ mưa và cứ lạnh. Xe cộ qua lại âm ầm. Những người ấm áp. Những người lạnh lẽo. Mỗi người một số phận. Thời nay, khác hơn. Hoài cổ là vô ích và lắm khi đưa chúng ta đến một nhận định sai sự thật. Thân xác con người cũng mới, với những đòi hỏi mới, những đau khổ mới — những đòi hỏi những đau khổ thật sự hoặc giả tạo « khôn sống bỗng chết, mang ai nấy lo, hồn ai nấy giữ » Cái phương châm xử thế ấy lại hiện ra trong tâm trí tôi. Nó đã man, vô nhân đạo nhưng lắm khi nó được... đề cao, trở thành một nguyên tắc của kẻ muốn thành công trên đường đời ! Tôi tin rằng giờ phút này người Việt Nam đã « xét lại » phương châm « sang trọng, khôn ngoan ấy ». Nhưng chẳng lẽ mọi người đều... treo cờ tang, ngồi nhà mà mặc niệm. Lại một hình thức dối lòng, dối mà không biết rằng mình dối. Khóc lóc, rên rỉ là vô ích, Làm sao khóc được khi tình cờ trong những ngày này, có người gặp chuyện may mắn lật vật. Cuộc sống là cuộc sống. Tân nhạc, cổ nhạc... cứ hát lên đi ! Báo hàng tuần, báo hàng ngày, cứ cạnh tranh sanh tử với nhau đi ! Ai thèm rượu thì cứ uống. Ai có mền ấm thì cứ đắp ! Vấn đề không phải là khóc lóc mà là một sự tổ chức khoa học. Người đang uống rượu, người đang hát, người đang đắp mền, người đang thất

ngiệp đều muốn giúp đồng bào. Chỉ cần tổ chức
đừng câu nệ hình thức. Kẻ hoang phí đang muốn
mua giấy số.

Gió cứ thổi. Tôi về đến nhà. Viết xong
chuyện bão lụt rồi. Viết qua chuyện ma, không
bao giờ có. Viết qua chuyện tâm tình gỡ rối.
Tâm tư bị xé ra muôn mảnh. Và bài này có
đủ năng lực hấp dẫn ai không? Tôi hy vọng
nó chỉ là nén hương ngấn ngủi, đốt quá muộn,
không an ủi được kẻ chết nhưng họa chăng nó
nhắc nhở cho một đôi người còn sống lưỡng lự
khô khan... chờ đợi. Một đôi người không phải
ở miền Trung, nhưng đương sống ích kỷ tại
Sài-gòn. Như tôi chẳng hạn.

NHỮNG VIÊN THUỐC BỎ

Chợ Tết bắt đầu rộn rịp. Tân mang theo ba trăm đồng, gọi là đề tiêu xài trong buổi du Xuân thường lệ. Hôm nay là 27 tháng chạp. Anh ngỡ mình đang ăn Tết. Tết ở trong lòng chớ ở đâu xa. Hễ ngày nào mình vui, đắc ý, ăn no ngủ kỹ, gặp chuyện may mắn, công việc làm ăn phát đạt nhẩy vọt và gặp người đẹp là ngày ấy vui như Tết.

Sáu bảy ngày qua, Tân hãnh diện, cho rằng mình hiểu « nghệ thuật sống » hơn ai hết. Anh thức đêm, uống trà, ra sân đón hơi gió lạnh, lúc nửa khuya. Như vậy là anh đã vui Tết trước thiên hạ trong sáu bảy đêm, anh thường thức sáu bảy đêm giao thừa. Nhưng khi sáng ra, anh thức dậy, cảm thấy chưa thỏa mãn. Niềm kiêu hãnh ấy quả tang là giả tạo.

Tết chỉ vui khi mọi người cùng vui. Chẳng ai có thể ăn Tết một mình, vào ngày giờ do họ qui định riêng, trong thế giới riêng. Tết là niềm vui chung của dân tộc. Hễ toàn dân ăn Tết thì mình mới vui Tết.

Tân cười khi : Khi soi gương chải tóc. Hôm rày, mình là con cá lội trong chậu mà ngỡ rằng lội giữa biển khơi. Niềm vui ấy tuy có nhưng giả tạo. Niềm vui chung của đồng bào thành thị vẫn là thứ tình cảm lằng lằng, e dè. Ai nấy mua sắm hoặc chuẩn bị mua sắm. Tết là đóa hoa hàm tiếu, chưa nở. Tân vui vẻ ra đường với thứ tình cảm chân thành : sẵn sàng hòa mình vào đám đông, như hột muối tan trong biển người.

Ba trăm đồng, nghĩ cũng hơi ít nếu anh muốn mua sắm vài món linh tinh. Nhưng dùng đề « dẫn túi », thì số tiền ấy khá nặng. Tân bồi hồi, thương xót vu vơ cho vài cô nữ tư chức nào đó, khá xinh đẹp, dạo phố với mười lăm, hai chục đồng (hoặc không có đồng nào). Các cô ăn mặc sạch sẽ, bước trầm tĩnh... như kẻ có nhiều tiền « dẫn túi »... Tân nhớ rõ và biết tên vài ông bạn lái vespa, lái ô tô với hai chục đồng trong túi. Anh gật gù :

— Mình thuộc vào hạng người khá giả rồi. Ba trăm đồng là bao nhiêu hơi ấm triền miên. Tiểu thuyết gia S. Maugham đã từ trần nhưng để lại câu nói bất hủ : « Đồng tiền là giác quan thứ sáu ». Nghĩa là có nó thì mắt, tai, mũi, lưỡi và da tay của con người mới hoạt động,

hử xem, sờ mó đúng mức. Huống hồ mình đem theo để lấy hơi ấm chớ không xài. Năm nay, dường như ông chủ không thưởng tiền Tết và không cho mượn trước số tiền nào cả. Về lý do, mình không nên biết, biết cũng vô ích.

Tranh chấp với ông chủ, theo luật lao động, là chuyện chung của mọi nhân viên. Anh em dám kêu nài tới mức nào thì mình cũng gặt đầu « ba phải » tới mức đó. Không đứng đầu, không đứng giữa trong cuộc tranh chấp: Nếu đứng sau chót thì xấu hổ. Nên tìm chỗ êm ấm, trước người chót một bước để tự an ủi rằng mình còn một tí hào khí. Ta cứ đi ra phố.

Người trẻ tuổi nhìn chợ Tết với tâm hồn cởi mở. Món gì cũng lạ, cũng hay. Mỗi lần Tết là mỗi lần cảnh vật hiện ra đầy màu sắc sống động trong hiện tại, trước mắt trong khoảnh khắc mà họ ngấm nghĩa. Họ say mê, há miệng đề rồi mau chán. Người lớn tuổi thường suy tư, so sánh hiện tại với quá khứ. Máy gian hàng sát chợ Bến Thành chưa làm cho Tân chú ý. Cũng bánh mứt, rượu Tây rượu Tàu, kem đánh răng, trái cây.

Tâm chép miệng :

— Hơi nhàm. Nghe nói cho đốt pháo nhưng tại sao chưa có gian hàng bán pháo? Bao nhiêu

thứ bánh mứt ấy mình đã xem, đã ăn hàng chục năm rồi.

Anh chấp tay sau mông, đề phòng trường hợp bị móc túi. Trông oai vệ, nhàn rỗi và phách lối. Anh tự ví mình như một chậu kiềng xấu xí, một thứ hoa dai, mọc xen vào chợ đời cho rậm đám. Một người không sản xuất mà cũng không tiêu thụ hàng hóa, nói đúng hơn là sản xuất những loại thơ văn không cần thiết để lấy tiền mua vài thứ xa xỉ phẩm rẻ tiền.

Có tiếng đàn ghi-la vang lên âm âm. Một nhạc công rách rưới đang trình diễn bản gì đó — theo điệu nhảy « tuyết ».

Khách qua đường bu lại để nghe. Họ xem chớ không phải nghe. Họ bàn tán.

— Đời bây giờ sao thiên hạ nhiều sáng kiến quá.

Lại có tiếng phản đối :

— Sáng kiến ác ôn, đáng bỏ tù, đáng truy tố. Chán ơi là chán. Tội đứng đây này giờ, giận run nhưng biết ăn làm sao, nói làm sao con nhỏ này hết lớn rồi.

Tân đến nơi, ngóng chờ. Một cháu bé chừng 8 tuổi đang nhún chân, tại chỗ, hai tay bơi

trong không khí, tóc uốn quăn queo. môi thoa son đỏ bầm, bên má điểm điểm son tròn lớn cỡ đồng bạc. Có lẽ hồi mới bắt đầu trình diễn, nó được đánh phấn. Giờ đây, phấn đã trôi, để lộ làn da đen đúa. Làn môi và đôi má như trầy trụa, rớm máu — những vết thương gây bầu không khí tang thương. Hai chân em bé cứ nhún, gọi là nhảy « tuyết » để thu hút khán giả, xin tiền. Nó để chân trần, đầy bụi đất. Lỗ mũi nó phồng lên, miệng há hốc. Mệt nhưng chẳng dám thở than.

Một cô nọ ăn mặc sạch sẽ nghiêng đầu gần sát vai Tân, mái tóc thơm mùi trầm hương

— Cho tiền tại đâu ?

— Dạ, tại đây !

Người lên giọng trả lời đang ngồi kế bên nhạc công. Anh ta mặc khá lành lặn, nâng cái đĩa mica đỏ lên cao. Hai đồng bạc chi rơi xuống nghe cạch cạch.

— Cảm ơn, cô bác. Em cháu nó nghèo, nó phục vụ nghệ thuật thuần túy.

Cô nọ như chẳng buồn đứng nghe và chẳng muốn nhận lời cảm ơn. Đầu cô rút lui khỏi vai Tân. Mùi trầm hương thoang thoảng rồi tan biến

Tân phân vân, chẳng hiểu nên đứng xem hay nên rời chân. Đứng để làm gì và đi đâu bây giờ? Liệu nơi khác còn cảnh nào lạ mắt vui tai hơn không? Máy người đứng xem cứ cần nhẫn.

— Chán quá. Hai người lớn mà bóc lột đứa con nít. Như vậy thì là khoa học. Mỗi chân mà chẳng dám than van, nếu lười biếng chắc về nhà ăn roi mây.

— Tôi mà làm cảnh sát thì bắt mấy cái vụ xin tiền này.

Nhạc công vẫn đàn, nhưng mắt. Anh ta có lẽ đã nghe lời trach móc ấy hàng trăm, hàng ngàn lần. Lời nói là bạc, sự im lặng là vàng. Nhịp đàn khi khoan khi nhặt, lai rai vài đồng bạc bay xuống như bướm bướm xanh, rơi ngoài vành đĩa. Anh thâu tiền cứ ung dung lượm, bỏ thành đống.

— Kỳ quá. Cui thật là ngứa mắt.

Anh chàng mặc áo trắng cứ cần nhẫn một mình. Anh ta như hững hờ khi nghe lời phản đối:

— Chỗ người ta làm ăn. Anh chán thì đi chỗ khác. Tôi chẳng ba con cật ruột gì với đám này. Nếu không thích thì mình đứng cho tiền. Ai móc túi mình đâu mà mình cần nhẫn.

— Nhưng tại sao anh đừng coi !

— Tôi đừng coi vì lý do khác. Tôi phản đối nhưng tôi im lặng, tôi không cho tiền.

Chàng nọ tiếp tục đả kích

— Như vậy là anh đồng lõa với vụ bán buôn nghệ thuật này ?

— Tôi đâu có đồng lõa. Tôi không cho tiền. Tại sao ta thắc mắc chuyện nhỏ bé này khi nước nhà loạn ly ?

Chàng áo trắng trợn mắt

— Chuyện quốc sự hả ?

— Thời bình cũng vậy. Tôi nhớ hồi xưa, mấy người hát Tiều, hát Quảng nuôi con nít từ thuở lọt lòng đặt cho tụi nó đóng vai chánh, hò hát suốt đêm tới ba bốn giờ khuya để được ăn một tô cháo. Bây giờ, con nhỏ này sướng hơn.

Chàng áo trắng đáp :

— Nưng vi phạm luật lao động... Bắt buộc trẻ em đứng nhảy nhót cả buổi như hình phạt đối với tù nhân.

— Ở đây chẳng ai làm mướn cho ai cả. Có thể em bé là con của người gảy đàn. Đem luật lao động nói nơi đây là sai.

— Có sự gì... bóc lột kỳ cục, vô nhân đạo...

— Bóc lột à ? Những người đứng xem mà không trả tiền mới thật là kẻ bóc lột...

Tân giựt mình. Cãi vã với họ chẳng ? Họ chửi xéo anh rồi. Thôi thì đi nơi khác. Anh... tụt móc túi, đem ra mở giấy năm đồng, hai chục đồng. Rất tiếc là không có bạc lẻ, đưa cho họ thối lại bốn đồng thì... vô duyên, thôi thì cho phứt năm đồng.

Anh quay mặt, thở phào. Một người nói lầm bầm bên tai anh...

— Xài vô lý quá. Tụi nó là... chim mồi.

Tân nhìn người nọ :

— Thiệt vậy sao ?

— Ông chưa tin lời tôi thì thôi. Hai thằng cãi nhau là chim mồi, nhử ông, khiêu khích ông để ông cho tiền.

Tân gật gù :

— Hơi vô lý. Đâu phải thấy bài ba lá mà chim mồi ? Nếu chim mồi thì... họ vô tình làm chim mồi. Họ cãi vã vì tự ái, rớt cuộc bọn kia thủ lợi. Thôi ! Vấn đề nghệ thuật là vô giá. Họ biết trình bày khéo léo. Tôi khen ngợi sự trình bày đó chứ tôi có bố thí, mắc mưu họ đâu...

Người nọ lần khuất trong đám đông tự bao giờ. Tân bẽn lẽn vì đoạn chót của câu nói chỉ có một mình Tân nghe thôi.

An bước tới, đứng lóng ngóng một chập vì lẽ đường quá chật hẹp.

— Thầy Hai !

Cô gái bán kẹo, thuốc đang chào Tân. Quen thân lắm. Hai năm qua, thỉnh thoảng Tân mua chịu thuốc hút của cô ta. Và lâu, Tân cho cô ta thiếu chịu vài chục đồng, khi thiếu tiền là thôi lại.

Tân mượn cái ghế, ngồi dựa lưng vào gốc me. Vài tiếng pháo nổ. Nhân viên cảnh sát cần nấp. Những cây pháo được đốt trộm nhưng nổ công khai. Chẳng lẽ truy nã thủ phạm ? Hai em bé nhả nhổ, xòe tay, chia ra mấy cây pháo.

Tân hỏi cô bán thuốc :

— Khá không ?

— Bán được được. Thầy mua thuốc xì gà không ? Còn hai hộp.

Tân đứng dậy. Một hộp thuốc bán..., theo giá vốn là 450 đồng. Chẳng lẽ anh mua chịu đợi năm sau mới trả tiền. Ngồi đây làm gì ? Anh đáp :

— Mai chiều tôi mua.

Hai bên lề đường, vẫn chưng bày những món hàng quen mắt : ly chén, đồ chơi con trẻ con, khăn tay, nút áo mấn-sét... Tân lắng nghe... Giữa tiếng ồn ào, giọng đàn giựt gân vẫn còn phía sau lưng. Chắc rằng cháu bé nọ đang nháy và hai tên kia vẫn cãi vã lai rai. Anh đào sâu cái triết lý vừa thấu thập lúc nãy.

— Chỉ cần cách trình bày cho khéo léo là thành công trên đường đời. Nhưng đó là sự thành công rẻ tiền. Âu cũng là một kinh nghiệm sống. Máy tên chim mỗi đánh mạnh vào tâm lý những kẻ nông nổi, nghèo tiền nhưng giàu tự ái.

Phải chi mình cho túi nó một đồng bạc như cô thơm mùi trầm hương, rồi đi tuốt thì khoẻ trí biết bao. Cô nọ xử sự tỉnh táo vô cùng. Không cho thì tỏ ra kém đứng đắn. Thà rằng cho chút ít rồi đừng suy nghĩ. Thái độ của mình tuy đứng đắn nhưng đại dột, đã tốn tiền nhiều gấp đôi, lại còn nghe thêm tiếng chửi của bọn chim mồi.

Tân dạo hết quãng đường, quẹo về bên trái, theo đường Công Lý rồi đồ qua Lê Thánh Tôn. Ở đấy, yên tĩnh hơn. Anh hút thuốc phi phà. Nhiều cô gái đẹp đi ngược chiều. Họ mặc áo

lạnh tuy trời chưa lạnh cho lắm. Màu áo lạnh làm ấm áp những người chung quanh : Tân thấy yêu đời. Lề phở thừa thớt, kém vẽ xô bồ xô bộn, chẳng cần chen lấn. Đường như đường này dành riêng cho những du khách loại chọn lọc. Khỏi sợ bị móc túi.

Tân đi mũi vào tủ kiếng xem mấy đôi giày da sấu. Non ngàn bạc, làm sao mua nổi ? Anh thấy thấp thoáng vài bóng hồng từ trong tiệm lú ra. Mấy cô bán hàng, đẹp quá. Mấy cô không mời khách hàng, không chằm chọc vào lòng tự ái của thân chủ. Những cửa hiệu ấm áp lâu đời, nói tóm lại là... thuần. Chủ nhân mặc đơn giản, không khoe của cái và dường như họ mỗi một vì sống lâu năm cuộc đời đầy tiện nghi.

Mấy cô bán hàng đi đứng dịu dàng, ít nói ra vẻ ta đây là thân nhân của chủ nhân chứ không phải là người làm công. Thích quá ! Tân rảo bước chợt có bàn tay chìa ra :

— Thưa ông !

Tân trở mắt. Ba bốn người đàn ông đang bán thuốc cao đơn hoàn tán bên lề đường. Họ trao cho anh một tấm quảng cáo.

— Mời ông xem.

Tân gật đầu :

— Cám ơn.

Rồi dợm chân bước tới.

Anh nọ thân ái nắm tay anh :

— Xin lỗi ông, chúng tôi hiểu rằng bấy lâu nay ông sống ở Sài-gòn, ông chán cái lối quảng cáo rồi. Lối quảng cáo thường lỗ lã, phải vậy không ông ?

Rồi anh ta cướp câu trả lời của Tân đề tung ra mớ lý luận ngọt ngào như những dòng nước mưa từ trên máng xối chảy xuống rơi lôm bôm vào lu :

— Tấm giấy quảng cáo này thô sơ, chẳng có gì bảo đảm. Chúng tôi bán chiêu hàng cho nhà thuốc ra mắt ! chúng tôi xin hân hạnh...

Tân rất chán loại cao đơn hườn tán. Nói chung, anh sợ những loại... sâm nhung bồ thận bào chế bằng côm nguội quét với nước đường, vò viên tròn « Trước mặt mấy cô gái đẹp mà mình mua thuốc bồ thận tráng dương, thì mất duyên hết ». Anh từ chối :

— Xin hẹn dịp khác.

Anh nọ như chẳng nghe lời từ chối của Tân :

— Đây là hộp thuốc. Mời ông xem.

Tân dè dặt, chẳng muốn sờ tay vào.

Anh nọ đặt hộp thuốc vào lòng bàn tay Tân :

— Ông cứ lấy. Chúng tôi kính biểu, không lấy bất cứ một đồng xu nào. Chúng tôi mong ông dùng thử. Như vậy cũng đủ hân hạnh cho... bọn hiện.

— Chà, tôi sợ thuốc lắm, vả lại tôi mạnh khỏe.

— Vừa nói, Tân vừa liếc về phía mấy cô bán hàng. Mấy cô nghiêm mặt, nhìn nhau. Tân lúng túng. Anh nọ thúc hối :

— Chúng tôi khờ tằm lắm nếu biết rằng ông từ chối. Chúng tôi kính biểu. Nếu ông mạnh khỏe thì đem về tặng cho các bạn thân.

Tân mân mê hộp thuốc. Dưới lớp kiếng, hiện sáu hoàn thuốc màu vàng, bao sáp.

Anh nọ day lại đồng bạn :

— Đưa thêm cho ông hai hộp nữa...

— Cảm ơn. Đủ rồi. Đề mấy anh tặng cho người khác.

— Xin lỗi ông, ông là người đứng đắn, có nhiều bạn thân ở Sài-gòn. Chẳng lẽ ông tặng thuốc cho người này mà quên người kia. Đây, tất cả ba hộp. Và xin lỗi ông, ông trao cho tôi... đề tôi gởi lại kỹ lưỡng. Chẳng lẽ ông

mang bao hộp thuốc này đi ngoài đường, coi mất vẻ đẹp.

Người đồng bọn của anh kia gói ba hộp thuốc, gói chằm rãi. Tân đang thắc mắc, chẳng hiểu đem ba hộp thuốc nọ về đâu? Nếu là cơm nguội quết với nước đường thì ba hộp kia trị giá ít lắm 30 đồng. Tại sao họ dám biếu với thái độ hoàn toàn cởi mở? Phải chăng đây là kiểu quảng cáo mới, giống như vài nhà báo dám tặng không số ra mắt đề câu độc giả hồng bán số thứ hai, họ đã nghiên cứu tâm lý giới tiêu thụ, tin rằng thế nào Tân cũng đồn đãi việc tặng thuốc ấy cho các bạn, hoặc ít ra anh cũng nói lại với vợ con.

Anh bán thuốc nói:

— Xin ông vui lòng thông cảm giúp anh em chúng tôi một số tiền mọn. Chúng tôi trong ban quảng cáo, gồm 3 nhân viên, đi trên chiếc xe... mô bi lét này và hai chiếc xe đạp kia. Thưa ông nếu chúng tôi ngửa tay xin ông mười đồng, chẳng lẽ ông không cho. Hoặc giờ phút này, đáp lại món quà mọn của chúng tôi... có lẽ ông sẵn sàng cho chúng tôi giải khát một chai « la ve ».

Tân bắt đầu hiểu rằng đã súp bầy. Mấy cô bán hàng che miệng, ló đầu ra cười túm

tìm. Một nhân viên cảnh sát đứng nhìn Tân rồi cười khi. Biết sao bây giờ ? Tân hỏi khẽ :

— Tôi không lấy thuốc. Nhưng mấy anh muốn chừng bao nhiêu ?

— Dạ, tùy ý ông. Ông cho một đồng bạc, chúng tôi cũng không dám từ chối. Đây là buổi khai trương...

Tân đưa ra tấm giấy 10 đồng. Anh nọ nói với đồng bạn :

— Gói hộp thuốc đưa cho ông. Ông còn bận nhiều việc khác, cảm ơn ông.

Anh ta trao gói thuốc. Tân sửng sốt, chẳng biết nói sao. Hồi nãy, anh ta tặng ba hộp, giờ đây, bớt lại còn một hộp. Tâm cầm lấy, cười bẽn lẽn, nhủ thầm :

— Nếu không lấy, hóa ra đại vì mình đã tốn 10 đồng. Tội nầy khôn quá. Nó bắt buộc mình mua một hộp thuốc « Cơm nguội nước đường » nầy với giá 10 đồng ! Ơi thôi ! Xui xẻo quá.

Tâm gọi xích lô đạp, ngồi lên chẳng cần trả giá trước. Anh muốn ra khỏi con đường nầy cho nhanh để khỏi hồ thẹn. Vì tự ái, vì thể diện lật vặt, vì muốn tỏ ra khoan thai, trầm tĩnh đối với mấy cô gái bán hàng mà anh lãnh một vố hơi cay. Cầm hộp thuốc trong tay, anh tự an ủi:

— Hồi nầy, mình xem nháy « tuyết » tốn hết 5 đồng, còn nghe thêm tiếng chữi xéo. Hộp thuốc nầy 10 đồng, găm đi găm lại rẻ hơn.

Nhưng Tân vẫn chưa yên tâm. Anh sợ mấy người bán thuốc cười khi, chế giễu anh là ngu dại :

— Chưa ắt nó dám ngạo mạn. Nó cần giữ thái độ... phục vụ thân chủ để tiếp tục lừa bịp những thân chủ đến sau. Ban đêm, về nhà, khi ăn cơm với vợ con hay khi nhậu la ve, nó mới dám cười.

Quảng hộp thuốc ư ? Uổng quá. Đó là hộp giấy bồi khá cứng trên mặt có kiếng dầy, thứ thiệt, chung quanh in nhãn hiệu bốn màu sắc sỡ. Dùng nó để làm gì đây ? Xế chiều, Tân buồn bã hơn bao giờ hết. Không xài phí mà vẫn tốn kém, không dám mở miệng ra mà vẫn bị mắng ngược, không lường gạt ai mà sao lại chua chát đắng cay ? Nói ra, thiên hạ thêm cười chê. Chiếc xích lô đạp chạy bon bon. Chưa tới nhà, Tân nghĩ ra một biện pháp để tạm giải quyết cái hiện tại é chề :

— Đêm nay mình nấu nước trà, ăn thử một hoàn thuốc, ăn chơi như trẻ con ăn kẹo.

Nếu thuốc mất vệ sinh thì bị sinh bưng, chết chóc gì. Muốn cho vui, mình mời thằng bạn thân nào đó, mỗi bữa ăn chơi ba hoàn cho hết hộp thuốc, ăn được mười phút, tức là một đồng bạc giết được một phút của... cuộc đời !

CHUYỆN CON MÈO

Thời thực dân, làng Sóc Sơn dài trên ba mươi cây số. Hương chức hội tề ở rải rác khắp xóm, xa nhau, ít khi tụ họp.

Mỗi ông nắm trọn quyền hành chánh, kinh tế, an ninh trong xóm như một vị tiểu vương. Vì vậy hễ có chân trong ban hội tề tức là làm giàu. Sóc Xoài là xóm quaa trọng nhất của làng Sóc Sơn. Xoài đâu chẳng thấy chỉ thấy rặng tre xanh rì và hai nóc nhà đồ chơi nhô lên. Một là nóc chùa Miên. Hai là nhà của ông Xã trưởng Thạch Ngọc Tư.

Vốn là một người Miên giàu có, ông xã cố gắng vận động với ông Cai Tổng, với chủ quận để được làm xã trưởng. Đâu đó xong xuôi, ông đâm đơn vô tòa án, xin phép làm lại khai sanh đổi tên họ cho có vẻ văn minh. Tên Kha văn Mau trong khai sanh cũ được sửa lại là Thạch Ngọc Tư.

Xã trưởng Thạch Ngọc Tư tìm cách gây uy tín đối với dân trong xóm, toàn là người Miên.

Việc làm đầu tiên của ông sau khi nhậm chức là rước một thầy địa lý người Tàu về để xem các mạch đất «tiền quốc» Sóc Xoài. Năm mươi ngày liên tiếp, dân trong Sóc vô cùng sợ sệt, ngơ ngác khi thấy ông thầy Tàu tóc bạc râu dài nọ đi tới đi lui dạo khắp hang cùng ngõ hẻm, gốc tre, bờ giếng. Thỉnh thoảng ông hái một nhánh tre cắm xuống đất. Đôi ba ngày sau ông nhổ lên hoặc cắm nhánh mới theo hình tam giác, lục giác.

Ngày chót, ông ta nhổ tất cả nhánh tre đem về nhà ông xã trưởng để báo cáo việc điều tra, sưu tầm, nghiên cứu dưới mặt đất.

Hôm sau, Xã trưởng Thạch ngọc Tư đội nón cối, tay xách ba ton đi «kinh lý» trong sóc. Theo sau, có ba bốn ông Hương ấp mặc áo bành tô vàng, cũng người Miên.

Đến xóm thứ nhất, Thạch ngọc Tư cười uống rượu rồi nói huyền thiên :

— Bà con mình ở đây có phước. Giống đất này thuộc về đất con Rồng, ai nấy đều dư dả, sức khỏe đầy đủ. Nhà tôi ở ngay đầu Rồng nên khá hơn. Anh em nhờ cất nhà ngay trên lưng Rồng nên chẳng lo nghèo ! Ông thầy Tàu dẫn tôi coi chừng... Đừng cho nhà nước

Tây đào kinh ngay xóm mà con Rồng phải đứt làm hai...

Đến xóm phía Nam ông xã trưởng nói trầm tĩnh lại :

— Ở đây nhăm mạch đất con Chó. Chó có khi cực khổ, thiếu ăn thiếu uống nhưng gặp thời thì được chủ nhà cưng, sung sướng. Bà con nên tự an ủi...

Đến xóm phía Tây, xã trưởng họ Thạch ra vẻ ưu tư, buồn bã. Đây là một xóm nhỏ gần rừng, giáp mé biển. Dân làng nghèo đến đổi mặc quần bao áo bố. Ông bảo :

— Ở đây, thầy Tàu nói là mạch đất con Mèo. Xứ mình ít chuột nên mèo thiếu ăn, ốm o gầy mòn. Mèo có thể sung sướng nếu gặp ông chủ giàu có. Ngặt xóm này là con mèo có xác mà thiếu hồn. Ông thầy cắm nhánh tre sâu xuống đất mà nhánh tre cứ héo hoải.

Có người hỏi :

— Chừng nào hồn mèo về nhập xác cho chúng tôi được nhờ ?

Ông xã trưởng đáp :

— Thầy Tàu nói không đoán được. Có khi sớm, có khi muộn. Hồn con mèo sẽ về

theo đường biển. Bởi vậy khi nào có đông gió, anh em nên coi chừng.

Sau cuộc tiếp xúc ấy dân xóm Mèo vô cùng thất vọng. Có người đâm ra lo sợ. Phải chăng ông xã muốn cảnh cáo họ về vụ đồn cũi lậu thuế. Vì mèo đói nên thường sanh tật ăn vụng.

Thế rồi ngày tháng trôi qua đều đều, theo điệu nhịp thanh bình giả hiệu của thời thực dân... Câu chuyện thầy địa lý không ai còn nhớ. Người Miên dư hiểu rằng : Ông thầy họ nhắm chừng mà đoán.

Xóm con Ròng thì đất cao ráo, trồng dâu nuôi tằm được nên dân sống dễ dàng.

Xóm con Chó sống về nghề nhồ bàng dương dẹt, dương bao cà ròn (bao bàng), nên khi thăng khi trầm tùy theo giá thị trường. Xóm con Mèo sống về nghề rừng nghề biển không có tương lai. Người Miên cực chẳng đã, cùng phương sanh kế, phải ra đây mà ở. Họ không dám ra ngoài khơi đánh lưới làm nô như người Việt Nam. Họ ở trong bờ, bắt ba khía, câu cua về đủ nhậu bữa nào hay bữa nấy.

Thỉnh thoảng họ vớt được một vài thùng

dầu lửa tấp lên mé bãi. Có khi được một vài cái phao lưới của người Nhật đánh cá ngoài biển bỏ rơi. Lần nọ con cá ông nhỏ « luy » trôi lên bãi. Họ cấp tốc qua làng kể bên cho người Việt Nam hay để chôn giùm họ.

Bỗng một buổi sáng mùa gió Nam, cả xóm gọi nhau ới ới kinh hoàng, khiến già trẻ đều thức dậy. Có người về báo :

— Ngoài biển không biết bao nhiêu là thùng cây vuông, lớn bằng thùng đựng sữa bò trôi vô hoài hoài...

Phép tiên chẳng ? Ai đem những thùng ấy đến ? Đem từ hồi nào. Biết đâu trong những thùng ấy chẳng có súng đạn mà mang họa cả xóm ? Hay cường quốc nào toan đổ bộ đánh chiếm nước này lần thứ hai ? Bãi biển tuyệt nhiên không có một bóng người nào. Chỉ có dân trong xóm. Họ ra bãi lập tức chở vài thùng về nhà khui ra cẩn thận : Toàn là hộp thiếc màu đỏ có nhãn hiệu là con mèo đen.

Họ mừng quýnh la lên :

— Mèo về kìa ! Hồn con mèo ! Bởi vì hồn ma cho nên có hình con mèo màu đen.

Người khác bàn tán :

— Về theo đường biển, đúng theo lời thầy

Tàu. Chắc xóm này làm ăn khá. Mua một lít rượu về ăn mừng, anh em ơi!

Lúc khui ra, họ thấy rõ ràng là thuốc vắn sẵn. Hút thử thì lạt hơn thuốc rê, lại có mùi « cà-ốp cà-ốp » (tiếng Miên) nghĩa là... thơm thơm.

Phải là thuốc rê, thuốc gò thì họ hái đem hết những chiến lợi phẩm về, cất giấu để sử dụng cho qua cơn nghèo. Ngặt là thứ thuốc lạt, họ không thích mấy nên một mặt họ chở về nhà một mặt cho người đến nhà xã trưởng Thạch Ngọc Tư để khai báo. Rủi thay, đó là lúc xã trưởng bận việc. Ông ta đi Nam Vang mua đĩa hát « dù kê », thỉnh tượng Phật và dạo giá mua con voi sống đem về cúng chùa. Ở nhà còn lại chú Biện Xứng, người Tàu lai, trọn quyền... xử lý thường vụ trong phạm vi có thể.

Biện Xứng biết : Nếu báo cáo việc này về thầy cai tổng thì chỉ có lợi cho Tây. Động lòng tham, y bỏ túi vài hộp thuốc suy nghĩ cách thủ lợi riêng, chú đi quan sát từng nhà, hỏi kỹ.

— Mấy người thấy trong thùng còn món gì lạ nữa không?

— Dạ thưa chỉ có thuốc hút.

Đảng xóm, một ông lão chạy đến cầm một tấm hình :

— Dạ thùng đảng nhà tôi khai ra có hình con đầm này.

Biện Xứng nhìn tấm hình : đúng là một mỹ nhân nhan sa... cá lặn. Lật phía sau có một hàng chữ Tây, hay chữ Ảng lè. Vì không rành y đọc không nổi.

Biện Xứng đoán chừng đó là thuốc lậu thuế chiếc tàu chở thuốc chìm, chưa kịp vào bờ đóng thuế. Hoặc là chủ tàu gặp tàu của sở thương chánh sợ bị phạt nặng nên quăng bỏ xuống biển.

Duy chỉ có tấm hình mỹ nữ làm chú Biện thắc mắc, liên tưởng đến một vụ xô số. Biết đâu tấm hình này sẽ là số độc đắc, nhờ đó mà y làm giàu.

Nghĩ vậy y muốn hốt của một mình nên nói riêng với dân trong xóm :

— Chuyện đồ bề rồi. Bà con phải giữ kín. Tây hay được bắt bỏ tù cả đám. Tôi sẵn sàng che chở bà con, Cứ tháo điều thuốc ra, như thuốc rời. Lon hộp phải quăng bỏ... Chỉ cần một điều là ai gặp bất cứ tấm hình đầm nào thì phải đem nạp cho tôi.

Thế là bao nhiêu thuốc Craven « A » phải tháo hộp ra, xé vắn hút, vắn điếu nào điếu nấy bằng ngón tay cái hút mãi mà không đã cơn ghiền ! Các bà ăn trầu thì rút một cục lớn mà xía rồi ché là lạt nhách. Tuy vậy, có còn hơn không ! Ngày mưa tháng gió, thuốc này cũng an ủi cơn nghèo túng.

Họ khôì hài lẫn nhau :

— Hồn con mèo ở biển về ! Thầy Tàu nói vậy mà đúng... Hồn về rồi mà sao mình còn khổ quá... Chắc là tại con mèo đen đứt đầu, như trong hình vẽ ngoài gói thuốc.

Phần Biện Xứng thì muốn trốn tránh trách nhiệm. Y tháo hai bản công văn giống nhau, một bản gửi lên cai Tổng đề tường trình, một bản dán tại nhà xã trưởng cho có lệ (không cần dán trong xóm vì xóm người Miên nào ai biết chữ tây hay chữ quốc ngữ đâu mà đọc). Đại khái như sau :

Province de Rachgia, Délégation du chef lieu, Canton de Kiên bảo : Village de Soc sơn.

Trát cho hương ấp tuân cứ.

Hương chức làng nghe nói ở ấp Biển có lượm được thuốc hút. Nay truyền rao cho Hương ấp phải đến mỗi nhà lập thông qui đề làng.

chạy từ phúc bầm về quan chánh Cai Tổng.

Les notables de Sóc sơn.

Le 1^{er} octobre 1939

Par le Maire Thach Ngộ Tư đi vắng

Le Bienen Signé.

NGÀY XUÂN NGHE CHIM HÓT

Những ngày cuối năm Tuất rảnh rang hơn ai hết, ở xóm này. Anh ở gác trọ và không có quê để mà ăn Tết. Hai mươi năm chinh chiến đã biến đô thành Sài-gòn thành ra một thứ quê hương cho khá đông người. Họ cưới vợ, sanh con, trồng cây, xây mộ, mượn nhà, dầu bị đuổi cũng không thềm dời. Họ nhìn người miền quê mới tản cư lên sau, nhìn với cặp mắt tự tôn của đám thổ công am hiểu thời thế. Tuy nhiên, lắm ông Thổ công bị mang tiếng oan.

Như chàng Tuất là một.

Đất Sài-gòn với muôn màu hồng ngàn tia được so sánh với một cuộc tiệc lớn. Rủi thay, trong cuộc tiệc ấy, thì hơn mười năm qua, tuy ham phần «xôi thịt» nhưng Tuất chưa chiếm được chỗ ngồi nào yên ổn cả. Nếu có thì trên manh chiếu chật hẹp ấy chàng chỉ đóng vai người ngồi chồm hổm ăn hút đề rồi vừa đứng vừa đi mà ăn — Kiểu ăn lua láo, không no dai, gây bệnh đau bao tử. Thế

là chàng Tuấn đành đóng vai bất đắc dĩ của một kiều Thổ công dạo kiếng xem hoa, hưởng thụ bằng cách ngắm nghía quan sát trong phạm vi có thể. Chàng muốn so sánh Sài-gòn với vườn hoa. Khổ thay, sự so sánh ấy không hợp pháp, đôi khi gây rắc rối. Lần lần chàng hiểu rằng mỗi vườn hoa, mỗi bãi cỏ đều có chủ, có ranh giới và có cổng khóa.

Tết năm ngoái, ngày mừng bẩy chàng không chịu rời bước khi tình cờ gặp một cội mai to lớn, cánh vàng rộp đất, đầy cành. Mai nở và tiếp tục nở giữa tiếng nhạc du dương và đôi nàng kiều nữ. Đột nhiên, cánh cửa sắt rít lên, mở rộng thêm. Ông chủ nhà lộ đầu ra, đuổi chàng bằng nụ cười khô khan :

— Xin lỗi, ông có chuyện chi ?

Chàng đang phân vân, chưa hiểu trả lời sao cho gọn. Ông chủ nhà liền ban cho chàng phát súng ân huệ :

— Ông kiếm nhà số mấy? Nhà này số 307.

Chàng vội nêu ra một con số vu vơ, xin lỗi và chào lễ phép ông chủ nhà, tạm biệt sau khi liếc vào phòng khách, thưởng thức lần cuối cùng vẻ tươi đẹp của cội mai trong cái độc bình Khang Hi, kiêu độc bình vĩ đại, cao hơn

một thước tây... Lễ phổ vắng tanh đối với chàng. Vài tháng sau, đến mùa mưa, chàng tình cờ được dịp ghé lại chỗ cũ. Nhà số 307 ấy đã đổi chủ và ông chủ chỉ còn là... linh hồn phảng phất bên bàn thờ. Chàng nhận ra mấy cô kiều nữ hồi Tết khi cội mai nở. Các cô lơ đãng, thả hồn theo bản tân nhạc du dương, không biết rằng ngoài lễ đường này, chàng đang dừng bước và sẵn sàng thành thật chia buồn.



Còn 5 ngày nữa là tết.

Trước lễ đường, gia đình họ xúm xít thảo chân đèn, các bộ phận linh tinh của cái lư đồng. Họ lau chùi. Mấy trái đào năm kê con kỳ lân vàng. Con kỳ lân hơi miệng, vênh hai cọng râu khá to.

— Tường đó hả? Xin lỗi.

Tường giật mình, dừng lại. Tuấn đứng bên kia đường. Hai người quen nhau từ đôi ba năm nay nhưng không chơi thân. Thỉnh thoảng gặp nhau tại nhà hàng Thanh Thế, bắt tay, cúi đầu chào vạy thôi. Rồi thì mỗi người ăn riêng một bàn. Tại sao Tuấn lại sốt sắng chào hỏi trước? Con gió Tết vừa lạnh, vừa khô càng làm cho da mặt Tuấn thêm nhăn và mái tóc thêm cứng, dựng

ngược. Tường sức nhớ : Tuấn làm việc ở nhà báo. Nếu gán cho Tuấn cái tin sốt dẻo xe lật ở Tân An thì Tuấn chắc vui lên, Tường nhớ rõ tai nạn xảy ra vào lúc 6 giờ sáng, chẳng ai đến săn tin hoặc chụp ảnh cả.

Tường bắt tay Tuấn. Tuấn hỏi :

— Rảnh chưa ? vào dịp gần Tết mình dạo chơi.

« La thật. Tại sao Tuấn chưa nhận ra cái bắt tay ngược ngáp hơi run của mình. Cánh tay ấy suýt gãy, tróc da, màu thuốc đỏ loang ra, lốm đốm dính tay áo.

Tường từ Cần Thơ về Sài-gòn để thăm vợ con và ở luôn cho đến ngày mừng 7 tháng giêng. May thay, dọc đường khi chạy ngang Trung Tâm Giáo Dục Căn Bản ở Long An xe ủi vào trụ lề đường, xe lăn ba vòng xuống ruộng. Người trên xe, ai nấy đều sống nhăn. Tường xuống bến Sài-gòn báo tin cho vợ con biết rồi lang thang dạo phố. Trong thời chiến, Tường cho rằng mình có điểm phúc lớn hơn ai hết. Chàng muốn khoe khoang với tất cả mọi người đã quen hay chưa quen. Mấy người hàng xóm hỏi chàng, hỏi sơ qua. Tường chưa vừa ý. Chàng ra sạp báo. Mục « tin tức đó đây » của ba bốn tờ báo đều đăng toàn chuyện của Đô Thành và các

tĩnh khác. Vô duyên quá. Rõ chuyện quan trọng, liên can đến sinh mạng ba bốn chục người lại trở thành bé bỏng, không đáng kể.

Tường xắn áo lên, sờ vào cái băng kéo, nhuộm màu thuốc đỏ. Miếng da cùi chỗ đã rách nát và tróc mất. Mấy chiếc xích lô máy lướt qua. Chẳng ai chú ý đến chàng hơn, cả những người đi bộ. Chàng tự an ủi :

— Họ lo sắm Tết, chuyện mình mình biết, chuyện người người hay. Thí dụ như ngày hôm qua tại Sài-gòn mấy người đó gặp xui xẻo, mình đâu hay biết. Hòa cả làng.

Bắt đầu Tường dạo phố với một lập trường mới. Kéo cái tay áo xuống, dạo khoan thai, hai tay dùng đưa ra rất hồn nhiên như người khỏe mạnh, kéo thiên hạ hồ nghi rằng anh mang tật từ khi lọt lòng.

Quả thật Tuấn là người... làm báo mà vẫn vô tình đối với thế sự.

Tường chưa muốn thất vọng !

— Cỡ này có tin tức gì lạ không ?

— Họ in báo Tết rồi. Nghỉ vài ngày.

— Hồi tối, có xe đồ lặt.

— Xui xẻo quá vậy. Có ai chết không ? Nếu

chết một đôi người thì... chẳng bao giờ đăng báo.

Câu nói ấy như gáo nước lạnh xối lên đầu Tường. Chàng thở dài. Tuấn hỏi thêm :

— Sao ?

— Xe lật nhưng chẳng ai chết cả.

— Vậy thì hơi đâu mình thắc mắc. Ngày Tết, chẳng ai muốn nhắc tới chuyện xui xẻo. Thôi, anh muốn rảnh rang thì đi với tôi. Vui lắm. Xem nhạc sĩ... cô diễm đang tập dượt các mầm non văn nghệ.

— Tốn tiền không ?

— Đâu có tốn... Sự có mặt của chúng ta sẽ làm hân hạnh cho chủ nhà. Dạy ca nhạc tại nhà. Các mầm non tốn tiền và tốn chút ít rượu trà để Tết thầy. Anh có xem lần nào chưa ? Anh nhạc sĩ này là bạn thân của tôi.

Sáu bảy em bé — toàn là con gái — ngồi dựa lưng vào vách đối diện với nhạc sĩ Văn Ky. Đứa mặc áo rằn ri, đứa mặc áo đầm, đứa mặc áo sơ mi ngắn tay quần túm ống. Nhạc sĩ mặc bi-gia-ma, mang dép Nhựa Bồn.

Buổi dạy nhạc diễn ra, trong gian phòng ấm áp, thân mật, chật chội, trên lầu. Cách nhạc

sĩ chừng bốn bước là cái giường nệm khá to. Trên ấy, một bà lão nằm mỗi một — Di ruột của nhạc sĩ từ Bến Tre tản cư lên Sài-gòn từ vài ngày rày.

Nhạc sĩ Văn Ky nâng cây lục huyền cầm, so dây rồi nói to :

— Đâu, tui bây dượt lại cho tao nghe. Tệ quá, tao khờ vì tui bây.

Các mầm non dở quyền sách mỏng ra, chăm chú ; lối xưng hô « tui bây, tao » chẳng có gì là thô lỗ. Người trong gia đình với nhau cả, mấy mầm non còn quá trẻ, trẻ tuổi hơn đứa con gái đầu lòng của nhạc sĩ.

— Lệ Hoa đâu ! Mày nói lối trở lại cho tao nghe !

Cô bé Lệ Hoa, trạc mười hai tuổi đứng dậy, bước tới hai bước. Đột nhiên, nó day mặt, liếc phía thang lầu.

Nhạc sĩ Văn Ky lắc đầu :

— Không được... Lúc tao đang dạy, lúc mà bắt đầu lắng giọng thì bất cứ tiếng động gì cũng không đáng kể. Tao biết có khách tới họ bước lên thang lầu. Nhưng đó là những bạn quý của tao. Họ tới đây vì... điệu nghệ. Đừng

sợ sệt, đứng lảng trí. Nay mai mây vô đĩa, mây lên sân khấu thì làm sao?

Cô bé Lệ Hoa le lưỡi. Mấy đứa bạn cúi đầu lật quyển bài ca. Giọng Lệ Hoa cất lên:

Lần thứ hai, về thăm quê ngoại.

Ngắm vườn cau năm cũ xác xơ.

Hai tay ôm lấy nắm mồ,

Khói hương nghi ngút quện mờ vườn cau...

Lần thứ hai trở lại...

Nhạc sĩ Văn Ký ngưng tay buông phím:

— Khồ lắm. Tại sao «trở lại» mà mây nói lối ra «trở lại». Chưa rõ tiếng. Nói lối cho tao nghe kỹ, năm ba lần. Trở lại... Trờ ở... ở... lại.

Cô bé Lệ Hoa lấy hơi:

— Trở... ở... lại ở...

— Tại sao có tiếng «ở» vô duyên đó! Mây chặt bỏ tiếng «ở» dùm tao... Ủa chào anh Ký giả, chào anh bạn.

Tuấn đồng dục xuất hiện, theo sau là Trường. Cô bé Lệ Hoa vẫn đứng im. Nó hơi thắc mắc. Tại sao thầy có hơi... lảng trí. Nhưng nhờ được vào hậu trường sân khấu vài lần, nó chợt hiểu. Thầy nó giống như người đạo diễn đào kép diễn ngoài sân khấu, người đạo diễn ở hậu

trường được trọn quyền đi tới đi lui hoặc ra ngoài ngã tư đường cái mà uống cà phê. Đề khỏi bị rầy, nó vẫn đứng im, như trên sân khấu thật, không cần cúi đầu chào hai vị thượng khách của thầy nó.

Tuấn giới thiệu :

— Đây là nhạc sĩ Văn Ky, đây là bạn Tường.

— Cám ơn. — Vừa nói, Văn Ky vừa chỉ hai cái ghế.

Tuấn nói :

— Anh cứ dạy học. Tụi tôi đi phiêu lưu ngày Tết niên. Lâu quá mới tới đây.

Văn Ky ngồi xuống ghế, so dây đàn.

— Hai anh có thể ra trước bao lơn, ngắm cảnh. Chừng hai chục phút nữa, mình đi Chợ-Lớn kiếm cái gì nhậu.

Rồi nói với đứa học trò lớn tuổi nhất :

— Bé ! Xuống nói với cô, lấy tiền mua năm đồng bạc cà phê đen, pha trà thật đậm.

Nhạc trỗi lên. Tường hơi buồn đến bao lơn, nhìn qua nhà kế cận. Chủ nhân mua hàng chục chậu bông vạn thọ, hường, cúc. Tuấn đứng chống nạnh, nói với Tường :

— Thay đổi không khí như vậy, được chưa ?

Tường mơ màng hút thuốc, chống hai tay lên thành bao lơn. Vài chiếc xe vận tải khá to, khá nặng chạy qua. Anh sờ ngay cùi chỏ. Vết thương còn đó, hơi rēm nhừc. Anh nhớ rõ, gió đầu thổi lạnh lẽo, xe chạy trăm cây số một giờ. Vì ngồi ở phía ngoài nên gió tạt vào lỗ tai, lưng bùng. Đột nhiên, thiên hạ kêu rú, chiếc xe lao đầu trong bóng tối quay tròn, đầu anh động xuống mũi rồi mông anh quay trở lên. Anh ôm mặt, ngất xỉu, mất thở vì người hành khách kể bên đề lên anh.

— Nghe kia !

Tuấn vỗ mạnh vào vai Tường nói tiếp .

— Ngộ quá, nhiều người ao ước thấy tận mắt khung cảnh đào tạo mầm non ca nhạc cổ điển. Anh không ưa vọng cổ sao ?

Tường lưỡng lự. Thật ra, anh rất thích vọng cổ. Mười năm về trước, anh thử học đàn và ca, nhưng việc tập dượt phải dở dang vì anh thiếu hơi ca trung bình, vì anh thuận tay trái.

— Anh Tuấn. Tôi muốn về, thăm người bà con.

— Bậy nè ! Chỗ anh em với nhau. Chờ lát nữa, tụi mình cùng đi. Hôm rày, tôi tới đây vài lần nhưng chưa bao giờ theo dõi phương

pháp đào tạo của anh nhạc sĩ Văn Ky. Anh này thuộc vào hàng xuất sắc. Cô đào Vân Tuyết, huy chương vàng 62 là học trò của anh. Giới kịch trường gọi đây là « lò Văn Ky ».

Tiếng đàn của Văn Ky trời lên. Nãy giờ, anh rao chậm chậm, cố ý tranh thủ thời giờ để chờ cô Bé — đứa học trò lớn tuổi nhất, đi mua cà phê về đãi khách. Cô bé đã về, kính cần đặt hai ly cà phê đen trên bàn, cúi đầu mời Tuấn và Tường.

Tuấn nói một câu khiến Tường hơi hối hận, tro la, tục tề.

— Anh thấy nhạc sĩ Văn Ky nhã nhặn và khiêm tốn chưa ? phục vụ bạn bè hết mình. Vừa mưu cầu sanh kế, vừa hành nghề vừa giữ phép xã giao. Và Cô bé này hy sinh thời giờ, xem bọn mình như thượng khách. Tại sao anh từ chỗ tấm thanh tình của người chung quanh ?

Cô bé Lệ Hoa lên giọng nói thơ Văn Tiên rồi qua nói lối thăm :

Lần thứ hai, về thăm quê ngoại,

Ngắm vườn cam năm cũ xác xơ.

Hai tay ôm lấy nắm mồ,

Khói hương nghi ngút quyện mờ vườn cam.

Lần thứ hai trở lại...

Nghe tiếng trẻ ngọt ngào, phát âm thật rõ,

nhạc sĩ Văn Ky gật đầu đắc ý. Cô bé Lệ Hoa liếc nhìn thấy, sung sướng. Tuấn cười tủm tỉm như tán thưởng cô bé. Tường vẫn ngo ngác :

— Giọng cô bé này tốt hả ? Nó còn nhỏ tuổi quá.

Tuấn gắt giọng nhưng nói cặn kẽ :

— Im đi. Anh không rành nghệ thuật gì ráo. Phải thông cảm cố gắng thông cảm. Anh Văn Ky và cô bé này đang vui mừng...

Nhạc sĩ Văn Ky nhắc lại :

— Một lần nữa. Máy đĩa kia chuẩn bị, nhớ dò nhịp trong cuốn bài ca đề vô một lượt với người ta. Có đĩa nào ngủ gục không ?

— *Lần thứ hai trở lại mẹ khóc quê ngoại
điu hiu như vườn cau xơ xác tiêu... ơ... ơ... điều !*

Bé Lệ Hoa vừa dứt tiếng « điều » là Tường nhảy dựng. Sáu bảy đĩa học trò cồ nhạc hát rộ lên một lượt, mỗi đĩa một lời ca khác nhau, tuy cùng một bản vọng cồ, một nhịp điệu. Tuấn gật đầu, đắc ý. Nghe như bầy ong vỡ ò :

— *Nếu vắng — thấy Mẹ ngồi khóc — đôi mắt —
Điệp ơi — quê ngoại thăm lại vườn cau —
rồi duyên hương lửa, Lan có tiếc — tỳ bà long*

phím vẫn u hoài — đề cùng ón kỷ niệm — thân bọt bèo vạn kiếp mong manh — xạc xào lá vàng — riêng mình mái tóc thề đề bạn tình chung — mẹ quá khổ đau — chiếc lá vàng bay...

Thật là một bản hòa tấu hỗn loạn. Tường quên hẳn vết thương nơi cùi chỏ, quên hình bóng chiếc xe nặng 5 tấn chạy trăm cây số một giờ đang lao mình, lật ngược, lăn ba vòng trước khi nằm im... Ba bốn thứ lời ca vọng cổ trộn lộn, như mớ miềng chén đề trong thùng xóc mạnh, như hàng trăm cánh hoa rơi rụng. Tuấn khều Tường.

— Vui chưa? Trăm hoa đua nở là vậy đó. « Khúc đầu Hán Sở chiến trường, nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau » là vậy đó.

Tường cười gượng:

— Như vậy, hơi tủi cho vong hồn cụ Nguyễn Du!

— Anh hơi bi quan.

— Không nhịp điệu gì hết.

Tuấn nheo mắt, đưa bàn tay mặt lên rồi chờ đợi, nhịp chân, búng nhẹ ngón tay cái vào ngón tay trỏ, nghe một tiếng « chóc ». Tất cả mầm non đều lên giọng đề chấm câu thứ nhứt.

Lấy chồng trừ nợ cũ, hoa tàn trong chuông sớm trên đường về biên ải. Ba tiếng chót: cũ,

sớm, ải đều lên cao vút một lượt hòa hợp với tiếng đàn của nhạc sĩ Văn Ky.

Nhạc sĩ đắc ý :

— Được lắm. Tui bây tiến bộ.

Tuấn day qua Tường :

— Kỹ thuật khá lắm rồi đó. Hồi nãy tòi búng ngón tay trúng ngay nhịp. Bốn tiếng chót rơi vào nhịp thứ 32 của câu đầu, theo hơi trắc, bay vút lên. Thời xưa, con hạc ở chốn Thiên Thai cũng vậy thôi. Tản Đà bảo : « *Cái hạc bay lên vút tận trời* ».

Tường chán nản luận điệu ngông nghênh, xa thực tế của Tuấn. Tường muốn ra khỏi gian phòng. Nhưng làm vậy, anh sợ nhạc sĩ Văn Ky và các mầm non phát ý. Anh ra bao lơn. Gió Tết thổi lạnh lặn. Anh nghĩ đến vết thương nơi cùi chỏ. Đêm nay, nó sưng lên, làm độc. Có lẽ sáng mai, anh phải đi bác sĩ, rọi kiếng cho biết có sứt mẻ khớp xương không? Buồn quá. Cây cỏ, gỗ đá là giống vô tình, đã đành. Chớ như chàng Tuấn, một ký giả có tâm hồn, được liệt vào phái « *lành mạnh* », thế mà vẫn xa thực tế đau khổ của cuộc đời, tại thành phố, nói chi đến tình trạng chiến tranh ở đồng quê không xa xôi.

Tuấn đến bao lơn :

—Coi cái gì vậy ? Chán cái vụ mằm non này rồi hả ?

Tường nói :

—Coi người ta tưới kiềng, tưới bông ở căn nhà bên kia cho đỡ buồn.

—Tại sao anh không biết mê... buổi tập hát của bầy chim con, lúc chờ đón gió xuân ?
Mấy em bé đó là bầy chim non của đất nước.

—Anh đừng đại ngôn.

—Tôi nói đúng sự thật. Giờ phút này, ít ai được gần gũi cuộc đời như chúng mình.

—Mấy em đó ca hát nghe lộn xộn quá.

—Làm sao lộn xộn ? Khó lắm. Nhạc sĩ Văn Ky vừa trả lời mấy câu phỏng vấn của tôi. Anh cho biết mấy em tập tành đã sáu tháng rồi, nay tiến lên đến trình độ đáng khích lệ đó. Vọng cổ là cuộc sống, có kỷ luật nghiêm khắc, như con người giàu nghèo sang hèn sanh lão bệnh tử, chẳng ai thoát khỏi luật của tạo hóa.

—Thôi đi anh ! Giỡn hoài.

Tường nói xong, quay mặt :

Tuấn trả thuộc lòng mở lý luận mà anh

vừa học lóm được của nhạc sĩ Văn Ky ban nầy :

— Mỗi câu 32 nhịp, mỗi nhịp đúng hai giây đồng hồ, nếu ca vô dĩa thì mỗi câu đúng 64 giây, không xê xích. Coi như giỡn chớ khó lắm. Mấy cô ca như ong vỡ ổ nhưng tuân theo kỷ luật nghiêm khắc ấy.

Tường lặc đầu :

— Lời ra hỗn độn, toàn là chữ sáo, theo kiểu văn chương 3 xu không ý nghĩa.

— Người ta cần hơi mũi. Và cần ý nghĩa, cần luân thường đạo lý. Anh lầm rồi...

Bầu không khí trở nên khó thở. Nhạc sĩ Văn Ky buông đàn sau khi tập dượt đến lần thứ ba cho các mần non. Nhạc sĩ mở tủ kiếng, đem ra sáu tập sách bài ca vọng cổ :

— Các bạn thông cảm giùm. Nầy giờ nghe lộn xộn bởi vì mỗi em ca vọng cổ theo nhịp chung nhưng lời riêng. Bài ca thứ nhất là « Hương Cau Quê Ngoại » của thi sĩ Kiên Sơn, bài thứ nhì là « Thoại Khanh Châu Tuấn » của soạn giả Viễn Châu, bài thứ ba là « Tình Lan và Điệp », cũng do Viễn Châu soạn. Ba bài đó hợp đạo lý... Tôi chủ ý chọn lựa đề các em sau này đừng nhiễm thói xấu... ngoại lai. Mấy anh coi thử. Đây là bốn thứ nhất, ở mỗi nhịp tôi có ghi

dấu viết chì. Đây là bản thứ hai, không có ghi nhịp. Các em « mầm non » đã tới trình độ không có ghi nhịp nhưng vẫn ca đúng nhịp, 32 nhịp vô một câu, đúng 64 giây đồng hồ. Khó lắm. Bây giờ mình đi nhậu, được chưa.

Nghe đến tiếng đi nhậu, Tường giật mình. Vết thương chưa lành mà nhậu rượu thêm thì e nó làm độc, rủi ro bề gì thì cưa cánh tay. Bỗng dưng mà cùi chỏ Tường cử động khe khẽ.

Nhạc sĩ Văn Ky trở mặt :

— Uả ! Sao vậy ? Như có máu.

Tường nói rõ từng tiếng đề trút bao nhiêu cơn uất hận từ khi gặp Tuấn :

— Tôi đi xe từ Long An về, lật xe 3 vòng, trầy sơ sơ... Chắc nhậu không được, xin kiếu, hẹn dịp khác.

Tuấn nói giọng đàn anh kẻ cả :

— Không nhậu thì cũng đi chơi, ngồi chung một bàn cho vui. Cữ rượu thì uống nước ngọt. Cha này khó tánh quá. Hay là anh muốn tôi đăng... cáo phó vào dịp Tết ? Dịp Tết, chẳng báo nào đăng cáo phó cả...

— Thôi. Tôi buồn, đề tôi về.

— Buồn nỗi gì, ngày Tết ?

— Tôi buồn, tôi nghĩ đến bao nhiêu người khác, họ bị lật xe một lượt với tôi, không ai chết ..

Tuấn nắm tay Tường :

— Thôi, xuống đất, cha nội ơi. Vậy là vui rồi. Thương người vu vơ chỉ là tật ích kỷ. Vì ích kỷ nên nãy giờ anh có thương thức gì đâu ? Tết đến, chim non đua hát...

Tường sờ vào cùi chỏ rồi buông tay xuống khi cô bé, đứa mầm non lớn tuổi nhứt, đầu cũng 17, 18 tuổi đến gần chàng, mái tóc thoảng mùi trầm hương, đôi mắt đen nên sáng lạnh. Trong đáy biển đen huyền ấy, ngời lên hai vì sao nhỏ.

Cô bé nói :

— Thưa chú, cháu về... Thỉnh thoảng mời chú trở lại, khuyến khích mấy cháu đây. Cùi chỏ của chú... dường như...

Tường đưa hai cánh tay ra sau lưng thật nhanh :

— Chừng nào tập hát nữa ? Chú lại đây... hoài hoài.

Nên tìm đọc :

**DANH VĂN NGOẠI QUỐC
TRONG TỬ SÁCH**

GIÓ BỐN PHƯƠNG

do Nhà sách KHAI-TRÍ, 62, Lê-Lợi, Saigon xuất-bản

PEARL S. BUCK

GIÓ ĐÔNG GIÓ TÂY

Bản dịch quyền *East wind, West wind* của Nguyễn-thế-Vinh

NHỚ CẢNH NHỚ NGƯỜI

Bản dịch của Nguyễn-thế-Vinh

ĐẤT LÀNH

Bản dịch quyền *Good Earth* của Nguyễn-thế-Vinh

MẤY NGƯỜI CON VƯƠNG LONG

Bản dịch quyền *Sons* của Nguyễn-thế-Vinh

GIA ĐÌNH PHÂN TÁN

Bản dịch quyền *A divided house* của Nguyễn-thế-Vinh

LÁ THƯ BẮC KINH

Bản dịch quyền *Letters from Peking* của Vũ-minh-Thiều

NGƯỜI MẸ

Bản dịch quyền *The mother* của Vũ-minh-Thiều

CÁNH HOA E ẤP

Bản dịch quyền *La fleur cachée* của Vũ-minh-Thiều

VỢ CHÀNG VIÊN

Bản dịch quyền *La première femme de Yuan*
của Vũ-minh-Thiều